



*thư chủ nhiệm gửi
thân hữu và bạn đọc*



SỐ 190

thanh tâm tuyên * nguyên
đình toàn * vũ hoàng chương
nguyễn thị thụy vũ * nguyên
xuân hoàng * vũ bằng * tô
thùy yên * dương nghiễm mậu

tập san VĂN số 190



Paris * 03.2025

Bìa: tranh của Duy Thanh
Nguồn: Thư Ấn quán

tập san VĂN **số 190**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 190 ra ngày 15-11-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật
Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng
Năm thứ tám / số 190 /
Ngày 15-11-1971



trong số này :

- | | |
|-----------------------------|----|
| 1. Nguyễn Đình Vượng | 11 |
| Thư gửi thân hữu và bạn đọc | |
| 2. Vũ Hoàng Chương | 19 |
| Một chuyến đau | |
| 3. Thanh Tâm Tuyền | 21 |
| Dấu chân [kỳ 5] | |
| 4. Bình Nguyên Lộc | 29 |
| Sắc, không | |

5. Vũ Bằng 50
Thương nhớ Mười hai (tùy bút)
Tháng Một : thương nhớ về những ngày
nhể bụng con rận rống
6. Ngự Phủ - Quách Tấn 87
Một nghi vấn về văn học : Nhân điển
Ô-y-hạng trong bài “Đêm thu nghe quạ
kêu”, nói qua về cách dùng điển
7. Bùi Vị Xuyên và 117
Lương Thái Sỹ
Nguyễn Văn Xuân, nhà văn lập thuyết
qua phong trào Duy Tân
8. Tô Thùy Yên 155
Qua sông ; Anh hùng hận ; Đấng tử
9. Nguyễn Đình Toàn 165
Nhỏ thừa tràng đặc
10. Nguyễn Xuân Hoàng 195
Nhưng ta không thấy gì hết

11. Nguyễn Thị Thụy Vũ	203
Tổ chim	
12. Paul Gallico	242
Hoàng Ung dịch	
Tình nghệ sĩ (truyện dài, kỳ 5)	
13. Dương Nghiễm Mậu	259
Kẻ sống đã chết (truyện dài, kỳ 11)	
14. Thư Trung	278
Giải đáp thắc mắc bạn đọc	
15. Thái Tuấn	283
Tin văn văn	

TRANH BÌA : tranh của Duy Thanh

Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

* Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : ông Nguyễn Đình Vượng.

* Phụ tá Chủ nhiệm : ông Đàm Gia Tuấn.

* Thư từ, bản thảo, tiền bạc gửi : ông Nguyễn Đình Vượng.

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T.: 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

thư gửi thân hữu và bạn đọc

Một diễn đàn văn nghệ, như đời sống một người, không bao giờ là một hiện tượng bình yên vĩnh viễn. Mà, trên một dòng chảy đều hòa, liên tục kéo dài, đôi khi lại có những thay đổi, những biến chuyển xảy ra. Những thay đổi ấy đến từ nhiều phía. Khi tự bên trong, khi tự ngoài. Những biến chuyển ấy phát hiện qua nhiều hình thái. Từ thoáng qua đến trầm trọng. Chuyển đổi một địa chỉ, mở rộng hay thu hẹp địa bàn hoạt động, vì nhu cần thực tế, hướng dẫn

đàn đến một chiều hướng khác với chiều hướng đã có, cho thích ứng với một hiện đại văn học chuyển mình, một đợt tăng cường, một lần cải tiến, hãy chỉ kể một vài trường hợp, đó là những đổi thay lớn nhỏ lâu lâu lại xảy đến cho bất cứ một diễn đàn nào. Bán nguyệt san Văn, tháng vừa qua, cũng đứng trước một đổi thay như vậy. Với sự xin nghỉ việc, vì lý do sức khoẻ, của anh thư ký tòa soạn Trần Phong Giao, lý do này đã được anh nói rõ trong lá thư báo tin và từ biệt mọi người.

Tầm quan trọng của vấn đề đặt ra, tuy vậy lại không nằm trong những đổi thay ấy. Mà trong thái độ, và quyết định của người chủ trương chịu trách nhiệm hoàn toàn và trực tiếp với bạn đọc, thế nào cho tiếng nói và sự có mặt của diễn đàn không thể gián đoạn, tờ báo phải tiếp tục. Bởi cái lý do giản dị là một tờ

báo như Văn, đã có tám năm sống, đã được bạn đọc chấp nhận, thì nó không còn là của riêng một cá nhân nào, nó là của chung, của tất cả mọi người. Quyết định đích thân điều khiển tòa soạn, kể từ tháng này, trình bày trong thơ ngỏ đăng trên Văn số trước của tôi được đọc bởi tinh thần trách nhiệm vừa nói. Thành ra, sự thay đổi nào xảy đến cũng không quan trọng nữa. Chỉ là thứ yếu. Diễn đàn này phải tiếp tục, vững vàng, mạnh mẽ hơn bao giờ. Đó mới là điều đích thực quan trọng.

✱

Nhìn lại tám năm qua, như một đoạn đường dài bỏ lại của Văn, một trong những tạp chí định kỳ phát hành đều hòa và liên tục nhất, bạn đọc và thân hữu hẳn

đã nhìn thấy ở diễn đàn này một tư thế, một đất đứng hết sức rõ rệt. Đất đứng đó nằm giữa trung tâm sinh hoạt văn học nghệ thuật, không tách rời, không biệt lập. Ngay từ số đầu, Văn đã không muốn là của một người, một nhóm. Mà là một ngã tư chung cho hết thầy cùng học trò. Trên Văn, không hề có những danh giới ngăn cách giữa cái mới, cái cũ. Chỉ có những cái đúng, cái đẹp, cái thật cùng lên tiếng, cùng kết hợp. Trong Văn, không cháy bùng những xung đột trường phái, những hiểm khích thế hệ, thường chỉ đưa dẫn tới những bút chiến nóng giận mất bình tĩnh, những đả kích đầy thiên kiến của chủ quan mù lòa sai lệch, không lợi ích gì cho xây dựng chung. Văn chủ trương một thái độ tương kính, điềm tĩnh, giữa những người làm văn học nghệ thuật, dù hòa đồng hay bất đồng. Những hố thăm của chia rẽ không

được khơi đào trên diễn đàn bằng hữu này. Tiên chuẩn của Văn là dung hòa và kết hợp. Văn không mở riêng một mặt trận nào, chĩa mũi nhọn vào một cá nhân nào, ngoài sự góp phần chân thực và khiêm tốn vào mặt trận lớn là xây dựng văn học nghệ thuật đất nước. Tiêu chuẩn này sẽ được duy trì, mặc dầu có thể vì thế mà Văn bị chỉ trích là thiếu lập trường và không thái độ. Đặt diễn đàn này thành nơi phô diễn cái muôn hình của văn chương, cái muôn mặt của nghệ thuật, đó là lập trường, đó là thái độ của Văn. Trong thời gian đã qua, cũng như cho những tháng ngày sắp tới.

✱

Tuy vậy, cùng với sự đích thân điều khiển tờ báo của tôi, Văn cũng sẽ thực

hiện cho nó một số thay đổi tôi thấy là cần thiết, Trên phương diện tổ chức và điều hành tờ báo, một mặt. Một mặt khác, làm cho bộ mặt và nội dung bán nguyệt san này được phong phú, tốt đẹp hơn. Và cũng là để đưa tới một hợp tác rộng rãi, mật thiết hơn trước với thân hữu và bạn đọc, với tôi là điều kiện hàng đầu cho sự sinh tồn của một tạp chí trong hoàn cảnh và tình huống văn học nghệ thuật hiện tại. Trong những số tới đây, bạn đọc sẽ thấy Văn có một nội dung, một hình thức trẻ trung, linh động và hiện đại hơn. Một bộ biên tập gồm một số nhà văn nhà thơ tên tuổi đã dành được cảm tình và tin tưởng của bạn đọc và thân hữu, sẽ thành hình, tạo thành cái lực lượng biên tập chủ lực, đưa tới sự thực hiện cho diễn đàn này một phong cách, một màu sắc độc đáo. Văn, của những liên kết, những cái chung. Văn còn có cái riêng. Đó là ý

muốn của tôi, cho Văn, từ nay, trong liên tục mà còn hàm chứa ý nghĩa một khởi hành mới.

Phần đất cố định của bộ biên tập, tuy vậy không phải là một tràn chiếm cùng khắp diện tích và chiều dày số báo. Trái lại. Như tôi đã trình bày trong lá thư ngỏ kỳ trước. Văn thiết tha chờ đợi và mong muốn sự hợp tác thường xuyên về phần bài vở của bạn đọc, các nhà văn nhà thơ ở thủ đô và các địa phương, đặc biệt là các tác giả trẻ, các người viết mới, hơn bao giờ. Tác phẩm nào của các bạn cũng được nồng nhiệt tiếp nhận. Sáng tác nào có giá trị cũng được giới thiệu và trình bày trang trọng. Người chịu trách nhiệm về điều hành tờ báo là tôi. Nhưng thân hữu và bạn đọc của Văn mới đích thực là chủ nhân của diễn đàn này.

Làm cho bán nguyệt san Văn có một bộ mặt trẻ trung, linh động, hiện đại hơn, tạo dựng cho Văn một nền tảng vững chắc, đi từ sự thành hình một bộ biên tập chủ lực hùng hậu đến một hợp tác rộng lớn, không giới hạn, với thân hữu và bạn đọc, giữ lại những cái nên giữ, thay đổi, làm mới những cái cần làm mới, cần thay đổi, tóm lại duy trì cho Văn một hiện diện rục rỏ xứng đáng là một diễn đàn văn học nghệ thuật, xứng đáng với lòng tin yêu của thân hữu và bạn đọc, đó là mấy điểm tôi muốn đề nghị và trình bày trong lá thư này. Và kể từ tháng này.

Nguyễn Đình Vượng

VŨ HOÀNG CHUÔNG

một chuyến đau

*Xưa kiếp Đường tăng nay Bạch
vương*

*Hồn Thơ nhập đạo chuyển hành
hương*

Thỉnh kinh Tam tạng trà La hán

Ngựa bạch xe lam một nẻo đường

Bâng khuâng Tiếng ngọc chẳng hề xa

Với kẻ bao thu dựng Tháp ngà

Gang tắc nào hay mưa gió löt

*Vào Thơ... truyền cảm thấu xương
da*

*Hàn phong mỗi thớ thịt vây quanh
Lửa bốc như thiêu bả của thành
Mặt trái Thời gian hồn đảo ngược
Mơ hồ nghe tiếng liễu trong oanh*

*Cơn sốt Rừng phong nhuộm đã sâu
Hoa đèn mê giấc... bổng từ đâu
Mây hồng tràn tới hơi ca ăm
Từng đợt quan san biếc lại màu.
Sàigòn Sơ thu Tân Hợi*

THANH TÂM TUYỀN

dấu chân

5

Bạn ta. Nửa đêm, bỗng mình mọc lên trong quạnh quẽ tư bề như một búi xương rỗng. Rõ ràng như bị trống, cảm kỳ cục. Đêm chon von một trời trăng quái gở. Tại sao lại búi xương rỗng ? Có lẽ tại ta đang nghĩ đến tua tủa những mũi gai. Những mũi gai huyền ảo. Cơn say rớt lại vị cứng rắn, ê chề trong miệng lưỡi ta. Kiệt cùng thật êm như ngày sẽ chẳng bao giờ ló dạng nữa.

Lúc này ta về nằm vật trên giường như con cá mắc cạn. Thở phì phò như rắn hồ. Trôi như rớt theo ngọn thác. Bay trong cơn bão cát mù. Ta thấy ta vun vút như ngày đang quất những roi đòn hằn thù không ngớt. Ta cười hộc một mình. Ta đó ư ? Bạn đó ư ? Mình đó ư ? Ừ... ừ... ừ... một điệu cuồng tẻ ngắt.

Lâu lắm mới say như thế này. Say khướt một mình. Tội không ? Từ ngày lên đây, bữa nay say trện thứ nhất. Trong cái hội quán của doanh trại, ta ngồi bám ở quầy không rời nửa bước, uống liên tu, nhìn ngắm người xung quanh. Nhìn. Thấy. Thấy nhìn thấy... Cứ một mình là lắm cảm.

Ta không Thiền được như bạn ta. Nghĩ tức. Nhưng Thiền là cái quái gì hả bạn ? Nói cho ta nghe với. Nói đi, nói đi. Đố bạn dám nói đấy. Bạn nói và bạn sẽ

chết với ta. Bạn im thì ta sẽ nói và bạn cũng chết. Đẳng nào cũng chết cả. Vậy sao bạn không chết ? Ta không chết ? Ấy là vì sự tầm thường. Tầm thường như bọt mép ta phun phì lúc này. Tầm thường như tiếng chó tru trong xóm dưới chân đồi.

Thiền là Zen, có phải không nào ? Zen là cái tiếng gì vậy ? Ta nhớ hồi nhỏ đọc kiếm hiệp ta có biết ông Chí Thiện Thuyền sư. Ta nhớ rõ là thuyền sư, không phải thiền sư. Ta không biết đích thuyền sư hay thiền sư và thuyền sư hay thiền sư có giống ống Chi Thiện không. Nhưng chắc chắn ông Chí Thiện không biết Zen — Bạn Thiền và bạn biết Thiền là Zen. Cũng giống như ta đang say và biết mình say hoặc biết mình không say.

Ta có thể nào Thiền trong cơn say của ta chăng ?

Ta không biết. Bạn cũng chẳng thể biết.

Ta chỉ biết ta đang viết đây trong cơn say, trong một nửa cơn say. Khi ta bị dựng dậy. Bị trông, bị cấm trơ khác. Không lay động trong đêm lạnh ì ào như biển vỗ bên ngoài.

Ta đang tưởng tượng như ta chính là bạn, ta tọa Thiền. Ta thể nhập trong cơn bão táp bủa vây trời đất. Ta bay hút hoài, không ngó ngoái. Trong ta, trong bạn ta. Trong cơn say khốn khổ, thiếu não của trùng trùng những chớp lóe chấn động hết sức quạnh hiu. Ta bóc dần ta từng lớp vỏ, ta bóc dần bạn ta từng lớp vỏ. Ta bóc đến cùng kiệt, kiệt cùng. Một lúc nào (không hiểu có phải là ngộ chăng ?) ta tuyệt tích, ta tuyệt vời, ta điu hiu cùng khắp. Và ta cười học nhớ mình còn say. Ta đang viết cho bạn.

.

Đến đây ta cũng tự nhận ra không còn làm trò hề mà ta đang làm trò xiếc. Trò đánh đu lộn mèo trên cao với lưới an toàn căng bên dưới. Buồn nhỉ. Bạn có thể rớt nảy lên nảy xuống mấy hồi, xong có thể tiếp tục bám vào chiếc đu mà bay cao tít. Trong ánh đèn chiếu rục rĩ, trên đám đông ngược trông ngưỡng mộ.

Biết đâu là kiệt cùng ? Những người đã tới chẳng thể trở lại. Những kẻ còn đây chẳng thể tới kiệt cùng. Tại sao ta lại mong ?

.

Hơn lúc nào, ta mong ta rớt xuống, rớt thẳng cẳng, rớt sung sướng mãi nguyện. Ta ngăn trò đu quá trời. Bạn ta hiểu chứ ? Đêm nay, ta muốn viết cho

bạn về những sự tầm thường. Sự tầm thường đến chán ngóét của mỗi ngày bầu bám như bụi trên đồ vật không khi nào lau chùi hết. Sự tầm thường bị hắt hủi vì những mộng cao viễn (Ôi, những mộng chắn ngang đời ta — ta vừa sục nhớ câu thơ này).

Bạn cử việc tiếp tục Thiền. Cơn say của ta, đang tan. Ta có thể viết cho bạn bình tĩnh hơn một câu đại loại như sau : Đã có một thời của hiện sinh do mấy anh du học Pháp, Bỏ về khua chiêng gióng trống thì nay đến một thời của Thiền do mấy anh du học Mỹ, Nhật về gióng trống khua chiêng. Nhưng cũng chẳng sao. Sự tầm thường dằng dặc rồi sẽ trùm phủ hết thảy, nuốt trôi hết thảy Yên chí đi.

Dù sao vẫn mong cho bạn ta tuyệt tích được như Đạt Ma Sư Tổ. Còn ta, mặc ta, sớm mai ta dậy ta sẽ Thiền chút

chút trước ly cà phê buổi sáng trong một quán đông người.

Thanh Tâm Tuyên

Đón đọc :

CÁCH MỘT GIÒNG SÔNG

tập truyện **TRẦN HỮU LỤC**

bìa **ĐINH CƯỜNG**

giai phẩm đặc biệt của **ĐỐI DIỆN**

CHIA VUI

Được tin : **VŨ CÔNG DUY LIÊM**

sẽ cùng: **TRẦN THỊ KIM MỸ**

đưa nhau về bến mộng tại Huế
ngày 11-11-1971

*Thành thật chúc mừng
đôi uyên ương vững tay
phất cờ hạnh phúc trăm năm.*

TRẦN DZA LỮ

Hoàng Đăng Nhuận

BÌNH NGUYÊN LỘC

sắc, không

ác nông dân chặn Thảo lại và nói :

– Thầy không nên đi tới nữa, đằng kia là cấm địa.

Người này có bộ mặt quen lắm, nhưng Thảo không tìm được một cái tên để đặt lên bộ mặt ấy. Bác ta hình như không nhận ra chàng, nên không có nhìn chàng lâu hơn một phút.

– Cám ơn bác, tôi chỉ đi tới đây thôi.

Rồi chàng dừng chân lại để đợi vợ con chàng, chúng nó yếu chân, còn lết thụt đi sau. Ở đây là một khu rừng sao thưa, rộng lối hai mẫu tây, cây còn tốt nhưng đã trụi lá hết, vì thuốc khai quang. Thảo không tìm được bóng mát nào hơn ở đây, nên đành phải cắm trại tại một nơi nắng nhiều quá. Nhưng cũng tạm được vì nắng sớm, những tia nắng xiên bị lu bù thân cây ngăn lại. Tối giờ Ngọ, thì không còn ngồi đây được, nếu không che lều.

Lá ủ ở đây trông giòn như bánh tráng nướng vì bị phơi nắng nhiều năm, không như ngày xưa mà trong rừng là bóng râm mát, mặt trời không nhìn tới đất được bao giờ hết.

Thảo không cần chọn chỗ, vì chỗ nào cũng như chỗ nào, không dơ vì ở đây không có gia súc phóng uế, mà cũng không sạch vì nơi nào cũng đầy dẫy lá

chết. Chàng hạ tấm bố vải lều nặng trên mười kí lô xuống, tấm bố ấy được cuộn tròn bẻ gấp đôi lại mà chàng mang sau lưng như một nông dân mang chiếu. Chàng trải tấm bố ra, và bỗng dựng một diện tích hình chữ nhật sạch sẽ, xuất hiện ra, che lấp tất cả những rác rến ở dưới.

Ở dưới tấm bố, cái gì cũng đã bị xóa hết, bị xóa thật nhanh chóng như một ông thầy giáo xóa những chữ phấn trên tấm bảng đen.

Và thành linh Thảo như bị trời trồng trước một ý nghĩ khác, một ý nghĩ do liên tưởng làm nảy ra. Làng của chàng cũng đã bị xóa, y hệt như cái diện tích đất nhỏ này, bị xóa bởi một tấm thảm khổng lồ là cái phi trường ở đằng xa kia mà bác nông dân nói là cấm địa.

Còn xa lắm, cả hai cây số nữa mới tới

bìa phi trường, nhưng vòng đai phòng thủ ban ngày của sân bay, phải lấn ra tới đây. Vòng đai phòng thủ ban đêm còn ăn ra xa hơn nhiều, ít lắm cũng mười cây số để ngăn chặn pháo kích.

Vợ con Thảo đã tới nơi. Chúng đặt lên tấm bố những thức ăn cho bữa ăn trưa, trẻ con chạy đi chơi liên, còn vợ chàng thì hỏi, nhưng không được đáp lời.

– Sao anh lại chọn một chỗ không có bóng mát ?

Thảo đã ngồi phetch lên tấm thảm, tâm trí đi rất xa, đi vào do thám phi trường ở trong kia. Vợ chàng khó hỏi thì thôi ! Chàng về thăm làng, mà bìa làng ở đây, như vậy không chọn nơi này thì còn chọn nơi nào ?

Nhưng vợ chàng là người tỉnh khác mà chàng chỉ cưới sau khi dời làng, cô ấy mù tịt về vùng này, và nói sao, cô ấy cũng không hiểu cả.

Thảo nhẩm tính thì có đến sáu làng bị xóa như vậy mà làng của chàng là một làng cuối cùng, nằm ngang với làng Phú Hòa ở trong kia nữa, gần bìa rừng, tức phi trường xưa được kéo dài ra, choán hết cả ba làng về chiều dài và hai làng về chiều ngang. Đó là một tấm vải bố khổng lồ mười vạn lần rộng hơn tám vải bố mà chàng vừa trải ra.

Trước mặt chàng ngày xưa là một trái đồi con, nhưng nay không còn dấu vết nữa. Cho đến cả núi non lớn hơn mà xe ủi đất còn đủ khả năng xóa được, hướng chỉ là cái đồi tí hon của chàng. Bộ mặt của thiên nhiên đã bị thay đổi hết ráo, y như bộ mặt của một kẻ bị thương vừa ra

khỏi tay một y sĩ chuyên về thủ thuật sắc diện.

Bên kia trái đồi là một con suối. Xóa mất con suối ấy là một kỳ công, vì hẳn họ phải tìm đường khác để xuyên tạc dòng nước, chớ dòng nước tuy mềm mà không thể xóa luôn được như đồi đá, bởi xóa nó ở đây thì nơi khác bị ngập lụt.

Con suối không tên ấy, dễ thường đã có mặt từ nhiều ngàn năm rồi, y hệt như trái đồi, có mặt vào thời mà các nhà địa chất học gọi là thời Toàn Tân mà biển làm xáo trộn vùng đất này. một thời gian rồi rút đi luôn và suối, sông, mới thành hình hẳn. Té ra thiên nhiên cũng chết, mặc dầu chết chậm hơn con người. Ta sống chỉ được có bảy mươi tuổi, thiên nhiên mà ai cũng tưởng là vĩnh cửu, có thọ hơn ta thật đó, nhưng cũng chỉ thọ có ba bốn ngàn năm, còn yêu tử hơn cả

lịch sử của một dân tộc nữa.

Một toán tuần tiễu đi qua, bắt gặp con chàng sắp xâm nhập vùng cấm địa. Họ nói gì với chúng nó chàng không nghe được, nhưng Thảo cũng cứ gọi con về. Vợ chàng cũng biết rằng đằng kia là đất cấm, nên cũng gọi con. Lũ trẻ trở lại đây, thở hồn hển và nói :

– Ba ơi, họ nói có oánh giặc !

– Hừ, đánh chó sao lại oánh ! Thằng Tân đã đi học rồi mà tiếp tục nói oánh thì sẽ bị cô giáo đánh đòn chết.

Vợ Thảo cười rồi nói :

– Không biết sao mà đứa trẻ nào, bất kỳ con của gia đình nào cũng nói “oánh” nhưng người lớn có nói như vậy bao giờ đâu.

Thảo cãi :

– Có, người bình dân nói như vậy. Chúng nó bắt chước con nhà bình dân đã chơi chung với chúng nó.

Con bé Thủy hỏi :

– Má ơi, cái này có phải là rừng hay không má ? Anh Tân nói là rừng, nhưng con thấy rừng ở trong tivi khác.

Vợ Thảo cũng chẳng biết rừng thật ra sao, nên trả lời càn :

– Ủ, đây là rừng, nhưng rừng này nhỏ, mà cây đã chết hết rồi. Các con đừng có đi qua cái lằn mức có trồng những cây trụ sơn trắng. Ở trong nữa có bãi mìn, nó nổ thì chết.

– Ghê quá. Tân nói rồi hỏi thêm, nổ sập nhà lâu hờ má ?

Nó đã thấy nhà lầu ở Sài Gòn sập và nghe nói là vì mìn nổ, nó nghĩ ngay tới nhà lầu. Vợ Thảo bật cười mà không đáp. Nàng hỏi :

- Các ông lính nói gì với các con ?
- Họ bảo đi chỗ khác chơi.
- Ủ, nên nghe lời họ, không thì chết.

Người nông dân cứ lặng lẽ cuốc đất. Bây giờ trời vào mùa nắng. Đất ở đây khô cằn, ngày xưa họ trồng trọt được nhờ lấy nước ở suối lên bằng một thứ máy thô sơ gọi là cái “xa”. Không biết bây giờ họ lấy nước ở đâu mà bác này cứ cuốc, y hệt như ngày nào.

Thiên nhiên ở đây đã bị xóa đến hai lần, lần đầu, cách đây ba trăm năm mà dân ta di cư tới, và bây giờ. Thuở đó, chắc ở đây là rừng già. Rồi tổ tiên Thảo

đã phá rừng khẩn hoang để làm nông nghiệp. Những con đường mòn trong làng tự nhiên mà thành hình, rồi cây ăn trái được trồng, lớn lên, nhiều cây đã lên lão, nhưng còn găng gượng cho trái, năm chàng dời làng. Sự sống đã xuất hiện từ đó những nay, rồi thì chết hết. Không, sự sống không chết, vì sân bay cũng là sự sống, nhưng đó là sự sống dưới một bộ mặt khác. Sự sống ảm cúng, nhẹ nhàng của làng xóm không còn nữa.

Nghe đầu dân ở đây đã được bồi thường để đi lập làng nơi khác, nhưng Thảo biết rằng họ không làm sao mà lập lại được một ngôi làng giống gần hay giống xa cái làng cũ của chàng. Cái bờ suối mà chàng đã đứng yên để rình ngắm những con chim thẳng chài bắt cá, cái bờ suối ấy không thể tái lập được với bất kỳ con suối nào khác hết.

Các nhà dàn cảnh xi-nê-ma họ đã hồi phục những thành phố cổ mà ngỡ là giống lắm, nhưng ảo tưởng giống lắm của ta chỉ có được là vì ta không biết những thành phố cổ ấy thật sự nó ra sao, chú việc tái tạo nào cũng cử là tân tạo không làm sao mà giống như cũ được hết

Nhưng Thảo không nghe buồn nhiều lắm. Chỉ có những kẻ mất chút ít là buồn mà thôi. Khi con người đã mất hết thì lòng họ chết đi, họ không biết buồn nữa. Tâm trạng của chàng khác hẳn tâm trạng của những người ly hương. Bọn ấy còn mong có ngày về, còn hy vọng được xem một bức ảnh, còn chàng thì chàng không biết về đâu nữa, còn ảnh thì nếu có ai dám chụp ảnh nơi này, ảnh chỉ cho thấy một bãi đất bằng phẳng, nặc danh, không còn lấy một gốc cây đa cổ thụ thân yêu, không còn lấy một bụi tre quen thuộc.

Tấm vải bố mà chàng đang ngồi lên đó, đã xóa diện tích đất phủ lá khô, nhưng khi chàng cuốn bố lại, thì những gì đã có khi sáng, cứ còn nguyên. Nhưng sân bay này mà có bị bỏ, làng của chàng cũng không bao giờ thành hình lại được.

Thảo đã làm giàu, giàu ghê lắm, nhưng nếu chàng đổ hết sản nghiệp ra, qui tụ dân cũ của làng xưa, đòi mảnh đất này lại, họ cũng không làm sao mà tái tạo lại được những hình ảnh mến yêu nó đeo đuổi chàng từ bao lâu nay, và sẽ đeo đuổi chàng mãi mãi.

Thảo không buồn nhiều, nhưng vẫn có buồn. Thế nên chàng cố tìm lý lẽ để tự an ủi mình trước một đổ vỡ mà chàng tuyệt đối bất lực ngăn chặn. Vợ chàng hỏi :

– Hôm nay, chuẩn bị về làng, coi bộ

anh phần khởi lắm, nhưng sao từ nãy tới giờ trông anh không được vui ?

Thảo cười hể hể mà rằng :

– Tại đi bộ mệt.

Sự thật thì xe đậu ở con đường làng có trải đá, cách đây có năm trăm thước. Chàng biết vợ con của chàng không làm sao mà hiểu được chàng. Chúng nó sanh trưởng nơi khác, thương mến những hình ảnh khác và thấy cái xó này mà có mất đi cũng chẳng có sao hết. Đó là quan điểm của những người thiết lập phi trường, có lẽ ngày cho dân chúng hay tin để họ đi tản đi nơi khác, các ông đó đã trở mắt nhìn họ như nhìn những con quái vật, tự hỏi sao họ lại cố hãm nín vào cái xó quê căn cỗi này ; không có gì quyến rũ đáng kể, mà số tiền bồi thường cho họ thì rất xứng đáng.

Nếu chàng biết làm văn nghệ, thăm kịch hóa cái tai nạn của chàng, vợ con chàng sẽ cảm động, nhưng chỉ trong có năm phút đồng hồ thôi. Phải là người ở trong cảnh mới có lối thấy y như ta được. Ta lôi kéo họ theo ta, ta có hũu lý, họ cũng theo, nhưng chỉ theo vài bước thôi.

Nhưng khó lòng mà họ cho rằng ta hũu lý. Thảo có rất nhiều tiền, thừa sức tạo lập một làng mười lần đẹp hơn làng của chàng nữa. Họ sẽ bảo là chàng gàn, nếu chàng cho họ biết những ý nghĩ của chàng.

Đó là quan điểm của những kẻ nghe tin các anh con trai, các chị con gái sầu tình rồi uống thuốc ngủ. Họ cho những kẻ chết là dại, bởi trên đời này còn biết bao nhiêu con gái, con trai xinh đẹp, giỏi giang, xứng đáng với tình yêu của các

cậu, các cô. Không, họ không làm sao mà hiểu được kẻ đại cả.

Không phải là chàng đã nuôi ảo tưởng nào trước khi về làng. Chàng đã có tin tức, và biết rằng không còn gì nữa đâu. Nhưng đây là một cuộc hành hương, như người ta đi thăm mộ kẻ chết. Có người lại uống dầu nóng liền, không có thì giờ để đi thăm mộ ai hết, đôi khi quá vội quỵên sinh, phải chịu cảnh của anh chàng Roméo trong chuyện Roméo và Juliette.

Họ không thể hiểu rằng người trong cuộc có một lối nhìn khác hơn người ngoài, và không hiểu rằng có những hình ảnh, màu sắc âm thanh không thể thay thế được bằng cái gì cả.

– Em nè, Thảo gọi vợ, em lấy bánh cho các con ăn đi.

– Ủ, chúng nó ham chơi, không thích ăn bánh đậu. Nhưng rồi chúng nó sẽ đói lắm và sẽ tự nhiên mà trở lại đây đòi ăn.

– Em có lý !

Vợ Thảo ngỡ chồng mình nói về chuyện không cần phải gọi trẻ để cho chúng nó ăn bánh, vì chàng đã nhận lớp, không nói những ý nghĩ trước của chàng ra, ý nghĩ đó thuộc về ngôi làng bị xóa, thuộc về nỗi bận bịu của chàng đối với hình ảnh cũ, thuộc về sự bất đồng ý của vợ chàng.

“ Em có lý ” nghĩa là em có lý mà không gàn như anh. Một làng mất thì có sao đâu. Nước mất kia mới đáng sợ. Mà nước mất có nghĩa gì đối với sự tan nát của cả một nền văn minh như nền văn minh Ai Cập. Nhưng cả nền văn minh Ai Cập cũng chẳng có nghĩa gì đối với

nhân loại, vì nhân loại đã xây cất hơn Ai Cập, cất nhà cho dân ở, chớ không phải cho thánh thần ở, tuy kém đồ sộ hơn đền đài Ai Cập, nhưng ít ra người dân cũng có cầu xí hăm, có nước máy, có đèn điện. Nhưng cái nhân loại này cũng chẳng có nghĩa gì cả vì rồi chiến tranh nguyên tử sẽ tàn phá quả địa cầu, trước khi quả địa cầu chết đi vì nguội lạnh như mặt trăng.

Chừng ấy thì những mối tình to lớn mà các thi hào ca ngợi, chẳng còn gì hết, và tình yêu quê hương cũng chẳng còn gì cả.

Bất giác, Thảo nhớ lại cầu phủ của Tô Đông Pha trong bài Tiễn Xích Bích : “Non sông này dài vô cùng... thương cho thân ta bé nhỏ như hột cát...” Non sông, thật ra không dài lắm đâu, thời gian mới là dài. Sông cạn, núi mòn, nhưng thời gian thì cứ bình yên đi qua, thân ta như

hạt bụi. Những tình cảm của ta mà ta ngỡ là to lớn lắm, sẽ không còn gì nữa đâu. Tào Tháo đã hốt hoảng tại Xích Bích, Tô Đông Pha đã thương người xưa thua trận tại Xích Bích, nhưng thời gian đã cuốn mất họ Tào và họ Tô, đoạn sông Dương Tử tên là Xích Bích, ngày nay đang nhìn những đoàn tàu máy của Hán Khẩu – Vũ Xương. Hán Dương, cái giang cảng khổng lồ của Trung Quốc, rồi giang cảng ấy sẽ tan nát dưới một trái bom khinh khí, rồi có thể loài người sẽ quên mất bài phú Tiền Xích Bích vì sách vở ra tro hết.

Họ sẽ tái tạo một nền văn minh mới mà bước tái khởi hành có thể là giai đoạn đá mài.

Thảo vụt cười khan lên. Vợ chàng cũng cười rồi nói :

– Anh đã hết buồn rồi!

– Ủ. Và ta nên tận hưởng những gì mà ta đang có trong tay ngày hôm nay, nói theo người La Tinh thì ta nên : Hái lấy ngày qua.

– Và tối nay ta đi ăn ở Maxims anh nhé.

– Chớ sao. Ăn, nghe nhạc, để quên hết, để khỏi nghĩ tầm ruồng.

– Anh đang nghĩ làm ruồng về gì ? Mơ cô nào đó hả ?

– Nếu có cô nào để cho anh nghĩ đến thì đỡ khổ cho anh không biết bao nhiêu. Nhưng từ đây, cô nào, cho dầu là một cô hoa hậu, cũng chẳng còn nghĩa lý gì đối với anh cả.

– Còn em?

– Em thì còn, cho tới ngày anh

xuống mồ, và trong giây phút anh hấp hối, chắc anh quá hoảng hốt để có thì giờ mà thương em ở lại một mình.

– Còn khuya.

– Ừ, còn khuya. Nhưng mà nó sẽ tới, và sẽ tới như thế đó.

– Anh nghĩ tâm ruồng thật. Tại sao lại nói toàn chuyện buồn ?

– Ấy, anh hơi gàn gàn. Chỉ có bọn ăn ngon, mặc đẹp, ngủ yên giấc là có lý, còn bọn nghĩ tâm ruồng là đồ điên hết thủy.

Bình Nguyên Lộc

nhà xuất bản

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

tái bản lần thứ nhất

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài của Mai Thảo



2500 ấn bản mới, in đẹp hơn lần trước
đã phát hành — đang bán tới
ngàn thứ hai gần hết

VŨ BẰNG

thương nhớ mười hai

11. Tháng Một: thương về những ngày nhẽ bọt con rận rồng

 ường là hết chuyện truyền kì,
quả là lắm. Sang tháng Một, lại
có truyền kì về con cà cuống.

Có ai ở Bắc Việt vào đây cho hỏi
thăm tháng Một mấy năm nay ở Bắc
Việt, trời có rét lắm không, mưa vẫn riêu

riêu buồn như trước hay thời tiết vì ảnh hưởng bom đạn của Mỹ đã khác xưa? Nghe thấy nước bạn Mỹ xuất toàn lực ném những loại bom kinh khủng lắm, mà ném toàn bom nặng tới bảy trăm tấn có sức phá hoại ngang bom nguyên tử, mình ở đây thấy rợn cả tóc gáy lên, ấy thế mà không hiểu làm sao cứ nghe thấy người ta nói là Bắc Việt vẫn đánh và đánh dữ hơn cả lúc mới phát động chiến tranh là khác!

Thế thì là cái thớ gì? Ở đây, người ta cũng ném bom tiêu diệt quá khích, ai cũng bảo là thời tiết không như trước, mưa không đúng cỡ mà nắng cũng ra ngoại lệ, thành ra mình cũng tưởng thời tiết Bắc Việt đổi thay, do đó lắm đêm nằm tưởng tượng, mình cứ ngỡ là Bắc Việt không còn mưa rét nữa mà có khi lại nóng nứt đá tan vàng cũng nên. Nghĩ

như thế, thấy buồn; nhưng nằm nghĩ thêm một lúc mình lại cười muốn khóc. Bom không làm nhụt được người thì sao mà lại ảnh hưởng được đến trời?

Bảo rằng thuốc khai quang có thể làm cho người ta ngửa; đạn thối có thể làm cho người ta nghẹt mũi trước tiến bộ của văn minh khoa học; đạn cay có thể làm cho người ta nhức đầu khó chịu, nhưng bảo rằng bom mà thay đổi được thời tiết, có lẽ là chuyện mơ hồ bịa đặt.

Ấy, chính vì nghĩ dớ dẩn như thế mình mới thấy yên tâm hơn một chút.

Hơn thế, lại còn nghe thấy nói rằng những vùng bị bom, mười ba năm nữa không cày cấy, trồng trọt được cũng lại là lòi nữa. Trái lại, có người quả quyết những chỗ bị bom cày như thế trồng trọt cày cấy lại tốt hơn, còn không khí

ở những vùng bị bom nguyên tử ở Nhật tưởng đâu là bị ô uế đời đời nhưng chỉ mấy tháng sau thì lại sạch sẽ và trong vắt như thuở trước. Cây lại đâm hoa trở lá, chim lại ca hát trên cành, thế thì cơn bom đạn qua rồi trời lại trong xanh, gió lại thổi, mây lại bay, cây lại nở ngành xanh ngọn, có hề gì đâu, như thiên hạ vẫn thường đồn đại?!

Nước non là nước non trời,

Ai chia đặng nước, ai dãi đặng non

Không ai dãi đặng non, không ai chia đặng nước, thế thì tháng Một ở Bắc Việt, tất nhiên vẫn rét, mưa tháng Một ở Bắc Việt tất nhiên vẫn riêu riêu. Và nghĩ đến như thế thì bảo không yêu Bắc Việt làm sao cho được?

Mưa rét thì khổ, khổ nhất cho người nghèo, nhưng biết như thế mà vẫn cứ yêu

bởi vì cái mưa, cái rét ấy thông thường quá, vì chỉ có Bắc Việt mới có cái mưa cái rét ấy thôi. Ai đã xa nhà, trôi nổi ở một phương trời không có nước mắt, không có phở, tương tư phở và nước mắt thế nào thì ở giữa một thành phố khét lẹt hơi người, chói chang nắng lửa, người ta cũng nhớ mưa rét tháng Một ở quê hương mình đến thế là cùng.

Chập tối, thắp một ngọn đèn lên ăn cơm rồi uống một ngụm nước vối, quây quần lại với nhau nói chuyện, cái thú ấy kể đã êm đềm; nhưng nếu lại chống một cái gậy tre, đi qua vũng lầy mà sang nhà hàng xóm bàn chuyện tầm phơ, cái thú ấy lại càng đậm đà hết sức.

Những cái gộc, những cành cây mót lại và chất đống ở hàng sau vừa thóc, lúc bấy giờ lấy ra đem chụm để cùng quây lại mà sưởi ấm, có một cái gì rất mờ ảo, thần

tiên, làm cho người ta quên mệt nhọc, quên cả lo âu, quên luôn những buồn rầu về tiền nong công nợ. Ánh lửa bập bùng soi vào những bộ mặt nửa sáng nửa tối của những người ngồi nói chuyện. Thỉnh thoảng, nghe gió rào rào và nước lóc róc trên tàu ba tiêu, có người mới nhớ là bên ngoài mưa và rét. Ở trong này, chén nước sôi nóng làm ấm lòng người ta. Một ông vỗ vào đùi:

– Ồ, thằng Cún đâu nhỉ, tao có rầm mấy củ khoai trong bếp tro, về lấy sang đây, mau!

Có tối, chỉ có một mẻ ngô rang mà khê khà ăn gần hết đêm. Lại có ông nhấm nháp một vài chén rượu với chả nhái, rung đùi tưởng chừng như có thể gãy cả thang giường vì ngon quá thể là ngon, ngon có thể chết ngay đi được.

Hồi kháng chiến, tôi đã từng sống ở những làng đồng chiêm và những buổi tối tháng Một vẫn ngồi đốt lửa họp hội đồng như vậy. Họp chừng một tuần, thành ra nghiện. Nghiện chuyện của bà con lối xóm, nghiện nước vối, nghiện ngô rang, nghiện khoai lùi, và nghiện luôn cả cái lòng ưu ái đậm đà của những người hàng xóm nghèo nhưng ăn ở lúc nào cũng như bát nước đầy.

Ở đất đồng chiêm, khoảng giữa tháng Mười, sau khi tát nước để làm vụ cấy, người nông dân gieo mạ trên những thửa ruộng xâm xấp nước. Buổi chiều, chắp hai tay sau lưng đi ra ruộng, vào trung tuần tháng Một, ta đã thấy ngọn mạ dạt dào trước gió bắc. Qua màn mưa phùn tím nhạt, những ruộng mạ xanh hoa lí giải ra như những tấm thảm lưu li, chỗ đậm, chỗ nhạt, trông thật tài tình.

Mạ lúc ấy cao chừng ba tấc, mỗi khi có gió chạy qua, dạt cả xuống rồi lại đứng lên, trông y như thể là các cô tiên đang múa.

Trông thấy mạ, người nông dân không những sướng mắt mà sướng cả lòng. Là vì lúc ấy họ cảm thấy đã hơi hơi “ăn chắc”; mai kia, họ sẽ nhổ mạ lên bó lại từng bó, xén bớt đầu lá để đem cấy lại, nhưng trước khi cấy lại, thường thường phải tát nước vào trong ruộng.

Chính lúc này nước lại khan, hồ ao lắm khi gần như cạn hết, người làm ruộng phải mất công tát từ những mương xa, nhiều khi phải cho nước chảy qua ba bốn thửa ruộng khác mới tới ruộng của mình. Ấy chính đôi khi tát nước như thế mà bắt được vài con cá nhỏ hay mấy con tôm càng, họ nhin miệng không ăn, lại đem biếu vợ chồng người khách lạ tản

cư về làng họ. Tội nghiệp, ông bà ấy bỏ cả nhà cả cửa mà đi...

Họ không nghĩ đến chính thân họ mà chỉ nghĩ thương đến người tù ở phương xa tới và đã biết bao nhiêu lần đi kiếm rau mồng tơi, mảnh bát về nấu canh, họ không quên hái thêm một mớ cho vợ chồng mình “ăn tạm”.

Ở thị thành, phải nói thật là cái không khí yêu thương, ưu ái đó không có mấy. Tôi nhớ những đêm tháng Một hồi còn bé, cứ độ tám giờ tối thì nhà nào nhà nấy đóng kín cửa lại ở trong nhà với nhau, ít có người nọ đến thăm người kia, ít có đốt lửa sưởi với nhau và cũng ít có những “vụ” uống nước vối, ăn khoai lùi, trò chuyện cởi mở với nhau như thế. Thường thường, trẻ con chui vào chăn bông đi ngủ sớm, trùm kín đầu đầu đấy rồi mới móc túi lấy hạt dẻ hay ngô rang

ra xức, trong khi một cô em gái đọc cho bà nội nghe truyện “Thuyết Đường” hay “Tây Du” lấy công một hai xu một quyển.

Có khi ăn chưa hết ngô rang trong túi đã ngủ rồi, và chỉ độ một tiếng đồng hồ đã mộng thấy mình đi qua cầu, sang Gia Lâm, Gia Quất bẻ trộm ngô và bị người ta đuổi đánh. Sợ toát mồ hôi, thức dậy thì có khi cả nhà đã tắt đèn đi ngủ rồi. Lúc ấy, nằm mà lắng tai nghe những hạt mưa nặng hơn lúc ban ngày rơi lộp bộp trên mái ngói, người ta, dù hãy còn nhỏ nhít, cũng thấy buồn tê tê, nhưng buồn nhất đêm đông ở Bắc Việt là tiếng rao “giò giầy” và tiếng một người ăn mày từ ở tít đằng xa vọng tới, ví cái thân mình với con cá: “con cá nó sống vì nước, con sống về cửa ông cửa bà”.

Hình ảnh một người đàn ông mặc áo lá rách, đội một cái thúng vá trên đầu và

xách một cái đèn dầu ở tay, thỉnh thoảng lại đánh rơi trong đêm khuya một tiếng rao ngái ngủ “giò giầy” cũng như hình ảnh một người mù, tay cầm một cái gậy bò lê dưới trời mưa, trong gió lạnh (có khi có một con chó dẫn đường), tính đốt tay cho đến bây giờ đã có ngót sáu mươi năm nhưng vẫn cứ mờ mờ hiện hiện trong óc tôi mỗi khi thấy tháng Một trở về.

Tháng Một trở về ở đây không có gió bắc, không có mưa phùn, tháng Một trở về ở đây tươi hồng rậm lá, tháng Một trở về ở đây sừng sững như điên trong tiếng nhạc “sốt gơn” có cô con gái Việt Nam bá vai thằng Mỹ đu đưa, thế mà không hiểu tại sao tôi cứ nhớ hoài, cứ thương mãi cái tiếng rao “giò giầy” và tiếng than “con sống về cửa ông cửa bà” của người ăn mày mù!...

Sài Gòn ơi, Sài Gòn có đêm hồng,
Sài Gòn có những cô ca sĩ đeo một triệu
rưỡi hột xoàn ở cổ và một triệu rưỡi hột
xoàn khác ở vú, có khi nào quay về xứ
Bắc anh em để nhận thức rằng Sài Gòn
sướng không biết chừng nào vì gạo thì
thừa, cá lại lắm mà mùa đông lại không
cần áo rét vì:

Ở đây được cái quanh năm nắng,
Chẳng mượn ai đan áo ngự hàn!

Giờn hoài. Bộ anh này muốn nói mỉa
Sài Gòn sao chứ?

Đâu có. Nay, tôi hỏi: thế từ xưa đến
nay có bao giờ ở miền Nam lại có người
chết đói chưa? Mà có bao giờ đã có người
chết rét chưa? Ở Bắc, có những năm mất
mùa, vô số người chết đói; còn rét mà
chết, nói đâu xa làm gì, chỉ cách đây vài
năm thôi, các báo chẳng đăng bằng tí bự

như thế này, rằng “Ở Bắc Việt người ta chết cả đồng vì trời ra tai rét quá, không thể nào chịu nổi”?

Thế nhưng mà thôi, nói mấy cũng là thừa, bởi vì từ xưa tới nay ai cũng biết là Bắc Việt nghèo khổ mà Nam Việt thì phê phỡn. Phê phỡn vì Nam Việt là con cưng được trời thương, nhưng “con ghét làm nên” có lẽ cũng là được trời thương cách khác. Nhưng dù là con thương hay con ghét thì cũng là anh em ruột thịt cho nên Nam, Bắc lúc nào cũng thương nhau, mỗi khi thấy cảnh đậu đùn hạt đậu, thì hạt đậu khóc hu hu:

Cùng chung nhau một mẹ, Đùn nhau nở thế ru?

Tôi không ưa mấy ông “Bắc kì cũ” lên mặt thạo, nói rằng người Nam “chịu được người Trung chứ không chịu được

người Bắc” và mặc dầu người Nam không nói ra miệng nhưng trong tiềm thức vẫn nuôi một tinh thần kì thị.

Thú thực, tôi chỉ thấy ở Mỹ có kì thị đen trắng chớ ở Ấn bây giờ cũng chẳng còn kì thị giữa quý phái và cùng đinh thì sao ở Việt Nam lại có thể có kì thị Nam Bắc được? Nói lí sự nghe lãng nhách, cứ nhìn vào thực tế mà xem. Chỉ trong vòng có hơn chục năm nay, Bắc Việt và Nam Việt đã tỏ ra “chịu” nhau như chưa bao giờ thấy ghi trong lịch sử: chịu nhau từ việc lớn là bảo vệ tự do, xây dựng dân chủ cho đến việc nhỏ như vũ nhạc, y phục, trang trí, ẩm thực, thời trang... Cuộc di cư vĩ đại một ngàn chín trăm năm mươi tư tưởng đâu là một giai đoạn đau buồn trong lịch sử Việt Nam, thế mà không ngờ lại thành ra một cái cớ để siết thêm chặt tình thương yêu Nam Bắc.

Hồi còn người Pháp ở đây, tôi hả hê không biết chừng nào khi thấy có những ông tây chính cống nghiện mắm tôm, đến nỗi cho cả mắm tôm vào chè đường để ăn. Đến thời Mỹ, thấy họ đem thực phẩm từ Mỹ sang để xài, với cả nước lạnh từ bên Mỹ sang để uống, tôi cứ tưởng suốt đời người Mỹ không thêm nhúng vào một miếng ăn nào của Việt Nam; ấy thế mà chỉ một hai năm sau, chả giò, chả lụa, lươn um, thịt bò khô trộn với đu đủ, bún thang... họ tìm ăn như quý. Thấy vậy, tôi cười, và thích thú vô cùng.

Nhưng thích thú, hả hê gì thì cũng không bằng thấy các ông, các thầy người Nam lịch sự như trời, nghiện phở Bắc, sáng sáng không làm một tô thì dù ra trông thấy, hay các bà các cô người Nam đẹp như tiên chịu bún riêu, bánh cuốn, bún ốc, rượu nếp, thang... hơn là bún bò,

bì cuốn, hủ tíu thịt heo, cháo huyết...

Vẫn biết mỗi thức ăn có một phong vị riêng, không thể đem ra so sánh được, nhưng trông thấy người Nam “ăn Bắc”, tôi thấy có một cái gì duyên dáng lạ lùng, và tôi ưa nghĩ rằng ăn như thế là đem cái thương yêu đặt vào trong lòng, trong ruột.

Cô Ba đã thấy có những người Bắc mới vào đây không biết ăn sâu riêng chưa? Ngộ lắm: họ lợm giọng, muốn nhả ra, nhưng sợ bất lịch sự đành phải nuốt mà chảy cả nước mắt nước mũi ra, y như thể một đứa trẻ ăn cơm muốn bỏ bữa nhưng không được, phải nhắm mắt nhắm mũi nuốt cho xong.

Ở Bắc, có một món mà lúc đầu nhiều người trong này cũng không chịu được, cũng như có một số người Bắc lúc đầu

không chịu được sâu riêng nhưng sau quen giọng rồi thì nghiện như nghiện cần sa vậy: đó là cả cuống một thời trăn của tháng Một, được lưu ý nhiều từ khi có cuộc di cư.

Bây giờ, nói đến cà cuống, tất còn có cô Bảy, cô Ba lợm giọng và chề là hôi quá, không chịu nổi, nhưng nói chung thì nhiều người ở đây đã chịu cái giọng của nó rồi. Tôi còn nhớ hồi năm một ngàn chín trăm hai mươi chín, ba mươi, ở trong này, về phía đồng bào người Nam có thể nói một ngàn người thì may ra có một dùng được nổi mà thôi, còn chín trăm chín mươi chín người “cắm như Tây” không thể ngửi được mùi của nó, chớ đừng nói là thưởng thức.

Thực tình đến bây giờ tôi không biết tại sao lại có người ngửi mùi cà cuống mà lại bảo là hôi, chớ ở Bắc thì có thể nói

không người nào lại không mê cà cuống, không nhà nào lại không có một ve cà cuống để sẵn trong nhà, ăn uống món nào đó cần phải có tí cà cuống mà không có để đưa ra thì người nội trợ chưa được liệt vào “số dách”.

Tưởng là gì! Con cà cuống anh nói đó có phải tên thật là đà cuống không? Nếu thế thì ở đây thiếu gì. Người ta không buồn bắt. Vào cỡ này, đêm nào anh cứ đi lảng vảng trên con đường Tân Sơn Nhứt hay là ra cầu Bình Lợi xem có cả đồng không?

Chính “hắn” đó. Người ta quen gọi là cà cuống. Thực ra, tôi không biết sự tích nó thế nào, nhưng nhớ lại lúc vợ chồng sum họp với nhau, ngồi nhể bông cà cuống lấy dầu, thì vợ, vốn là người thuộc thơ và nhớ tích truyện, cho biết con cà cuống thực ra là con đà cuống,

và cũng như chim ngói, cá mè, cũng có một truyền kì về nó.

Tục truyền rằng Triệu Đà là người đầu tiên ở nước ta ăn cơm với con cá cuống. Thấy thơm một cách lạ kì, ông ta bèn gửi dâng vua Hán một mớ và gọi nó là “quế đồ”, nghĩa là con sâu cây quế. Vua Hán nếm thử thì nhận rằng nó giống mùi quế thực, khen ngon và phân phát cho quần thần mỗi người một con. Bất ngờ trong đám có một ông lắm chuyện lại tâu rằng: “Đó không phải là con sâu sống ở trong cây quế, mà chỉ là một con sâu sống ở dưới nước ‘thủy đồ’”. Vua mới phán rằng: “Thử nãi Đà chi cuống dã”, nghĩa: đó là lời nói láo của Đà. Từ đó, cá cuống thành ra đà cuống. Nó còn một tên nữa là “long sắt”, nghĩa là con rắn rồng.

Con rận rồng ! Nghe tên có quý không? Ta có tám món ăn quý nhất gọi là bát trân: nem công là một, chả phượng là hai, da tây ngu là ba, bàn tay gấu là bốn, gân nai là năm, môi đười ươi là sáu, thịt chân voi là bảy, yến sào là tám. Con rận rồng không phải là một thứ trân, mà chỉ nên coi là gia vị, nhưng nghe tên thì quý có phần hơn cả bát trân là khác.

Là vì con cà cuống quý không phải vì thịt nhưng vì cái dầu của nó. Cứ vào cỡ tháng Một ở Bắc Việt cà cuống trứng, cà cuống cay “dội” lên ở khắp nơi. Trên các đường phố Hà Nội thương thương, có những người đàn bà đội thúng ở trên đầu, tay đu đưa đi trong im lặng không rao một tiếng mà tài thế, nhà nào cũng biết để mà gọi vào mua.

Tôi còn nhớ có một thời kì tôi được sống những ngày trời tháng bụi: mùa rét,

tám chín giờ mới dậy, chùng mười giờ mặc ba đồ xuy, đi ghệt đồ vin lán chàng ra một nhà hàng gần đó uống rượu hâm, rồi về nhà giết những phút vô liêu bằng cách lên gác xuống nhà, ngâm ngợi dăm ba câu lếu láo.

Chính nhờ thế, tôi mới biết là những người đàn bà bán cà cuống ấy sở dĩ không cần rao vì họ đã có khách quen cả rồi: có hàng thì cứ tự nhiên đem vào bán, mà đã vào thì các bà nội trợ cứ tự nhiên mua. Người bán và người mua cùng ngồi nhể bông cà cuống cho vào một cái đĩa nhỏ, đến khi xong cả thì mới trút vào trong một cái ve nhỏ bằng ve dầu Vạn Ứng, đập thực kín, lấy giấy bóng bao ngoài cái nút rồi lấy dây quấn chặt để cho không bay hơi đi mất.

Vì không có công chuyện gì phải làm ăn gấp rút, có nhiều lần tôi cũng “kế” vào

ngồi xem và cũng bắt chước đi lấy tấm nhể bông cà cuống chơi. Những con cà cuống này còn sống cả. Nếu cầm không cẩn thận, nó châm cái ngòi vào tay. Ngòi nó tựa tựa như vòi con ve vậy. Mà “như” gì nữa? Theo tôi, cà cuống là một loại ve lớn, nhưng thay vì mình ve khác tròn thì mình nó dẹp, có bốn cánh, hai cánh ở trong ngắn, mỏng mà vàng còn hai cánh ở ngoài thì dài, cứng hơn một chút, màu cánh gián sẫm, có gân tím tím.

Anh cẩn thận kéo nó bò đi mất đấy. Mà nó lại bay nữa, phải coi chừng!

Biết quá mà. Hồi chúng mình chưa lấy nhau, anh đi chơi một hai giờ đêm mới về. Anh còn nhớ cũng vào khoảng tháng này đây, đi con đường từ Lò Sũ về Bồ Hồ, qua rạp Philharmonique và đền Bà Kiệu, lá rụng và cà cuống bay cứ rào rào làm lu cả bóng đèn điện ngoài

đường, bắt không xuể... Nhưng này, sao nó chỉ dội lên mấy ngày, một tuần lễ là cùng, rồi mất hẳn không thấy nữa?

Cái gì đẹp mà quý lại chẳng hiện lên rồi mất ngay? Con rươi, chim ngói, cá mòi, cốm... đều thế cả. Có phải Tây cũng như Tàu đều tin như vậy và vẫn nói rằng “ngay hôm nay phải hái liền những bông hồng của cuộc đời” phải không anh?

Nhưng mà này, sao mình nhể “liền” cái bông của con này lại không có gì là nghĩa làm sao?

Ông ơi, ông chỉ được cái tài nói khoác. Có phải con cà cuống nào cũng có bông để lấy dầu đầu! Đây này là con đực, chỉ có con đực là có dầu thôi. Vì thế, cà cuống cay bao giờ cũng là cà cuống đực. Con cà cuống đực có một cái bao nhỏ dính với ruột, trong chứa một chất

nước như mùi nước đá quý. Ở hai bên, phía trong bụng, dưới cặp chân thứ ba, có hai cái túi nhỏ bằng hột gạo trong đựng một chất nước thơm. Cái nước thơm ấy, ta đương nhể ra đây. Nhể phải nhanh tay mới được; chậm thì bay mất mùi thơm đi. Ta gọi cái nước thơm ấy là dầu cà cuống. Dầu cà cuống nhẹ hơn nước, mùi thơm hơi cay, cho vào lọ mà bịt nút không kín thì nó bay hơi đi mất.

Nhớ những lời của vợ kể ngày xưa, người chồng nói khoác hôm nay lại cứ đúng nguyên văn mà nói lại với những cô bạn mỹ miều phương Nam đương ngồi ăn thang chan đằm mắt tôm cà cuống. Cô nào nghe cũng cứ treo mắt lên môi anh chàng. Và anh không quên nói tiếp mấy câu tráng miệng:

Thế nhưng đừng tưởng cà cuống chỉ quý riêng về cái dầu đó mà thôi. Ta

biết cà cuống có hai thứ: cà cuống cay và cà cuống thịt. Cà cuống cay cho chúng ta chất dầu đặc biệt vừa nói, nhưng cà cuống thịt lại có một vẻ lâm li khác hẳn. Bỏ cánh đi rồi, anh nhân nhân sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái ức trước rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác: nó nhận nhận, bùi bùi, beo béo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con không biết ngán. Mà ngán làm sao được? Tháng Một là tháng cà cuống thịt hầu hết đều có trứng, tách đôi cái bụng nó mà nhân lấy những chùm trứng xanh xanh, vàng vàng như hoa cà hoa cải, tôi nhất định tin là còn khuya cái món cavi¹ của Âu Mỹ mới mong sánh kịp.

1 Caviar: một loại trứng cá esturgeon, thoát đầu chỉ Nga xô có, nhưng bây giờ thì có hầu hết cả Âu châu.

Thế cà cuống cay lấy dầu xong thì “rục” cả đi ư?

Nói vậy. Ăn cũng ngon như cà cuống thịt vậy, nhưng nó kém ngon một chút vì không có trứng mà thịt ở ức không mấy béo.

Một cô mỹ miều bỗng đập tay vào vai cô ngồi cạnh:

– Thôi chết rồi, nói vậy thì ở đây mình cũng có cà cuống mà mình không bắt để ăn...

Thì đã nói là ở đây thiếu gì, nhưng cái hay là có người không buồn bắt, trong khi có người khác lại biết bắt lấy để rút cái chất nước thơm và cay ở trong bụng nó làm đồ gia vị độc đáo nhất, mê li nhất. Đừng ai bảo ăn uống như thế là tầm bậy tầm bạ. Không. Ăn uống như

thế là đã đi đến chỗ tinh vi triệt để, không dễ gì các nước võ ngực là văn minh, mà cũng không dễ gì các nước có một nền văn hóa hai ba trăm năm đã biết ăn như vậy.

Mù tạt là cái gì? Nước cà tô mát là cái gì? Mà ma gi là cái gì? Đó là tất cả những cái gì rất ngon, rất quý của Tây phương, ai mà dám chê; nhưng có nhiều lúc tôi đã nghĩ thầm như thế này và tôi cười muốn chết: ngày Tết gói bánh chưng trộn nhân với mù tạt; ăn thang, cuốn, chả cá, tiết canh lòng lợn chấm mắm tôm mà lại cho tô-mát dút²; hoặc ăn bánh cuốn, cháo ám mà lại cho vào nước mắm một ít ma gi hay lạp chấu chương thì trời đất quỷ thần ơi, phong vị các món ăn gia dụng ấy sẽ ra sao?

2 Tomato juice: nước cà chua.

Nước Việt Nam khổ sở của chúng ta có biết bao nhiêu món ăn thích khẩu, nhưng biết bao nhiêu món ăn thích khẩu sẽ “đi đoong” nếu không có gia vị là cà cuống! Âu cũng là một điều đáng tiếc là phải đợi mãi đến gần đây ta mới thấy người mình ở trong này lấy dầu cà cuống để điểm vào những bữa tiệc hay những bữa quà cho “thơm” hơn! Vậy mà dần dần đồng bào ở đây và cả các ông ngoại quốc cũng “chịu giọng” cái “chất nước trong, cay hắc mà hôi hôi đỏ” - chịu quá, chịu đến hóa ra ghiền, vì tôi đã thấy có người ăn bất cứ món gì cũng phải cho mấy giọt cà cuống vào nước chấm mới làm được vừa ý ông thần khẩu.

Ấy thế mà cà cuống ở đây, thực ra, mới chỉ là hạng nhì, vì cà cuống ở đây không cay sát là một lẽ, mà lẽ khác là vì dầu cà cuống phần nhiều pha chớ không

được nguyên chất, lại cũng có thứ dầu cà cuống chế bằng chất hóa học chứ không phải là dầu chính cống, lấy trong bụng con cà cuống ra.

Tôi tiếc ở đây người ta không xài cà cuống thật, phải chỉ có những người đến mùa đi bắt đem về luộc lên để cho các bọm nhậu đưa cay, dám chắc xí quách, lỗ tai heo, khô nai, khô cá thiều, thịt bò lúc lắc đều thua xa một nước.

Nhưng nói thế mà thôi, chứ nóng chảy mỡ ra như cái thảng Một ở trong này, ăn vàng vào miệng cũng như là ăn rơm. Chỉ được cái trái cây gỡ lại. Không nuốt được cơm, chỉ lấy trái cây mà rầy, rồi ăn xong thì mồm hôi mồm kê nhể nhại, anh nằm quạt máy lim dim con mắt mơ về những chuyện xa xưa, tôi đổ anh không có lúc thấy tiếc tiếc, nhớ nhớ, thương thương cái bầu trời đục màu chì lỏng, cái

mưa lầy lội chỉ vừa làm ướt gấu quần và cái rét êm êm, ngòn ngọt thỉnh thoảng lại có một ngọn gió hơi buồn buồn thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ như tiếng của những người yêu bé nhỏ gọi những người yêu.

Mưa rét như thế, ai mà chẳng cảm thấy ở trong nhà đọc sách thỉnh thoảng lại nhấp một miếng cà phê do chính mình pha lấy và hít một khói xì gà thì nhất: những người có chất nghệ sĩ lắm khi khó chịu đến cái mức vợ con không thể nào chịu nổi. Có ai nằm nhớ lại Hà Nội ngày nào, vào những lúc trời se sắt, mưa dầm dề, gió lê thê như thế, thỉnh thoảng ở giữa đường lại có một anh chàng mặc áo toại, đội mũ mốt săng, đi ghệt, ngậm cái ống điếu đi lang thang một mình như đang nghĩ thơ không?

Ấy đó, biết là đóng cửa lại ở trong nhà ẩm cúng thật tình, nhưng có những người nhìn lên trời thấy ở bên ngoài sâu sâu một cách nên thơ, tự nhiên cảm thấy không chịu được, phải vội vàng khoác áo đội mũ ra đi để tận hưởng cái rét, để đắm mình vào trong mưa, để nghe cái nhịp thở âm thầm của cỏ cây lúc đó bắt đầu hé những lá non bé tí tẹo, xanh mơn mướt.

Không phải là thi sĩ, nhưng vào những buổi chiều tháng Một ở Hà Nội, người nào cũng muốn làm thơ: trời lạnh, có gió mưa, nghe tiếng rao sù cốc bểu là một loại bánh cuốn hấp, người ta cũng thấy có một cái gì gợi cảm; cái xe tay trùm áo tơi cánh gà cũng có thể là một đề tài để cho người đa tình suy nghĩ hay một cái quán bên đường he hé mở để cho người đi qua ghé thấy một cái lò than hồng

tráng bánh cuốn có mấy người ngồi ăn trong làn khói mờ mờ như sương cũng có thể làm cho ta tưởng tượng bao nhiêu cuộc hợp hoan chờ đợi...

Rét lắm, anh ơi, thôi đi về, anh nhé. Những bờ vai sát lại với những bờ vai; những con mắt nhõng nhẽo tìm những con mắt ngọt ngào; mớ tóc ai đen rưng rức như đêm tăm sao khéo buông lơl xuống môi má người thương y như thể tơ hồng quấn quít lấy cành mộc liên xanh nõn...

Kéo cái màn cửa sổ mà nhìn qua lớp kính mờ mờ hơi nước xuống con đường nhựa láng bóng nước mưa, anh thấy vũ trụ im ru như trong buổi hồng hoang mà nhịp thở ân tình của người yêu là tiếng hát ru, còn bộ ngực ngát thơm là cái gối mộng đưa anh xuống con thuyền bát nhã chở về miền cực lạc...

Bây giờ, ngồi ở trong một quán nước vắng teo mà nhìn lên gác nhà ai le lói một làn ánh sáng mờ mờ ấm ấm, người chồng phiêu bạt đột nhiên cảm thấm thía hơn cả bao giờ nỗi cô chích của mình và bao nhiêu kỉ niệm với người vợ bù ân ngọt ái khi xưa lại trở về như những cánh chim non trong mộng.

Ồi, ở cái đất giàu có sung sướng này, hương phấn thừa thãi, giơ ngón tay út lên thì lúc nào chẳng có người sẵn sàng kết bạn một đêm với anh ngay, nhưng người chồng “đánh rẻ cái hồng nhan” đứng dậy, bỏ quán nước đứng lên, đi thủng thỉnh dưới mưa phùn gió bắc. Ngao ngán cho thân mình, y có lúc không còn mong gì nữa, không còn thèm gì nữa. Mong gì bây giờ? Mà còn thèm gì bây giờ? Những tiếng cười tiếng nói đa tình, những bộ đứng, cách đi duyên dáng của các cô bạn

mĩ miều đã tắt như lửa ở trong lò sưởi tắt lúc trời gần sáng. Bao nhiêu ấm cúng, bao nhiêu yêu thương, bao nhiêu an ủi đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại một cái gì trống rỗng mông mênh, một cái gì nhạt nhẽo không làm rung động được khứu giác, một cái gì ghê rợn thoang thoảng mùi bệnh tật và chết chóc.

Chiếc chìa khóa vàng rút từ ở trên đỉnh tháp xuống bây giờ biết tìm đâu? Đến gần sáng, người chồng mới về được tới nhà, mở cửa rộng ra, và tự nhiên thấy tạt lại một mùi gì nhạt nhẽo: có lẽ đó là mùi chần hôi chiếu mốc. Một mỗi, anh không buồn đóng cửa lại nữa, gục đầu xuống cời giày nhưng để nguyên quần áo lăn ra giường và lấy nửa cái chăn đắp vào ngực cho đỡ lạnh.

Ngoài kia, mưa rơi buồn thê thiết; gió thổi qua khe cửa làm cho lá màn màu

bạc úa cũng rung lên vì lạnh. Kỉ niệm xa xưa ời, cứ đến trêu chọc người gỏi lẻ nằm mất ngủ đêm mùa đông làm gì?!

Em ra bến nước trông về Bắc,

Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng!

Y giờ tay bưng lấy mặt, nhưng vẫn không tài nào chớp được mắt.

Một lát thì ở xa tiếng gà đã gáy te te. Trời lọc qua cửa kính rơi vào một làn ánh sáng đục lờ như thể cà phê sữa. Chẳng biết bây giờ ở xứ bạn nằm yên giấc, trời đã sáng chưa, mà sao ở trong căn phòng úa héo này, vẫn còn tối mù tối mịt.

Người chồng lăn bên này, lăn bên nọ thì đã thấy ở bên cạnh có tiếng máy truyền thanh nhỏ nhỏ vọng sang. Cái đất này nghiện máy truyền thanh, cải lương, Quỳ ạ.

Trước đây, vợ anh thích nhất hai tuồng “Sơn Hậu” và “Chiêu Quân cống Hồ”. Anh cũng thích là vì vợ thích. Nhưng đêm nay, ruột cứ nẫu ra, còn bụng dạ nào mà nghe nữa? Anh kéo chăn trùm kín lấy đầu, nhưng giọng Út Bạch Lan trong “Bụi mờ ải nhận” vẫn cứ như khoan vào lỗ tai. Trong lúc chập chờn nửa mê nửa tỉnh, anh bỗng thấy từ dưới đất dựng lên đồi núi trùng trùng điệp điệp, trắng xóa dưới những lớp tuyết dày dãi ra bát ngát không biết đâu là đất, đâu là trời.

Không có một bông hoa, một bóng chim. Tuyết, chỉ toàn là tuyết trắng. Thỉnh thoảng, nổi lên một tiếng tì bà oán hận. Rồi ở xa xa, xa tít đằng xa, có hai cái hình bóng bé nhỏ hiện lên trên hai con ngựa gầy cùi đầu đập tuyết mà đi về phía chân trời tẻ ngắt. À, ra là Vương Chiêu Quân đi cống Hồ, có Lưu Văn Long hộ

vệ, và cứ đến mỗi chặng đường, Chiêu Quân lại khóc bằng mười đầu ngón tay trên cây đàn tì rôi tức cảnh làm thơ để Lưu Văn Long họa lại, nói lên nỗi lòng thương Hán oán Phiên.

Người chồng chảy nước, nói một mình như thể người mơ ngủ:

– Tội nghiệp Chiêu Quân vì sắc đẹp mà phải đem mình sang cống vua Phiên, nhưng ai oán nào cho bằng Lưu Văn Long bị vạ lây, phải bỏ vợ mới cưới đi hộ tống “lệnh bà” sang đất rợ để tới khi được về thì tóc xanh đã bạc quách từ bao giờ rồi!

Vũ Bằng

QUÁCH TẤN

một nghi vấn về văn học

Theo đúng như tinh thần và đường lối mà VĂN đã vạch ra từ đầu, chúng tôi hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc một nghi vấn đặc biệt thuộc lĩnh vực văn học của ông Ngự Phủ, giáo sư Cao Học Văn Chương. Bài hỏi này liên quan đến thi sĩ Quách Tấn, một cây bút rất quen thuộc với bạn đọc trên tạp chí của chúng ta. Do đó chúng tôi cũng nghĩ, như ông Ngự Phủ đã nghĩ, rằng tốt hơn hết là nên để chính tác giả minh giải cho chúng ta câu nghi vấn để kéo dài hàng ba mươi năm đó bằng chính lời nói của ông.

*VĂN hân hạnh đăng tải sau đây
nguyên vẹn bản văn nghi vấn của ông
Ngư Phủ và lời giải của thi sĩ Quách Tấn
để rộng đường dư luận.*

L.T.S.

Chung quanh điển “ Ô-y-hạng ” của
bài “ Đêm thu nghe quạ kêu ” (trong
tập Mùa Cổ điển của thi sĩ Quách Tấn),
chúng ta cần thấy đã đến lúc phải nêu lên
một nghi vấn : ĐÓ LÀ CÁCH DỤNG
DIỄN.

— Trước kia, trên báo Sông Hương
(to8i quên mất số) Phan Khôi tiên sinh
đã chỉ trích việc dùng điển “ Ô-y-hạng ”
của thi sĩ Quách Tấn.

— Trong tập Nhà văn hiện đại Hoài Thanh (và Hoài Chân) cũng đã chỉ trích tương tự tuy nhiên lại có câu : Quách Tấn dùng điển sai nhưng không hề gì! (Sao lại không hề gì ?)

— Gần đây, trong tờ Bách Khoa số 284, Đông Hồ, nhân mùa thi của sinh viên Đại Học Văn Khoa Sài-gòn, có sự lầm lẫn về “ én ”, “ quạ ”, đã nêu lên hệ luận “ Nạn tận tín thư ” và có đề nghị sửa lại câu thơ ấy của Quách Tấn, nhưng không hiểu sao, sau đó lại gửi cho Quách Tấn 2 câu :

Nước non những ước trà Cam khô,

Én, quạ xin tha tội phẩm bình.

(Sao lại xin tha, nếu sự phẩm bình ấy hoàn toàn đúng ?)

— Vũ Ngọc Phan cũng có nêu lên

điển ấy trong tập Nhà văn hiện đại của ông...

— Bàng Bá Lân cũng nói về điển ấy trong tập Văn, Thi sĩ hiện đại (tập 2)...

Đó, từng ấy văn, thi gia trong từng ấy tác phẩm đã nói chung quanh một điển tích “ Ô-y-hạng ” của một bài thơ ! Người cho là dùng điển sai, người cho là không hề gì, người lại bình phẩm loanh quanh (l) làm cho chúng tôi không hiểu ra sao cả !...

Bên trên, tôi chỉ nhớ qua những nghi vấn thành văn, còn nhiều nghi vấn khác truyền khẩu chưa kể đến nữa ! Tôi còn nhớ : Vào mùa hè năm 1946, một người bạn vong niên cùng chúng tôi ngồi trong một quán nước bên bờ sông Hương (Huế) bấy giờ cũng cao hứng bàn phiếm về điển “ô-y-hạng” này. Ông bạn vong

niên, sau khi nghe chúng tôi bàn cãi sôi nổi đã cười và bảo :

– Có gì đâu, ta nên giải nghĩa thế này thì ổn cả ! Từ ô là con quạ (do chữ từ ô phản bộ kỳ mẫu).

Y hạn (?) là y kỳ hạn (hẹn hò đó mà) Rủ rê sang. Thế là ổn cả phải không ? Ô-y-hạn (g) đã trở thành câu chuyện nói về “quạ” thực sự, có gì mà phải bàn cãi mãi ! Duy có điều cần biết là các chàng thi sĩ có tật thỉnh thoảng viết sai chánh tả thế thôi ! Đó chỉ là chuyện nhàn đàm, pha trò cho vui... Tuy nhiên, còn biết bao “vụ” nhàn đàm như vậy về điển “ô-y-hạng”.

Giờ, tôi tưởng đã đến lúc thi sĩ Quách Tấn nên lên tiếng mình giải cho chúng tôi về CÁCH DÙNG ĐIỂN TÍCH như trường hợp điển « ô-y-hạng » ở đây.

Chúng tôi được biết Quách Tấn đã tiếc không biết bao nhiêu khuôn mặt, không biết bao nhiêu miếng ăn ngon, không biết bao nhiêu tình thương yêu đã mất. Nhớ từng những cơn đường mưa bay diều diều cùng vợ đi nhớn nha ven hồ Bảy Mẫu nhớ đi, nhớ những đêm trèo lên ngọn đồi trên đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại.

Nhớ quá chừng là nhớ, thương không biết ngần nào là thương. Thương nhất là người vợ bé nhỏ yêu chồng, mùa nào thức nấy, không bao giờ đợi cho chồng phải nói lên sự ước mơ. – Nay mình, em đổ vào tháng hai này, xứ sở mình còn có gì đặc biệt nữa nào ? Người chồng chịu không biết trả lời ra sao. Nhưng đổ ai nói lên được cái thú vui thâm lặng trong óc người chồng, hôm

sau, khi đi lên Nghi Tàm mua một cây thế về trồng trong cái chậu Giang-tây, bỗng thấy ở trên bàn một mâm đầy tú hạ hành, thìa là, thơm, mùi, ngổ... xanh rờn giữa mấy đĩa bún trắng tinh. À đúng rồi, cá anh vũ mùa này béo, ăn chả cá thì tuyệt trần đời. Người vợ vừa đích thân ngồi quạt chả ở ngoài sân vừa nói chuyện với chồng đương nhắm nhót một ly rượu sen Tây hồ :

– Đây, cá anh vũ Việt-trì đây. Chả cá phải ăn với cá này mới được.

Tại sao ăn chả cá lại phải có cá anh vũ ? Mà hà có gì cá anh vũ lại phải là cá ở Việt-trì mới ngon ? Người chồng không cần biết gì lời thôi, chỉ biết tháng hai ăn cá anh vũ nướng chả thì ngon thực. Nếu muốn đổi món, cá anh vũ làm gỏi cũng ngon lạ ngon lùng, nhưng người vợ biết ý chồng, mua cá anh vũ nấu cháo ám thì

người chồng thấy hợp giọng hơn nhiều lắm. Xắn một miếng cá, chấm nước mắm ngon có vắt chanh, bỏ ớt, và quây mấy cây tằm cà cuống nguyên chất tự tay mình lấy ở trong bọng cà cuống ra, ăn với cháo có hành cuộn lại, có rau cần điểm một ít thìa là ngọt cứ lừ đi, quý thân không hưởng thì thôi chớ đã hưởng một chén chắc chắn cũng phải đòi ăn chén nữa.

Đêm tháng hai ở Hà-nội ngày trước, hầu hết các nhà đều đóng cửa từ lúc bảy tám giờ chiều. Thật đúng là người ta không biết lẫn xả vào cuộc sống để làm tiền, để hưởng vội lấy những thú vui bọm bãi trên chiếu bạc hay trong những cái “sô” đầy lông rậm lá, hoặc để ăn những bữa cơm đất tiền bằng cả gia tài của một người trung lưu rồi hút, rồi chích, rồi đánh đập như những kẻ sát phu tàn bạo... Nhưng để đền bù lại, họ có cái thú trầm lặng,

vui cái vui của gia đình thê tử, uống chén nước trà mạn sen với anh em và góp vài hội tổ tôm hay rút bắt, đánh tam cúc lấy vui trong bầu không khí thân yêu, cởi mở, với họ hàng bè bạn. Ngày tháng trôi đi nhẹ nhàng. Không lo tiền, không lập mưu thiết kế, không oán ức, ăn rau rút muối mè, cũng thấy ngon. Thỉnh thoảng, một người bạn mới đi chơi về lại gửi cho một vài mớ rau sắng, đem nấu suông, hay gia thêm một bánh trứng cáy vào cho đậm, vợ chồng ngồi thưởng thức cảm thấy có phần ngon hơn ăn yến.

Trời thương, các con chúng cũng ngoan. Tiền không có nhiều, nhưng cũng tạm gọi là có căn có bản. Cả năm làm ăn vất vả, chẳng lúc nào được rỗi rãi thực tình, sống lại những buổi đầu lưu luyến, anh ạ, hay là hôm nào chúng mình đi chùa Hương đi ? Tháng giêng

vừa đây, đã đi lễ chùa Trầm rồi, sớm đi chiều về, mệt lắm. Nếu đi chùa Hương, ta phải đi hai ba ngày cho thông thả chớ không đi như năm ngoái, đi sáng hôm trước chiều hôm sau đã về, lễ Phật không được đầy đủ, nói gì đến chuyện thưởng thức bầu trời cảnh bụi của đệ nhất động Nam thiên ?

Hai mươi mấy năm đã qua đi từ bữa chảy hội chùa lần chót ấy, nhưng lòng nào mà quên được cái buổi chiều giữa tháng hai năm đó, chúng ta cùng ngồi ở trên con đò xuôi bến Đục ngắm những con cóc bói cá trên dòng nước trong vắt. Kỳ lạ thay là cái động Hương-sơn ! Bây giờ, có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt khi nhớ đến cái cảnh trập trùng non non, nước nước, mây mây đó, tôi thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn

thanh thủy tú nào như thế : đẹp từ cái khe núi, gốc cây, đẹp từ cái ghềnh núi, bụi lau, đẹp từ con chim, ngọn cỏ. Nhưng bao trùm lên hết, bất cứ cái gì cũng có một tâm hồn, cái gì cũng tiềm tàng một kỳ bí thiêng liêng làm cho bất cứ ai cũng cảm thấy lòng dịu hiền đi, như sợ một cái gì từ bi lắm, như muốn trút bỏ hết sự đời, như muốn sống cách gì cho thực từ ái, thực nhân đức, thực vị tha để chuộc lại những tội lỗi mình đã phạm. Từ chùa Trong ra chùa Ngoài, từ đỉnh núi xuống doanh khời, từ con chim mổ kiến gõ mỏ vào cây kêu cốc cốc đến con vượn ru con như đọc tưởng chẳng quan hệ gì lắm”. Còn Vũ Ngọc Phan thì chỉ chê rằng “dụng điển cầu kỳ”.

Đó là những vị chê trên giấy trắng mực đen. Còn những lời chê miệng thì không kể siết.

Cũng có lắm người bênh vực. Phần nhiều là “khẩu thuyết”. Duy nhà văn Nguyễn Hiến Lê cho biết ý kiến bằng thư (16-11-1968) : “Mấy chục năm trước hồi mới đọc Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh, rồi mới đây đọc bài của Đông Hồ trong Bách Khoa, tôi đều nghĩ rằng hai vị đó nghiêm quá, chứ Ô-Y-Hạng chỉ là một lối mượn chữ — chứ không phải dùng điển — giá viết văn xuôi, cho ba chữ đó vào một cặp ngoặc kép thì chẳng ai trách vào đâu cả ; nhưng trong bài thơ, chẳng cần vậy (đặt vào ngoặc kép), thế thôi. Tôi chẳng biết gì về cách thức luật lệ thơ, nghĩ vậy mà không biết đúng không.”

Năm 1946, tôi được nghe một vị phụ lão bênh vực cho điển Ô-Y-Hạng, một cách hài hước rất lý thú. Việc xảy ra tại cựu kinh đô Huế. Nhân các bạn thích

thơ tranh luận về điển ấy, vị phụ lão nói:

– Tác giả bài Đêm Thu Nghe Qua Kêu viết sai chính tả khiến khách yêu thơ phải hao sức hao hơi. Chữ Hạng kia là Kỳ Hạng không có G. Quách Tấn là người Bình Định đọc những chữ có G in như những chữ không G, cho nên mới viết Y Hạng ra Y Hạng. Chớ câu ấy không dùng điển dùng tích chi cả. Nghĩa như thế này : “Bọn quạ (từ ô) y kỳ hạn rủ nhau sang”. Nghĩa thật là rõ ràng mà văn cũng già dặn. Mặc gì lại bàn những chuyện xa xôi cho mất công.

Ai nấy đều cười rộ.

Một bài thơ, một quyển sách ra đời, mà được nhiều người bàn tán, thì thật là một cái thú rất thú đối với tác giả. Cho nên. ngót ba mươi năm nay, tôi lặng lẽ thụ hưởng,

Nay nhân bức thư của ông Ngự Phủ do tòa soạn Văn chuyển đến, tôi xin nói rõ về điển Ô-Y-Hạng và phép dùng điển mà tôi đã học được của cổ nhân.

✱

Trong bức thư nói về nguyên nhân sáng tác bài Đêm Thu Nghe Quạ Kêu gửi cho Bàng Bá Lân tháng 8 năm 1963, tôi có nói qua về duyên do khiến tôi dùng điển Ô-Y-Hạng. Bức thư ấy Bàng quân đã đăng trọn trong tập Văn Thi Sĩ Hiện Đại, Kỷ Niệm Nhận Định, quyển II (trang 68) và Trần Tấn Long đã trích đưa vào bộ Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (Quyển Trung, trang 575). Hai bộ sách ấy đã được phổ biến sâu rộng. Nên ở đây chỉ xin nói về sự dùng điển Ô-Y-Hạng vào Đêm Thu Nghe Quạ Kêu có sai phép làm thơ hay không.

Để giúp quý bạn ít thuộc điển tích dễ thấy rõ thị phi, trước hết tôi xin giải thích điển Ô-Y và Ô-Y-Hạng.

Ô-Y nghĩa là áo đen.

Đó là tên riêng của chim én.

Vì sao có nhiều giống chim lông đen, mà chỉ riêng chim én mang hiệu Ô-Y ?

Có tích mới dịch ra tuồng.

Truyền rằng : Có người đi lạc đến một quốc gia tên gọi là Ô-Y-Quốc được quốc vương đãi yến. Yến bãi, người ấy xin về. Quốc vương bảo vào nơi một tiểu đình ngồi nhắm mắt lại. Giây lâu, người ấy mở mắt ra thì thấy mình ngồi tại nhà, trên rường có đôi chim yến đương đậu rĩa lông, mới biết rằng mình vừa mộng du đến Yến-Tử-Quốc. [Theo sách Từ Nguyên.]

Ô-Y-Hạng là địa danh, có nghĩa là Xóm áo đen.

Xóm ấy ở phủ Ứng Thiên, nay là huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, nằm về phía đông nam chợ Nam Kinh. Đời Đông Tấn (317-420) có hai vị đại thần là Vương Đạo và Tạ An làm nhà ở trong xóm ấy. Họ Vương và họ Tạ nối nhau làm tổ tông đến mấy đời, và con em trong nhà đều mặc áo đen. Do đó xóm mới có tên là Ô-Y-Hạng, và con em hai nhà, đời gọi là Ô-Y-Lang³. Vương Đạo và Tạ An lại cất chung một tòa lầu dưới rừng cây cổ thụ, để nghinh tân hội hữu. Hễ cử mỗi bận xuân sang thì chim én kéo nhau đến làm tổ chập cả mái lầu, nên tên lầu gọi là Lai-Yến-Đường⁴.

Trong Úc Viên Thi Thoại của Đông

3 Theo sách Từ Nguyên và Nhất Thống Chí.

4 Theo sách Giang Nam Thống Chí.

Hồ và các sách dịch Đường Thi của Trần Trọng Kim, Bùi Khánh Đản đều có giải thích kỹ càng về điển tích Ô-Y và Ô-Y-Hạng. Nên ở đây chỉ nói đại lược.

Nhà Đông Tấn bị nhà Tống diệt (420). Họ Vương họ Tạ cũng bị điêu tàn theo.

Trung điệp đời Đường (713-823), nhà thơ Lưu Vũ Tích đi chơi Giang Nam. Qua Ô-Y-Hạng trong lúc chiều tà, trông thấy nền cũ còn trơ mà con cháu họ Vương họ Tạ đã phiêu bạt tha phương, nhà thơ nghĩ cảm thương cho cổ gia cổ tích bèn làm bài Ô-Y-Hạng :

Chu Tước kiều biên dã thảo hoa

Ô Y hạng khẩu tịch dương tà.

Cựu thời Vương Tạ đường tiền yển

Phi nhập tâm thưởng bách tánh gia.

Nghĩa là :

Chu Tước cầu xưa lớp cỏ hoa
Ô-Y xóm cũ bóng dương tà
Lạc loài bấy én lẩn Vương Tà
Cam chít chiu nường khắp mọi nhà.

Bài này Tản Đà tiên sinh đã dịch :

Bên cầu Chu-Tước cỏ hoa
Ô-Y đầu ngõ bóng tà tịch dương
Én xưa đến Tà đến Vương
Lạc loài đến chốn tầm thường nhân
gia.

Đó, theo tích xưa sách cũ thì Ô-Y, Ô-Y-Hạng đều nói về chim én. Thế mà tôi lại đem dùng vào thơ Quạ, thì bị chê là dùng điển sai, thật phải quá. Ngày xưa

đi thi, dù gặp quan trường đại lượng
mấy đi nữa cũng đánh hỏng. Song làm
bài Đêm Thu Nghe Quạ Kêu là để nói
lên những điều muốn nói, chớ đâu phải
để cầu mong “bảng hổ đề danh” mà phải
uốn mình theo phép làm thi cử nghiệp.
Huống nữa dùng điển có nhiều cách :

- Minh dụng,
- Âm dụng.
- Thái dụng,
- Tá dụng.

Minh dụng là dùng một cách rõ
ràng chính xác. Ví dụ : Đêm Thu Nghe
Quạ Kêu, mà dẫn điển thất tịch độ hà,
và mượn thi liệu Ô thước bắc cầu Ngân
giang, như Đông Hồ cổ nhân đã dùng để
sửa giùm câu “Tù Ô-Y-hạng rủ rê sang”
bị nọc :

Từ bờ Ngân hán rủ rê sang

Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng.

[Xem Úc Viên Thi Thoại, trang 215.]

Như Vịnh Trâu Già mà dùng điển
Điền Đan lập trận hỏa ngư, Ninh Thích
gõ sừng trâu ca bài “Hạo hạo bạch thủy”:

Đuôi còn biếng vẫy Điền Đan hỏa

Tai nặng buồn nghe Ninh Thích ca.

Ấm dụng là dùng một cách kín
đáo, mới đọc qua dường không có điển,
nhưng xét kỹ thì là có điển. Như bài Tự
Thán tương truyền là của Nguyễn Trãi :

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông

Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay

Chắc chi thiên hạ đời nay

Mà đem non nước làm rầy chiêm bao⁵

Đã buồn vì trận mưa rào

Lại đau về nỗi ào ào gió đông

Mây trôi nước chảy xuôi dòng

*Chiếc thuyền hờ hững bên sông một
mình.*

Toàn bài không có một chữ khó.
Dường là văn chương đầu lười. Nhưng
hầu hết các câu đều mượn ý trong cổ thi.
Như câu 1, 2, xuất phát nơi câu:

Thân tại giang hồ thượng

Tâm tồn nguyệt khuyết trung.

Nghĩa là : Thân tuy ở trên sông trên
hồ, nhưng lòng còn trong nơi để khuyết.
Ý nói : Tuy không còn làm quan nữa,
nhưng vẫn không quên nợ nước ơn vua,
5 Có người bảo bài Tự Thán không phải của Nguyễn Trãi.

Chữ Non Nước chữ Chiêm Bao
trong câu 4 cũng đều có xuất xứ :

Lường mộng chúc vị thành

Sơn hà kinh kỷ biến.

Nghĩa là : Mộng lành dật chưa nên,
núi sông đã bao lần biến đổi. Đó là niềm
thất vọng của kẻ sĩ yêu nước, vì cô thế
phải đành chịu bất lực trước những biến
cố của quốc gia. Vân vân...

Điển dùng thật kín đáo. Cổ nhân
gọi cách dùng điển như thế là “ám trung
dụng điển”, gọi tắt là ám dụng.

Thái dụng là cắt lấy những phần
của điển thích hợp với ý mình muốn tả,
việc mình muốn nói, và bỏ những phần
không liên hệ hoặc tương phản với nội
dung câu thơ. Ví dụ: Trong bài Bán Chữ
của Phan Sào Nam tiên sinh, cặp luận :

Sấy lửa cha Tần càng quý lắm

Chữa phong chú Tháo lại kỳ thêm.

Vế thứ 2 là minh dụng, vì ý của tác giả muốn nói và diễn dùng tương đồng: làm cho đối phương tỉnh ngộ. Đọc lên, độc giả thấy rõ nghĩa câu thơ và dụng ý của tác giả, một khi đã biết được diễn Trần Lâm làm bài kịch kể tội Tào Tháo, Tào Tháo đương bị cảm phong độc đến, toát mồ hôi liền khỏi bệnh.

Vế trên tác giả mượn diễn Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò. Nhưng gạt bỏ tất cả chỉ lấy “chất lửa”, một mặt để ám chỉ chính sách ngu dân và hà khắc của bọn cầm quyền, một mặt để nhắc cùng những hàng ái quốc rằng : Ngọn lửa tàn bạo của vua Tần kia sẽ vô cùng quý báu nếu biết sử dụng, nếu biết dùng để “sấy” cho ấm nhân tâm đã bị khô lạnh, sĩ khí

đã bị tiêu trầm, khiến những người lạnh
lạt trước tình trạng đau thương của nước
nhà do bọn thực dân phong kiến gây nên,
trở thành những người có tâm huyết có
hào khí. Đó là thái dụng.

Tá dụng là mượn mà dùng, là dùng
ké. Ví dụ điển “Tào Mạnh Đức hoành
sáo phú thi” dùng trong bài phú Tiên
Xích Bích của Tô Đông Pha :

Năm Kiến An thứ 13 (208) để đánh
Đông Ngô, Tào Tháo kết thuyền trên sông
Dương Tử tại huyện Gia Ngư. Thuyền
nối nhau san sát, khí thế rất mạnh. Tào
Tháo đắc ý, cầm ngang ngọn giáo, nhìn
trăng ngâm thơ “Nguyệt minh tinh hi,
ô thước nam phi...” . Nhưng rồi bị đối
phương dùng hỏa công đốt thuyền cháy
sạch, Tháo bị đại bại. Dãy núi ở trên bờ
sông Dương Tử, một khoảnh rộng bị lửa

đốt thành sắc đỏ, nên gọi là Xích Bích (vách đỏ).

Đời Tống, thi hào Tô Đông Pha (1036-1101) bị trích ở đất Hoàng Châu. Ở Hoàng Châu cũng có một dãy núi sắc đá cũng đỏ như dãy núi ở Gia Ngư và cũng gọi là Xích Bích. Năm Nhâm Tuất (1082), họ Tô đi chơi thuyền dưới chân núi ấy, cao hứng làm bài phú Xích Bích. Nhân Xích Bích này trùng tên với Xích Bích kia, họ Tô nhớ đến việc Tào Tháo đời Tam Quốc, mới mượn đem vào văn chương.

Viên Tử Tài, tác giả Túy Viên Thi Thoại, nói :

– Thi nhân không nên câu nệ trong việc sử sự⁶. Như Bạch Lạc Thiên trong bài Trường Hận ca có câu “Nga My sơn

6 Sử sự hay dụng sự cũng đồng ý nghĩa như dụng điển.

hạ hiếu nhân hành” [Dưới núi Nga My ít người qua lại.], thì lúc Đường Minh Hoàng hạnh Thục, nào có đi ngang qua núi Nga Mỹ. Trong bài thi Tiên Thành của họ Tạ, có câu “Trùng giang tịnh như luyện⁷”, thì Tiên Thành cách Trùng giang đến trăm dư dặm và nơi huyện trị Tiên Thành phía tả phía hữu đều không có sông lớn. Trong bài phú Thượng Lâm của Tương Như có câu “Bát xuyên phân lưu⁸” thì nơi Trảng An đâu thấy 8 sông⁹.

Đó là Viên Tử Tài nói về Tá Dụng.

Lời nói của Hoài Thanh và Nguyễn Hiến Lê cùng một ý với Viên Tử Tài.

Và điển Ô-Y-Hạng dùng vào Đêm Thu Nghe Quạ Kêu là dùng ké, là tá dụng.

7 Sông Trùng giang lúc tạnh giống như lụa trải.

8 Tám sông chia dòng.

9 Theo sách của Nghiêm Mông Hữu thì ngày xưa Trường-an có 8 con sông là Kinh, Vị, Bá, Sản, Lệ, Kiều, Lạc, Duất. Đến đời Tống thì bị lấp hết.

Trong việc dùng điển, từ xưa tới nay chỉ có cách minh dụng là phổ thông. Cách tá dụng, trừ thơ Trung Hoa và thơ chữ Hán của Việt Nam, tôi chưa được thấy trong các bài thơ quốc âm lưu thế.

Các bậc tiền bối dạy làm thơ cũng không mấy khi đề cập đến cách tá dụng. Chẳng những không đề cập đến mà còn răn không nên dùng ngoại điển, tịch điển, sanh điển, và khuyên chỉ nên dùng chánh điển mà thôi. Do đó sự dùng điển trong làng thơ quốc âm chịu ảnh hưởng lối thơ cử nghiệp, thường bị trói buộc vào khuôn khổ của trường quy.

Dùng điển nếu biết cách dùng, nếu dùng cho khéo, thì rất có lợi :

– Câu văn gọn ngắn mà bao hàm được nhiều ý nghĩa.

– Lời văn thêm đẹp và gây thêm nhiều ý vị thanh tao.

– Lời nói và ý tưởng trong câu văn được chứng minh.

– Gợi thêm trong trí người đọc những hình ảnh, những tư tưởng ở ngoài câu văn bài thơ.

Nhưng không nên lạm dụng. Chỉ nên dùng những khi không dùng được. Điển tích cũng như đồ trang sức, dùng vừa phải và dùng cho đúng lúc đúng chỗ, thì mới tăng vẻ mỹ quan. Cổ nhân nói :

– Người có nhiều điển mà không dùng thì chẳng khác người có quyền thế mà không cậy.

Và để cảnh cáo, những người sinh dùng điển, lại nói :

– Tình sanh cảm, cảm sanh văn. Những người ưa dùng điển là những người trong bụng vốn không tình mà muốn khoe khoang học thức. Cho nên văn làm ra chỉ là một mớ xác chữ không hồn.

Cổ nhân dạy cách dụng điển cũng nhiều, mà răn việc dụng điển cũng nhiều. Nhưng sợ bạn trẻ hiếu học không có duyên gặp được sách cũ để đọc, nên nhân nói về điển Ô-Y-Hạng, tôi nói leo qua đôi nét đại cương.

Biển học vô cùng, còn sức người hữu hạn. Những điều tôi đưa ra chỉ là một gáo nước. Lại e không tránh khỏi sơ sót lỗi lầm. Ngửa mong các bậc học rộng biết nhiều hoan hỷ chỉ giáo.

Quách Tấn

VĂN số 191

Nhà văn Nhật :

NAOYA SHIGA

NGUYỄN VĂN XUÂN

nhà văn lập thuyết qua “phong trào duy tân”



Ông Nguyễn Văn Xuân là một nhà văn thuộc thế hệ tiên chiến, hiện còn hoạt động hăng hái trên văn đàn hiện đại.

Ông sinh tại Thanh Chiêm, tỉnh

Quảng Nam, Trung phần, ngày 10 tháng Năm, Tân Dậu, nhằm thứ tư 15 tháng 6 năm 1921, nhưng giấy tờ hộ tịch lại dịch ra là 10 Mai 1920. Trong thẻ căn cước của ông năm sanh lại là 1910.

Thời tiền chiến ông đã hợp tác với các báo Bạn Dân, Mới, Văn Lang, Tiểu thuyết Thứ bảy...

Sau 1954, ông đã viết cho : Văn nghệ Mới, Đời Mới, Bách Khoa, Văn, Tân Văn, Tin Văn, Văn Hữu, Sử Địa, Mai...

Tác phẩm đã xuất bản :

1. Bão Rừng, truyện, Trùng Dương 1957.

2. Khi những lưu dân trở lại, khảo luận, Thời Mới 1969.

3. Hương máu, truyện, Trường Sơn 1969.

4. Phong trào Duy tân, khảo luận, Lá Bối 1969.

5. Nhiều sách viết cho thiếu nhi do nhà Khai Trí ấn hành. Hiện ông đang dạy Việt văn tại các trường trung học ở Đà Nẵng và trường Đại học Văn khoa Huế.

(Tài liệu mượn trong “Tủ điển các Tác giả Hiện đại” của Trần Phong Giao, sắp in.)

LT.S. – Xin ông vui lòng cho biết ông đã bắt đầu sáng tác từ năm nào ? Chúng tôi muốn hỏi cả về thời gian bắt đầu viết và thời gian có bài đầu tiên được đăng báo ?

N.V.X. – Có lẽ khởi thủy, tôi chỉ đeo đuổi một dự định mà thôi, tức là

ao ước học hết các cấp để viết văn, trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Thế mà sự đời đưa đẩy tôi vào nghề thầy giáo, trung học rồi đến đại học. Nhưng, dù đang dạy học tôi vẫn mong muốn có cơ hội phục vụ văn chương, chủ trương báo chí, xuất bản. Điều đáng ghi nhận là cái sự chuẩn bị trở lại văn chương của tôi tương đối lâu dài. Dĩ nhiên nguyên nhân gây ra khó khăn lệ thuộc nhiều vấn đề. Chính kiến, thời cuộc chẳng hạn. Đặc biệt là đối với chính quyền. Chúng ta vẫn thiếu một không khí hoàn toàn cởi mở, mặc dù quyền tự do ngôn luận đã được hiến pháp công nhận và chính quyền vẫn thường nhắc tới...

Tôi viết báo rất sớm. Từ 15, 16 tuổi đã có bài đăng trên « Bạn dân » ở Hà-nội. Khi 17, 18 tuổi, tôi được giải thưởng lớn của tờ « Thế giới » ấn hành tại Hà-nội...

LT.S. – Trước kia, hình như ông có tham gia một hoạt động chánh trị ?

N.V.X. – Không, có lẽ cái tôi ít yêu hơn hết là chính trị. Đôi khi tôi cũng bị bắt giam giữ khá lâu, nhưng chỉ vì văn học. Theo tôi, người tham gia chính trị trước hết phải có can đảm và lý tưởng thật sắt đá, phải tuyệt đối tin vào một chủ thuyết, mà riêng tôi, thì lại không tin ở một chủ thuyết nào...

LT.S. – Theo chỗ chúng tôi được biết, quyền sách mới nhất của ông là quyển « Phong trào Duy Tân », Ông có dụng ý gì khi viết cuốn đó không ?

N.V.X. – Quyển ấy là cuốn giữa trong bộ « Sử Duy Tân » mà lại đưa in trước thì hẳn nhiên phải có dụng ý. Lịch sử Duy Tân dài, nhiều mặt, tôi không thể nói hết. Chỉ đề cập điểm này : Tại sao ở miền

Nam, ta làm gì cũng thất bại ? Là vì ta không có kế hoạch toàn bộ duy tân, tức là chưa có chủ thuyết cách mạng, chưa đề cao sản xuất và kinh tế, nhất là kinh tế tự túc để tự lực, tự cường. Nghĩa là nay mai, dù có độc lập chính trị, ta cũng không thể có độc lập thực sự. Hiện nay các nước chung quanh Thái Bình Dương đang sắp tiến lên hàng tiên đạo thế giới. Không kể Mỹ ở trời Tây, về phía bên này, Nhật muốn vượt Mỹ Nga ; Đài Loan, Đại Hàn đang là thần kỳ (miracle), Úc đang tiến trên hia bảy dặm, Trung Cộng đang đi vào thời nguyên tử... Âu Mỹ bàng hoàng, lo lắng. Vậy mà trí thức kỹ thuật gia chúng ta chưa chế nổi cái..... tấm xĩa răng, phải dành cho các ông Việt-nam-mới ở Chợ Lớn ! Đây không phải cuốn sách chuyên về sử nếu hiểu sử là tài liệu chết, trái lại nếu quan niệm sử là bài học sống để rút kinh nghiệm của người

xưa, nếu ý thức là lịch sử sẽ tái diễn và phải được hướng dẫn theo nỗ lực mới, lý tưởng mới thì quyển này đúng là tác phẩm sử : viết cho người ngày nay muốn học bài học Duy Tân vĩ đại cũ. Phải tái phát động Đại phong trào Duy tân có xu hướng xã hội nếu chúng ta nhất quyết không chịu làm đày tớ cho tội thực dân mới, tội tư bản, phong kiến, độc tài... Lao tác, sản xuất phải nâng lên hàng quốc sách. Phải quan niệm Độc lập, Hòa bình chỉ có chân đứng nếu có nền kinh tế tự túc vững như bàn thạch trong một chủ thuyết dân chủ tiến bộ để lấy đã tiến lên cùng Thế giới Thái Bình Dương của chúng ta !

LT.S. – Vậy, qua « Phong trào Duy Tân », ngoài những dữ kiện lịch sử đã được ghi nhận, ông còn có ý gợi gẫm độc giả...

N.V.X. – Tôi viết loại xưa. Chắc anh cũng biết độc giả xưa chẳng còn nữa. Họ chết hết rồi. Thế tất là tôi viết cho độc giả mới, ngày nay. Vậy, sở dĩ tôi dựng lên một cái gì của lịch sử, chắc chắn không do lịch sử thôi mà còn do thế hệ bây giờ. Có thể, « Phong trào Duy Tân » đối với độc giả, không quan trọng, nhưng với tôi rất đáng kể. Bởi, dù muốn dù không, đất nước rồi đây cũng có những sự tranh đấu mãnh liệt đủ mọi phương diện, ắt hẳn là văn hóa, kinh tế, chính trị sẽ giữ địa vị vô cùng khẩn thiết. Thế mà lúc này đây, chúng ta gần như lạc lõng, bị cắt đứt dĩ vãng, thêm nữa lại bị tràn ngập trong vũng lầy văn hóa ngoại lai, tự đào thải, hiếp dâm tư tưởng mình. Trước thảm trạng đó, tôi thấy cần khởi đầu bằng cuộc cải cách, phế bỏ nền văn hóa vong bản, mở một lối đi mới...

LT.S. – Liệu số độc giả trẻ, những người rất cách biệt với ông có hiểu ông không ?

N.V.X. – Tôi hy vọng.

B.V.X. – Mong ông cho biết sau cuốn « Phong trào Duy Tân » ông đã viết hoặc cho xuất bản cuốn nào khác. Hiện nay, ông đang cho in tiếp cuốn nào ?

N.V.X. – Tôi có viết một ít, nhưng còn cất đó. Trước Bảo rừng có quyển Đất Ô Châu, tiểu thuyết, nghiên cứu những vùng đất nghèo và sức chiến đấu kỳ diệu của dân vùng cận sơn. Đã có in hai kỳ trong tạp chí « Văn nghệ Mới (Huế) do tôi chủ trương. Sau Bảo rừng (giới thiệu cao nguyên) đến Bảo cát. Quyển này cũng trên ba, bốn trăm trang, bản thảo xong từ lâu, nghiên cứu sức tranh đấu dẻo dai của dân ở vùng cát, chuyên đánh nhau

với cát để tìm đất sống, bị cát đẩy lui liên nhào lên, đánh nữa... Tôi còn muốn viết thành tiểu thuyết tất cả những cuộc tranh đấu với đất ở khắp nơi. Khi nào miền Nam thái bình, người ta phải bắt đầu để ý tới ruộng đất, tới kinh tế, lực lượng sản xuất, tôi sẽ sửa lại, cho xuất bản. Chứ bây giờ, ta còn đang phò cho dân Mỹ sản xuất để ta « tự cường » thì... Ngoài ra, tôi cũng đang góp phần chút ít bên ngành sử. Tôi đề nghị với những người đã sống qua một nghề (như hát bộ) trải qua một biến cố chính trị, tôn giáo v.v chép lại những điều đã sống, mắt thấy, tai nghe. Tôi đã cùng cụ Cử Hà Ngại hoàn tất tập « Khúc Tiêu Đồng ». (Lá Bối sẽ xuất bản). Nước ta có nhiều biến cố, nhiều đổi thay, lớp già sắp tàn mà không giữ lại được một cái gì, e rồi sẽ chẳng còn gì mà giữ...

Nhà *Lá Bối* cũng sắp ấn hành tập *Chinh Phụ Ngâm* của Phan Huy Ích do tôi phát giác trong một đồng sách cổ ở nhà một bà chúa lòng danh tại Huế. Tạp chí « Văn » đã loan tin trong một số cũ (Xin xem lại VĂN số 157 (1-7-1970) bài “Tin văn vắn”, Thư Trung, tr. 113.). Tôi được học giả Hoàng Xuân Hãn giúp soi sáng nhiều điểm bất ngờ. Thật cũng may mắn cho văn học. Vì nếu tôi chậm chân, chắc nó đã tiêu mất trong đồng sách ẩm ướt, đã bị sâu cắn nát cả đám (khi nào sách ấn hành, nhà xuất bản sẽ cho triển lãm sách để quý bạn đọc xem cho hãn hữu.) Cũng xin nhớ là cuộc bút chiến về « Chinh Phụ Ngâm » từ 40 năm nay, sở dĩ chưa chấm dứt là vì thiếu bản cũ tin cậy được. Ông Hoàng Xuân Hãn tìm khắp, từ Paris, qua Hà Nội, qua Tokyo mà không nơi nào còn. Hiện Hà Nội cũng chỉ căn cứ trên sách ông Hãn mà

ngiên cứu, chớ không còn nơi nào lưu lại bản cũ.

LT.S. – Thường thường, công việc sưu tầm tài liệu và xây dựng tác phẩm của ông có phải trải qua một chu kỳ ghi nhận, quan sát lâu lắm không ?

N.V.X. – Khi hoàn thành một văn phẩm, thường tôi phải trải qua thời kỳ suy nghĩ cả chục năm. Thí dụ, việc giới thiệu tuồng, đó không phải chuyện có thể tán hươu tán vượn, mà tôi đã căn cứ vào đôi ba trăm dữ kiện, vai trò, sự phổ biến của tuồng trong quá khứ thế nào thì mới dám phát biểu. Tiện đây, tôi xin phép ngoặc một dấu hỏi lớn là tại sao tôi say mê tìm hiểu tuồng như vậy? Anh chắc có biết những dân Trung Hoa dưới thời bát quốc đô hộ, họ đi hết các nơi để phát huy văn hóa mình, mục đích gọi lại những trào lưu văn hóa (đời Minh, đời

Thanh) mà từ lâu bị coi là thấp kém. Việt Nam ta, trái lại, ít ai để ý đến. Sự kiện đó chẳng đáng hồ thẹn hay sao ? Cho nên, cái ý hướng lớn nhất của tôi là làm thế nào thể hiện điều sai lầm ấy trong mỗi người chúng ta.

B.V.X. – Xin ông cho biết thêm về công cuộc sưu tầm tuồng cổ của ông? Ông có gặp khó khăn gì trong việc cho in những bản tuồng đó không ? Nếu có, sao ông không nhờ cơ quan Asia Foundation tài trợ, khi cơ quan này vẫn tài trợ cho việc xuất bản những bản tuồng, chèo cổ ?

N.V.X. – Ngành tuồng ở miền Nam có thể nói là phong phú nhất. Cả trong toàn quốc, cho đến nay, chưa có ngành nào sống lâu, có nhiều tác phẩm dài hơi (hàng trăm hồi) đến thế. Tuồng bản là căn bản cho sự thành công của sân khấu

hát bộ cũng đúng như qui luật chung của tuồng Hy Lạp Anh, Pháp... Vậy mà không thấy mấy ai đứng ra sưu tầm nghiên cứu, thật sự quan tâm tới nó trong khi ở Nhật, Đài Loan, Đại Hàn, cả Trung Cộng cũng hết sức phát triển. Ở lục địa Trung quốc hiện Mai Lan Phương đang tập hợp tất cả sách vở, nghệ nhân để viết bộ “Lịch sử sân khấu Trung Hoa” rất lớn. Các nước kia, đều có đưa các đoàn tuồng đi diễn khắp các thủ đô lớn trên thế giới. Ông Nghiêm Thẩm có cho biết khi ở Paris, ông phải bỏ tiền mua vé xem tuồng Tàu trước mấy tháng trời mới có...

Bởi lẽ không ai nghiên cứu, tôi phải gấp rút học chữ nôm để may cứu vãn được cái gì thì cứu. Trên mười mấy năm nay, tôi mượn, thuê sao, chép hoặc tìm mua được trên dưới vài trăm tập (mỗi tập một hồi, đóng một đêm). Có nhiều tập

rất hay, có tập quá dở. Nhưng tựu trung đều là tài liệu chính xác, chứng tỏ một thời huy hoàng rực rỡ như chưa hề thấy của nền văn học cổ. Nếu so số lượng (hồi) tôi giữ được với số lượng toàn bộ tổng bản ở các thư viện miền Bắc, có in trong thư mục quyển “Bước đầu tìm hiểu nghệ thuật tuồng” của Mịch Quang thì kể như tôi có khá nhiều (mặc dầu bị mất lần). Đó là chỉ mới nói tủ sách một tư nhân thôi ! Còn bao nhiêu tư nhân khác ! Vậy mà chúng ta đã làm gì cho ngành tuồng khiến “trông người lại ngẫm đến ta” ! Tôi đang viết bộ “Lịch sử văn học trình diễn” (chớ không phải lịch sử nghệ thuật trình diễn hay nghệ thuật tuồng) đã viết xong từ thời Lý Trần đến các chúa để dẫn tới thời huy hoàng nhất của ngành này, thời “Gia Long, Minh Mạng”. Các phần sau, tôi đang tiếp tục. Tuy bộ này khá dày (gồm tuồng đồ, đồ giễu, tuồng pho,

tuồng ngự v.v..) song cũng chỉ đủ khả năng đi vào những nét chính, tổng quát thôi. Tôi cũng đã bỏ nhiều thì giờ để đi diễn thuyết, cốt gây lại một niềm tin đối với tuồng. Trong hai niên khóa vừa qua, tôi diễn thuyết sáu lần ở phạm vi Đại học Sư phạm. Đại học Văn khoa Huế và các cơ sở khác ở Đà Nẵng, kèm theo năm lần diễn tuồng cho sinh viên và các giới khán giả xem. Tôi thấy giới trẻ, nhất là sinh viên rất thích. Khi trình bày ở Hội Việt Mỹ, tôi tuyên bố rõ ràng : “Người Việt Nam chỉ học kỹ thuật, khoa học của Mỹ, còn ngành kịch nghệ thì không. 50 năm trước đây, khi ngành kịch nghệ Mỹ bắt đầu lên thì chúng ta bắt đầu xuống. Vậy chỉ cần phục hưng và trao đổi với bất kỳ quốc gia nào muốn trao đổi...” Sau buổi trình diễn, tuần báo Thời Mới ở địa phương đã khen là “tuyệt diệu”. Vậy mà tại sao ngành tuồng cổ cứ chết ? Tại lòng

người hay tại lãnh đạo văn hóa ?

Nếu có tư nhân hay cơ sở nào trong hoặc ngoài nước muốn giúp việc nghiên cứu và in tuồng, tôi rất vui lòng, miễn họ không đòi hỏi điều kiện. Tôi thấy tuồng chèo cổ của ta có in ra đấy, song chưa được bằng lòng :

a) tư nhân: nghiên cứu quá sơ sài, thiếu lý luận, chưa hơn sách in trước 1945 của Đoàn Nồng.

b) Nhà Đào Tấn : không đặt vấn đề toàn bộ và lâu dài. Chỉ in mấy quyển rồi nghỉ luôn. Nếu nhờ người ngoại quốc giúp mà chỉ làm được đến thế thì thiết tưởng không cần.

c) Nhà Khai Trí : đã in được bốn tập khá sáng sủa. Sách do các ông Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ giới thiệu. Song

sở trường của hai ông chỉ là chú thích mà các ông lại bỏ sở trường ấy, thành tuồng chỉ còn là tài liệu khô khan, không thể lôi cuốn được các tầng lớp trẻ. (Gần đây nhất, có ấn hành “Ngũ hổ bình Liêu” đề là của ông Tú Nguyễn Diêu cả ba quyển ; sự thật, ông Tú Diêu là tác giả quyển thứ hai, rất lừng lẫy. Còn hai quyển kia, của người khác).

Trên đây là những cố gắng đáng khen của những người có thiện chí. Song ngành tuồng quá lớn, việc làm của chúng ta thiếu hợp tác nên không nắm toàn bộ vấn đề. Lại thêm người lãnh đạo không thấy rõ ràng hát bộ đối với đại quần chúng còn đủ khả năng giáo dục, hấp dẫn kỳ diệu, tỏ ra khinh thường nên khó cho công cuộc nghiên cứu, phát triển. Buồn cười là tuồng trong nước, ta xem khinh, xem thường mà mới đây, Anh quốc tặng

một số tuồng, ta long trọng đón nhận, báo chí loan tin rộng rãi. Để làm gì ? Cho mỗi ăn ? Thà để lại bên Anh may ra còn giữ được đến ngày thái bình.

B.V.X. – Ông nghĩ sao về hiện tình sinh hoạt kịch nghệ tại miền Nam (kể cả hát bội, cải lương, kịch ti-vi...)

N.V.X. – Tôi đặt câu hỏi lại về kịch để soi sáng, trước 1945, chúng ta đã có một ban kịch lưu động như Anh Vũ của Thế Lữ. Nay đã có ban nào có tổ chức qui mô như thế không dù ta có những Kim Cương ?

Còn về cải lương : Trước ta có những Năm Châu, Phùng Há nhất là Ba Vân, Năm Phỉ với những lối đóng công phu, kỹ lưỡng, nội dung lành mạnh, mỗi ngày một tiến gần tới kịch nói. Ngày nay, lớp cũ đã tàn (tuy có người còn sống), song

lớp mới có còn phong độ cũ, biết trọng nghệ thuật đến thế không ? Tôi thấy cái lương đang gãy chết trong hình thức lộng lẫy.

Còn hát bộ : Tôi tưởng khỏi cần nói. Bây giờ so với trước, cách nhau một trời, một vực. Hôm vào Sài-gòn, tôi có đi Minh Phụng xem diễn hát bộ. Tôi thấy mấy ông Tàu đánh toàn bài Tàu, tôi nhờ chép cho xem tên bản nhạc ; ông chép “gia gia hữu bốn nan niệm đích kinh” (mỗi nhà đều có chuyện riêng, khó giải bày cho kẻ khác). Thật là đặc “xàng xê lú” ! Đó là loại hát bộ Tàu hóa Việt hơn là hát Việt lai Tàu. Còn hát bộ ta trong ti-vi thì thú thật, tôi ít hiểu. Nghe đau đầu.

Còn Ti-vi : Tôi nghĩ không có phương tiện nào tuyệt hảo đến thế, nhưng ở miền Nam thì cũng chưa có phương tiện nào làm sa đọa văn nghệ đến thế. Trẻ con

mất học, người lớn mất cơ hội đọc sách đứng đắn, đàn bà mất thì giờ nghỉ ngơi và nghĩ ngợi, những ban kịch, ban nhạc địa phương, rất cần thiết để xây dựng tích cực văn nghệ nước nhà cũng vì ti-vi mà chết mòn... tôi chỉ ước nguyện bên mỗi cái ti-vi (đào tạo khán giả tiêu cực) thêm một tủ sách nhỏ (đào tạo độc giả tích cực) thì mới mong cứu vãn tình trạng sa đọa tinh thần hiện nay. Ti-vi và nhật báo ! Kiến thức miền Nam không lẽ chỉ có thế ?

B.V.X. – Nãy giờ, chúng ta đã nói hơi nhiều về tuồng. Xin trở lại với nghề chính của ông, nghề dạy học. Hiện nay, ông dạy bao nhiêu giờ một tuần ?

N.V.X. – Vì còn biết xấu hổ (sĩ) nên xin miễn cho tôi khỏi trả lời câu hỏi này.

B.V.X. – Như vậy, ông viết văn lúc nào ?

N.V.X. – Tôi viết bất cứ lúc nào: Bão rừng: khởi đầu và hoàn tất — trừ chương chót – trong nhà lao. Khi những Lưu dân trở lại: trên giường bệnh ; tôi sợ chết rồi sợ lớp nhà văn sau không biết rõ tình trạng văn học nghệ thuật cũ, sẽ không để ý nên phải viết như văn tuyệt mệnh. Một số tác phẩm khác viết vào độ hè, tết, ban đêm, đôi khi tại lớp, giờ làm bài.

B.V.X. – Khi viết ông có những thói quen nào ?

N.V.X. – Tôi không có thói quen nào. Viết Bão Rừng giữa lúc các tù nhân đang loạn xà ngầu vì tra tấn, vì tranh chấp... Tôi viết bất kỳ trên bàn (nhà tôi không có bàn giấy), trên ghế, trên phản, lúc nằm, lúc ngồi. Tôi dàn bài rất kỹ trong óc. Tôi

bỏ rất nhiều thì giờ suy nghĩ. Tôi nghĩ bất cứ nơi nào, lúc nào, như một cái máy nghĩ, kể cả khi đang nói chuyện. Ngày trước, còn đi xe đạp, nghĩ được nhiều. Bây giờ ngồi xe Honda, không dám nghĩ vì sợ người khác phải nghĩ điều vẩn... Thành ra, mọi sự đều hoàn thành trong não (đó là tác phẩm ngắn). Còn tác phẩm dài thì dù nghĩ kỹ mà khi bố cục cũng nảy ra rất nhiều bất ngờ, không lường trước được. Thành ra, bấy giờ chính cây viết nghĩ hộ chớ không hản trí não (Đó là nói sáng tác phẩm, chớ về biên khảo, óc có thể điều khiển được). Còn viết thì tôi gặp giấy nào, viết giấy ấy. Tôi ít chú ý hình thức lắm.

B.V.X. – Ông chỉ viết theo ý thích, tùy hứng ? hay ông cũng có viết theo “còm-măng” của tòa soạn các báo ? Các nhà xuất bản ?

N.V.X. – Tôi thích gì thì viết cái ấy. Nhưng đại khái, chủ trương, đường lối tôi đã vạch trước trên một bài báo tên là “Chủ nghĩa hiện thực dân chủ tiến bộ” đăng trên Đời Mới rồi Văn Nghệ Mới vào khoảng 1955 (Kỷ Việt Hiến). Bây giờ, tuy có vài điểm tôi không giữ nữa, song toàn bộ không khác mấy. Dù tôi có viết theo com-măng thì cũng thẽ theo những nét chính đã có từ 15 năm trước.

B.V.X. – Albert Camus bỏ nghề dạy học vì quan niệm nghề dạy học làm “sa lầy” nhà văn. Nay, nếu ông có đủ phương tiện để chỉ viết văn thôi thì ông có bỏ nghề dạy học không ? Nếu có, xin cho biết tại sao ?

N.V.X. – Đúng, Albert Camus chắc đã đi sâu vào nghề dạy học. Không nơi nào làm người ta sa lầy hơn, nhất là ở trường học Việt Nam.. Viết văn là sống

thật, sống sâu sắc, tự do trong thế giới linh động; dạy học là sống nghiêm nghị, sống hời hợt, ràng buộc trong thế giới từ chương (ở ta, khoa học cũng là từ chương). Ai ở môi trường ấy cũng khó sáng tác, trừ những nhà biên khảo, nhà phê bình... Lẽ tất nhiên là nếu có đủ phương tiện để chỉ viết văn thôi, tôi sẽ bỏ nghề dạy học dù tôi cũng hơi “thâm niên”, vì tôi nghĩ ngành ấy, có người thay dễ dàng mà ngành văn thì không ai thay ai bao giờ ! Thú thật, tôi có quá nhiều cuốn sách phải viết, tôi muốn dựng lại vóc dáng thật của miền Nam trong dĩ vãng cũng như hiện tại về nhiều phương diện : văn hóa, chính trị, kinh tế... chẳng hạn, riêng ngành tuồng, nếu tôi nhân gấp ba lần tuổi thọ, chắc cũng chỉ mới khai thác được những điều tổng quát mà thôi !

B.V.X. – Là một nhà văn hóa có danh tiếng tại địa phương ; song nếu chúng tôi không lầm, dường như ông không tham gia vào công cuộc vận động thành lập Viện Đại học Đà Nẵng. Mong ông cho biết vì sao ?

N.V.X. – Không. Trái lại, tôi là một trong bốn người đầu tiên đứng ra mời thành lập. Và nay tôi là cố vấn văn hóa giáo dục của ủy ban vận động. Điều đáng để ý là ủy ban này gồm mấy văn hữu : Thi sĩ Thái Can chủ tịch, nhà văn Duy Lam phó chủ tịch (hai vị này chủ trương Hội Phát huy Văn hóa Đà Nẵng mà nhiều người lầm tưởng tôi có chân trong đó.)

B.V.X. – Ông quan niệm thế nào về Viện Đại học Đà Nẵng ?

N.V.X. – Chúng tôi chủ trương một

viện đại học cộng đồng kỹ thuật. Gọi cộng đồng là có sự đóng góp tích cực của địa phương bên cạnh chính phủ. Vì thế, địa phương có quyền hạn trong việc mời viện trưởng, góp ý kiến tổng quát về chủ trương, đường lối, chương trình. Chẳng hạn tại Đà Nẵng, ngoài phân khoa căn bản (phổ thông) buộc phải liên kết với một đại học phổ thông (có thể là Huế) chúng tôi có phân khoa chuyên nghiệp với nhiều ban. Có thể ở Đà Nẵng ban hải sản, ngư nghiệp, hầm mỏ, sau này ở Quảng Nam ban nông, dệt, Quảng Tin ban lâm, Quảng Ngãi ban mía đường v.v... Trình độ hai năm đầu ngang phó kỹ sư hay cao đẳng ; sau đó lên đủ bốn năm hay hơn nữa tùy khả năng tài chánh. Nhưng chúng tôi chú trọng nhất việc đào tạo nhân viên trung cấp, xem như cột trụ của nền sản xuất bên cạnh thợ thuyền. Thiếu hạng chuyên viên này thì

có đào tạo kỹ sư nhiều cũng vô ích.

L.T.S. – Ngoài việc viết văn, như vậy, ông còn nhiều dịp sống với giới trẻ tại các trường trung, đại học. Vậy, với tư cách một nhà văn, ông nghĩ sao về họ ?

N.V.X. – Thanh niên bây giờ hình như tất cả đều có điều gì nghĩ ngợi, không rõ họ nghĩ ngợi vấn đề nào nhưng ai cũng công nhận điều đó rất đúng. Qua tiểu thuyết, xi-nê, tôi thấy thanh niên Mỹ họ trẻ hơn thanh niên mình nhiều lắm. Họ chỉ lo làm việc, giải trí, dễ dãi trước thời gian. Còn bên mình thanh niên dù họ du đặng, chơi bời, nhưng ai cũng ao ước chụp lấy cơ hội để thực hiện lý tưởng. Nhất là tầng lớp sinh viên...

L.T.S. – Xin ông cho biết ý kiến về những buổi đọc thơ, ca nhạc, diễn thuyết thường được giới trẻ tổ chức gần đây ?

N.V.X. – Những buổi sinh hoạt ấy, cần có sự nâng đỡ khuyến khích, nhất là về phía chính quyền. Đứng dưới hàng ngũ khán giả, tôi ưa xem những chương trình có nhiều màn tác động. Mà chỉ có kịch mới thỏa mãn đòi hỏi này thôi.

L.T.S. – Người ta thường cho rằng sinh hoạt văn nghệ tại thủ đô cô đọng, còn ở các tỉnh thì rời rạc. Ông có đồng ý với nhận xét đó ?

N.V.X. – Hai từ ngữ cô đọng và rời rạc xa nhau quá. Tôi đành chịu...

B.V.X. – Nếu ông có cơ hội bỏ Đà Nẵng vô ở trong thủ đô (văn hóa) Sài-gòn, ông có sẽ dời bỏ nơi đang cư ngụ không? Vì sao ?

N.V.X. – Địa phương này là nguồn cung cấp tài liệu và nguồn cảm hứng vô

tận cho tôi. Tác phẩm của tôi đều bám chặt vào đây như cây cối bám vào đất màu. Nhưng nếu ở Sài-gòn có cơ hội “vạn bất đắc dĩ”, tôi sẽ đi. Tôi sẽ có điều kiện hoàn tất một tác phẩm còn lỗ dở vì thiếu tài liệu Tây phương. Nhưng... nếu ngày nào tôi thực sự dời bỏ địa phương yêu dấu này, tôi phải đọc lại một câu thơ của Khuất Nguyên đại ý: “Chân bước đi, quay lại nhìn nhân dân khôn cầm nước mắt...”

L.T.S. – Khi ngồi trước tờ giấy trắng mở rộng trước mặt, mỗi lo âu, sự ám ảnh có lẫn quần quanh ông ? Mỗi lo âu đối với người đọc và sự ám ảnh đối với điều mình dự định viết...

N.V.X. – Tôi tin chắc nhà văn nào cũng mang tâm trạng ấy,

B.V.X. – Ông nghĩ thế nào về một tác phẩm lớn ?

N.V.X. – Lớn hay nhỏ không phải hoàn toàn do số trang mà do nội dung và kỹ thuật diễn đạt. Nội dung phải thật sống, sâu sắc, linh hoạt ; kỹ thuật không chỉ vững mà còn tiêu biểu cho cái mới, cái đang được chờ đợi. Kể từ 1932 đến 1945, ta có một số tác phẩm dọn đường cho những tác phẩm lớn sẽ tới, nhưng thời cuộc đã chặn đứng... Hiện nay, tôi đang tìm dấu hiệu...

Tuy nhiên, ta không nên ngạc nhiên nếu chưa có. Vì suốt thời Trịnh Nguyễn rồi Tây Sơn, có bao nhiêu tác phẩm lớn ? Vậy mà có thái bình là ngay từ 1803 – 1804 đã có Văn tế của Nguyễn Văn Thành, tiếp liền theo là “Chinh phụ ngâm” của Phan Huy Ích, rồi sau đó “Truyện Kiều” của Nguyễn Du và

cả Hồ Xuân Hương nữa ; ở trong Nam cũng xuất hiện hai bộ tuồng vĩ đại chưa hề thấy lại trong lịch sử tuồng về phương diện nội dung cũng như diễn xuất : “Sơn Hậu” và “Tam nữ” đã nghiễm nhiên trở thành Tuồng Thày. Đó là tôi chưa nhắc tới một bộ lịch sử ký sự lừng lẫy vô song bằng chữ Hán : “ Hoàng Lê nhất thống chí¹⁰ ” và bộ Bách khoa toàn thư của Phan Huy Chú : “Lịch triều hiến chương loại chí” được xem như sách gối đầu của các nhà nghiên cứu.

Có hòa bình, nhất định có đại tác phẩm.

Có nhiều nữa là khác như thời Gia Long Minh Mạng chúng tôi...

Nhưng phải là hòa bình thống nhất

10 Nhiều người liệt bộ này vào thế kỷ XVIII. Sự thật, bộ này không rõ khởi thảo lúc nào, song đã hoàn tất vào những năm đầu Gia Long, thế kỷ XIX như đoạn kết cho thấy.

thật sự để nhân dân và các nhà văn hóa tìm thấy sự bình tĩnh hồn nhiên, niềm tin bất tuyệt để “Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình” và để tâm sáng tác, biên khảo.

B.V.X. – Gặp trường hợp chỉ được chọn một tác phẩm của ông thôi thì ông sẽ chọn và giữ lại cuốn nào ?

N.V.X. – Tôi viết mỗi quyển đều có một chủ ý rõ rệt : truyện Bão rừng giới thiệu miền Tây Nguyên vĩ đại, giàu có để đồng bào ta lưu ý; chế độ đồn điền phải cáo chung ; thái độ chính trị quyết liệt của đồng bào thiểu số (cần dẫn tới tự trị) và một lối truyện không cần cốt truyện kiểu Tự Lực cũ¹¹. Cuốn Khi Những Lưu Dân trở lại (biên khảo) giới thiệu lý do

11 Các mục đích này đều không đạt. Vì ông giám đốc nhà xuất bản, thay vì viết mấy lời giới thiệu nhà xuất bản lại giới thiệu quyển sách nên hướng độc giả về các mục tiêu tôi không nghĩ tới. Khi in xong sách, tôi mới biết có bài tựa ấy,

có nền văn học miền Nam, thực chất, đặc tính và xu hướng của nền văn học (và nghệ thuật) ấy. Quyển này như một khởi điểm, một khởi động cho một số tác phẩm khác của tôi hoặc của văn hữu miền Nam tự ý thức vai trò của mình. Tập truyện Hương máu, theo phương pháp hiện thực mới, giới thiệu những anh hùng kháng chiến gần với sự thật và không giống tí nào với kiểu anh hùng lãng mạn trong Tiêu sơn tráng sĩ chẳng hạn. Còn ý nghĩa của nó đối với thời cuộc ra sao, chắc độc giả đã tế nhận. Tuy nhiên, nếu hỏi tôi khoái quyển nào đối với tương lai đất nước nhất, tôi nhìn nhận là quyển Phong trào Duy Tân.

L.T.S. – Trong cuộc đời theo đuổi văn nghiệp, chắc ông cũng đã gặp nhiều khó khăn trắc trở. Vậy, ông có thể truyền cho lớp người đi sau đôi chút kinh nghiệm ?

N.V.X. – Tôi đã mô tả chung vấn đề này trong cuộc phỏng vấn của anh Bùi Kim Đỉnh ở “Bách Khoa” [Xin xem lại “Bách Khoa” số 313-314 (ngày 15/1 và 12 năm 1970).]. Chắc anh vui lòng tha cho tôi trở lại lần thứ hai nữa ?

L.T.S. – Theo ông, văn nghệ miền Nam hiện tại thế nào ? Và tương lai sẽ đi về đâu ?

N.V.X. – Thỉnh thoảng, tôi có đọc một số tác giả, phần đông họ lớn tuổi, và rút tỉa nhận xét, kinh nghiệm của họ. Nhận định duy nhất của tôi là văn nghệ miền Nam muốn tiến bộ phải quay về một nền văn chương thuần túy dân tộc...

L.T.S. – Trong hiện trạng đen tối của đất nước, theo ông. người làm văn nghệ “muốn tiến bộ” phải giữ tư thế nào ?

N.V.X. – Tiên quyết là chúng ta phải chấp nhận hoàn cảnh mà mình đang gánh chịu. Ai có lý tưởng nào thì cứ đeo đuổi lý tưởng nấy. Dù thời bình hay thời chiến người dân cũng có những nhu cầu, nhu cầu đó đòi hỏi chúng ta sự đáp ứng. Nói về tư thế nhà văn trong thảm trạng đen tối của đất nước : Nhà văn phải chọn lấy mỗi người một vị trí vững chắc để thực hiện bổn phận của mình một cách đúng đắn. Vị trí ấy, theo tôi, là nơi có lửa và chất nổ...

B.V.X. – Xin cảm ơn ông đã dành cho chúng tôi buổi nói khá dài này. Câu hỏi sau chót, mong được ông cho ông đang có dự định gì gần gũi và thiết thực nhất ?

N.V.X. – Tôi đang bàn với anh em văn nghệ sĩ ở miền Trung lập một tạp chí tiêu biểu cho sắc thái vùng này. Tôi nghĩ là nước ta muốn mạnh, cần phải

phát huy cái đa dạng tính và cái đặc sắc từng miền để chúng tỏ thực tế tính chất phong phú của đất nước. Miền Trung cũng lại là một miền có nhiều tiềm lực, đã từng đóng vai trò chủ yếu trong nhiều thế kỷ. Vậy mà nay đến một tạp chí cũng không có dầu đang và sắp có những ba đại học ! Tạp chí sẽ không do ai bỏ tiền ; chúng tôi kêu một số cổ phần đủ để làm. Chúng tôi hy vọng anh chị em văn nghệ sĩ gốc miền Trung hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi để tránh cho miền đất có nhiều khả năng văn hóa đang trải cảnh “hương tàn khói lạnh”.

Bùi Vị Xuyên và Lương Thái Sĩ
Thực hiện tại Đà-nẵng và Sài Gòn
ngày 22-3-70 và 7-9-71

CHÚC MỪNG

anh **ĐẶNG TẤN TỚI**

và **NGUYỄN THỊ DUY KHƯƠNG**

nhân hôn lễ vừa cử hành

tại Thành-tây, Bình Định

NAM CHỮ – NGUYỄN
TÔN NHAN – VÕ CHÂN CỬU
– HOÀNG NGỌC CHÂN – NGÔ
NGUYỄN NGHIÊM – NGUYỄN
ĐỨC NHÂN – NGUYỄN LƯƠNG
VỊ – LÊ PHIÊN VƯỜN.

TÔ THÙY YÊN

thơ

qua sông

*Đò nghen đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
Con đường đáo nhậm xa như nhớ
Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò
Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cò nhúm ẩm cây mưa*

Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nồng một xót xa
Giặc đánh lớn – mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liên
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nỗi không tên
Tiếp tế khó – đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó – sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh mặt nát lạch mường tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vương sáng mơ màng

Áo quan phong quốc kỳ anh liệt
Niềm thiên thu đắm cỗ xe tang
Quê xa không tiện đường đưa tiễn
Nghĩa tận sơ sài đám lạnh tanh
Thêm một chút gì như hồi hải
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...
... Nao nao mừng tượng bóng mình
Mịt mùng cõi tới u minh tiếng rên
Xuống đò, đời đã bỏ quên...
Một sông nước lớn trào lên mắt ngời.

anh hùng tận

*Dựng súng trường, cỡi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhết
Mỗi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều
Đây ngã ba sông, làng sát nước
Xuống ba lá đậu kế chân bàn
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt
Lục bình, mây mới chuyển lang thang
Mấy kẻ gặp nhau nào có hẹn
Nên gặp nhau không giấu nổi mừng
Ta gạn dăm lời thơ tặng bạn
Dấu từ lâu bỏ việc văn chương*

Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên...
Tối đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thắt ruột gan
Cũng không ai nhắc về thân thể
Có vợ con mà như độc thân
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung :
Còn mười tháng nữa lên trung úy
Có thể ngày mai chữa biết chừng
Mặt bạn mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa

Tiếng hò mời vô, vô tổ mả
Muỗi thủy triều chùng cũng giạt ra
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa
Đất thì không khẩn, vàng không tìm...
Bạn nhủ ta : đừng hỏi khó
Uống mất ngon vì chuyện loạn tâm
Ta chặt cho nhau giọt rượu sót
Tuồng đời sót chút thiếu niên đây
Giờ cất quân, đưa tay bắt
Ước côi âm còn gặp để say.

đăng tử

*Ngày kia trở lại ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.
Bạn có nghe, này bạn có nghe¹²
Ở bìa rừng bên giỏ sửa soạn
Tuần du – cuộc tuần du bất tận
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao chim giục giã
Từng gian như những thủy triều sôi
Bạn có nghe, này bạn có nghe*

12 Bài thơ này, trước đây, tôi đã cho đăng một đoạn, nói thác là của một nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết bỏ dở của tôi. Bây giờ, nhân có được chút đỉnh thư thả, tôi mới hoàn tất bài thơ này và xin đăng trọn. T.T.Y.

Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều
Chim đã bay quanh từ vạn cổ
Gió thật xưa, mây thật già nua
Nên với một đời bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu
Ly rượu rót mời, xin uống cạn
Bài ca ta hát đến đâu rồi
Xin hát nốt – còn đi kéo muộn
Cho úp ly – bóng xế đường dài
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê

Đến ngã ba, đành theo một lối
Tiếc ngần không cùng theo lối kia
Thoảng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn
Thiên thu loé tắt vệt phù du
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sâu
Bay tản khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau...

Tô Thùy Yên

nhà xuất bản

Nguyễn đình Vương

tái bản lần thứ nhất

ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của **MAI-THẢO**



ấn bản mới, in đẹp hơn lần trước đã
phát hành

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

nhỏ thừa tràng đặc

Mọi người về đến nhà đã xế chiều. Ông Phát như thường lệ đã xuống ngồi dưới vườn, trên chiếc ghế cũ. Cô Năm vội vàng chạy ngay lại chỗ ông đang ngồi, kể lễ chuyện đi chợ.

Cô Minh Tâm và cô Kim Ngân đi thẳng vào phòng lo thay quần áo, rửa đồ đem cất. Sau đó cả hai cũng xuống bếp giúp cô Năm sửa soạn bữa cơm chiều.

Lâu lắm trong nhà mới có một bữa cơm có vẻ ấm cúng như vậy. Lúc ăn tráng

miệng cô Kim Ngân lấy một ít mút, kẹo để trên bàn,

Cô Minh Tâm nói :

– Cô không đợi xuân về à ?

Cô Kim Ngân bảo :

– Mình ăn tết sớm càng được ăn nhiều.

Ông Phát hỏi :

– Có mua được lá dong không con ?

– Được ba, con nhất định gói bánh mà.

Hương trà ngát thơm trong căn phòng. Cái mỗi một của cả một ngày đi không nghỉ bây giờ mới làm cô bải hoải. Nhưng chính sự bải hoải đó làm tăng thêm cái khoan khoái của chén trà nóng

thơm uống trong lúc biết rằng chẳng còn công việc gì phải làm nữa. Cô cảm thấy tâm trí nhẹ nhàng không còn vướng bận, cô thầm nghĩ giá lúc nào cũng được thanh thoi như thế. Mà thực ra cô có thể dễ dàng sống như thế. Cô có điều gì đang phải lo ngại đâu. Hết thấy những điều bận tâm của cô trước đây, đều là những điều cô mua chuộc lấy cả, đó là những cơn bão rút từ những người khác, cô bị ảnh hưởng lây. Nhưng sống trong một gia đình như vậy, sống trong một trận bão ngầm thổi quanh mình như vậy, làm thế nào cô không bị ảnh hưởng cho được ? Tuy nhiên, có lẽ từ phút này, cô cũng nên tự cất bớt cho mình sự nặng nề. Cô kể lại cho cha nghe về buổi đi chợ, về các thứ hàng đã mua, về buổi đi xem chớp bóng. Cô Năm vui vẻ dọn dẹp bữa ăn.

Ông Phát hỏi :

– Con có nhớ mua hộp thuốc lá cho ba không ?

Kim Ngân đáp :

– Chết, con đã để trên bàn ngủ rồi lại quên không mang xuống. Lát con sẽ mang sang phòng cho ba.

Ông Phát bảo :

– Thôi được ba còn thuốc mà.

Cô Năm bưng đồ ra khỏi phòng, đi xuống bếp. Lúc cô mở cửa một cơn gió lùa làm cho chiếc khăn bàn bị cuốn hẫ lên một góc. Cũng một lúc mọi người cũng nghe thấy tiếng sóng sông reo.

Sau bữa cơm mọi người trở về phòng. Kim Ngân cầm gói thuốc lá cha dặn mua lúc nãy cô đã sắp ra mặt bàn, định lúc xuống ăn cơm thì cầm theo nhưng lại quên mất.

Ông Phát đang loay hoay với mấy cái ly nhỏ trên bàn, có lẽ ông muốn tự pha lấy cà phê để uống.

Kim Ngân nói :

– Con mang thuốc sang cho ba.

Ông Phát quay lại nhìn con bảo :

– Thuốc gì ? À thuốc lá của ba hả ?
Con để trên mặt bàn ngủ cho ba.

Kim Ngân nhẹ nhàng làm theo ý cha. Cô muốn dùng dằng nán lại một chút trong phòng ông. Cô ngửi quanh trong phòng cha cái mùi bạc hà và mùi khói thuốc hút pipe. Cái mùi vị vừa ngào ngạt, vừa se se, gợi ra cái không khí pha một chút bi thương của tuổi già, cái không khí chẳng còn nguyên vẹn là không khí, đã mang một chút mùi vị riêng của mỗi người già, mà của ông Phát chính là cái

mùi thuốc cháy trong ống điếu và mùi dầu bạc hà.

Kim Ngân hỏi :

– Ba định làm gì thế. Ba để con làm cho.

Ông Phát bảo :

– Ba định pha một tách cà phê.

– Có nước sôi chưa ạ ?

– Thì bây giờ ba mới sửa soạn bếp để đun mà

– Ba cứ ngồi xuống ghế đi, để đây cho con.

Kim Ngân đi lại phía chiếc bếp gaz nhỏ, lấy nước, châm bếp đun nước cho bố.

Trong lúc chờ nước sôi, Kim Ngân

mang mấy chiếc tách rửa trong bồn nước nhỏ trong phòng của ông Phát, đem lau khô để ngay ngắn trên bàn.

Ông Phát nói :

– Con có may áo mới không ?

Kim Ngân bảo :

– Con may rồi. Mai mốt chỉ việc xuống Sài-gòn lấy đem về thôi.

– Chị Ba con nó có mua gì không ?

– Con cũng không biết nữa. Nhưng sắm tết cho nhà thì có.

– Chị em vui vẻ chứ ?

– Có chuyện gì đâu ạ.

– Dầu sao con cũng chẳng nên làm khổ anh Ba con làm gì.

– Không. Con đâu có ý muốn làm khổ ai.

– Con không chịu trò chuyện với chị Ba chẳng hạn, cũng là một điều khổ tâm đối với anh ấy chứ.

– Con cũng đã cố tránh điều ấy.

– Ba chẳng muốn ép đứa nào làm một việc gì cả. Ba chỉ muốn các con có thể ăn ở với nhau một cách dễ chịu thôi,

– Nước sôi rồi. Ba uống cà phê đặc hay vừa vừa thôi.

– Con pha cho ba vừa vừa là được rồi.

Kim Ngân mở hộp lấy cà phê cho vào phin, vặn nhỏ ngọn bếp lửa để giữ nước nóng pha cà phê cho bố.

Câu chuyện cuối cùng lại trở lại với nỗi ám ảnh cũ. Dù có nhẹ đến đâu, cái việc cô Minh Tâm chấp nối với cậu Ba cũng là mối bận tâm của hết thảy mọi người trong nhà.

Anh Hai đã chết thật chẳng ? Nếu anh chưa chết ?

Có lẽ ông Phát cũng bị mặc cảm về chuyện của ông với cô Năm, nên Kim Ngân có cảm tưởng cha muốn tránh cái việc nhìn thẳng vào sự việc. Và ông chỉ có những ý kiến, cách nói, rất mơ hồ về việc đó. Nhớ lại tất cả những điều cha đã nói, cô đã nghe được, thật ra Kim Ngân cũng không thể biết ông bằng lòng hay không bằng lòng cái việc cô Minh Tâm lấy anh Ba hoặc ông nghĩ gì về việc đó.

Kim Ngân nói :

– Con cho đường vào cà phê cho ba nhé.

Ông Phát bảo :

– Ủ. Nhưng con cho ít thôi.

– Nửa muống được không ba ?

– Cỡ đó.

Kim Ngân bỏ đường vào cả phê, dùng thìa khuấy lên trước khi đưa cho bố. Cô có nghe tiếng chân cô Năm ngoài cửa phòng cha, nhưng cô không biết có phải cô Năm ngại sự có mặt của cô ở trong phòng không vào, hay còn bận lo dọn dẹp nhà cửa. Ông Phát hình như cũng nghe thấy cô Năm đi đến cửa phòng, (Kim Ngân còn chắc rằng đã nhiều lúc cha đã lắng nghe và chờ đợi cái tiếng chân đó nữa), nhưng nhìn lại ông, Kim Ngân vẫn thấy ông giữ nguyên được

vẻ trầm lặng bình thường. Dầu sao cũng chẳng vội gì. Nếu cô Năm muốn vào, lát nữa Kim Ngân trở lại phòng mình, cô sẽ vào.

Kim Ngân đưa mắt nhìn quanh căn phòng của cha. Mọi vật đều nhuốm một vẻ cũ kỹ, im lìm, quần áo trên móc, những chiếc màn cửa, mũ, gậy, chiếc áo choàng bằng vải bông ông Phát vẫn khoác ngoài mỗi buổi trời lạnh lạnh để xuống vườn, chai lọ, bàn tủ, hết thấy đều dường như rỉ xuống, mòn, bạc, tự nhiên Kim Ngân thấy thảm thiết.

Cô nói với cha :

– Sao ba không lấy một cái đèn lớn hơn thắp cho sáng.

Ông Phát bảo :

– Đèn này cũng đủ rồi mà. Ba có làm gì cần đến đèn lớn đâu.

– Thì ba đọc sách, đọc báo cũng đỡ mỏi mắt chứ.

– Tối bây giờ ba chẳng muốn làm gì cả.

– Tại đèn tối quá làm ba thành lười đấy.

Ông Phát cầm ly cà phê lên uống một hạm nhỏ. Kim Ngân không thấy ông kêu vừa ngọt hay không. Nhưng ông không nói gì có lẽ là cô pha vừa rồi.

Ông nói:

– Ờ, lúc nào con lấy chiếc đèn lớn con đem đổi cho ba thử xem.

Kim Ngân nói :

– Cứ kể nếu điện đủ mạnh thì cái đèn như của ba cũng đủ rồi. Nhưng điện yếu quá thành thử nhiều khi cứ đỏ quạch. Lắm lúc bực mình con thắp phất nến cho rồi.

– Thắp nến ?

Ông Phát nói và cảm thấy hình như có một dòng ntróc ấm vừa chảy xuống chỗ sống mũi làm cho cay sè.

Nến là thứ ánh sáng bà Phát ngày xưa rất thích thắp.

Kim Ngân đứng lặng yên tại chỗ cô đứng pha nước cho cha. Ông Phát uống xong hụm nước, đặt ly xuống bàn và lại ngồi thụt xuống chiếc ghế, theo thể ngồi cũ.

Tiếng chân cô Năm lệt xệt qua cửa phòng đã khuất hẳn về phía cầu thang

đi xuống nhà. Kim Ngân nhìn cha, nghe ngóng quanh căn phòng chỉ còn thấy tiếng đập của chiếc đồng hồ để trên bàn, và ngoài cửa sổ, những trận gió cuốn riết mỗi lúc thêm lạnh, cây lá xạc xào, những tiếng động quen thuộc cô đã nghe mỗi đêm, mỗi ngày, nhưng bất chợt vào lúc này, bỗng trở nên xa lạ, có lẽ, trước hết, vì cô đứng ở đây nghe thấy gần hơn, cây hoàng lan ở ngay ngoài cửa sổ phòng ông Phát, cũng có thể vì trời vào những ngày gần Tết lạnh hơn, và đã làm cho những cơn gió trở thành nặng. Không phải Kim Ngân chỉ nghe tiếng gió không, mà cùng một lúc, cô còn cảm thấy sức ép của cái hơi lạnh đó, áp vào người. Thêm vào đó, hình như chính cái vẻ già nua, cằn cỗi của ông Phát, nhìn thấy trong căn phòng mờ ám cũng tác động mạnh đến trí tưởng của cô nữa. Cô nhận thấy rõ có một sự buồn thảm không thể sửa chữa

được, chẳng hạn như tuổi già của ông Phát, cái bước chân lệt xệt của cô Năm vừa bước qua cửa phòng nhưng không dám vào, sự mất tích của anh Hai, cuộc chấp nối của cô Minh Tâm và cậu Ba, hết thấy những điều ấy, điều nào tự nó cũng toát ra một chút gì như sương độc, có thể làm cho đau ốm. Nhưng cùng với ánh đèn không được rõ lắm trong căn phòng, tất cả các cảm nghĩ, tưởng tượng này của cô cũng đều mù mờ, và tự nó, giống như những chuyện cũ, dường cũng phảng phất hơi ảm mốc, không còn gì đáng kể, ngoài một chút bị thương phủ lên như một chất men.

Kim Ngân nói với cha:

– Một con sẽ trở về Sài-gòn để lấy áo.
Ba có muốn mua gì thêm không ạ ?

Ông Phát bảo :

– Vậy hả ? Để ba cho con thêm một ít tiền, con muốn mua gì thì mua. À, chắc con phải mua thêm cho ba một chiếc chăn len nữa. Cái chăn của ba mấy bữa nay không đủ ấm.

Kim Ngân kêu lên:

– Sao ba không bảo con mua ngay mấy hôm trở lạnh.

Ông Phát nói:

– Ba cũng không lạnh lắm. Ba chỉ muốn có thêm một cái chặn để phòng sẵn thôi. Như đêm qua chẳng hạn, trời lại ấm áp trở lại.

– Nhưng hôm nay lạnh, làm sao ba ngủ.

– Ba ngủ được mà. Đâu có lạnh lắm.

Ông Phát nói và sau đó ông bảo Kim Ngân mở tủ lấy cho ông tập ngân phiếu, cái bút, ông viết và ký tên, xé đưa cho con.

Ông bảo :

– Con chịu khó đến ngân hàng lấy rồi đi mua chăn cho ba luôn thể.

Những tiếng xào xạc trong khu vườn, mỗi lúc nghe thêm rõ, tiếng những cành ổi khô gãy, gió reo trên ngọn dương và những tiếng rì rào trong cây trắc bá. Kim Ngân có thể chắc chắn đoán được, phân biệt được những tiếng động phát ra từ góc vườn nào và do cây gì gây nên, như cũng có những lúc tất cả những tiếng động đó hòa lẫn với nhau trong một cơn gió mạnh làm thành tiếng trở mình của cả khu vườn, Kim Ngân thấy thích thú, vì nàng tưởng như trong muôn ngàn tiếng

động dào aạt đó, có xen lẫn cả tiếng của mùa xuân trở về nữa.

Ông Phát nói :

– Con có thấy ở chợ hoa người ta bán hoa đào không ?

– Có, nhưng ít thôi ba. Mà hình như chỉ là hoa anh đào thôi.

– Chứ làm gì có đào kia.

– Ba có muốn con mua một cành không?

– Mua. Mốt con về nhớ mua cho ba một cành. Anh hai mấy ngày xưa nó thích lắm.

– Vậy hả ba ?

– Mấy năm trước ba đâu có trông thấy bây bán đào.

– Nó cũng không được sai hoa. Cành nào cũng chỉ loáng thoáng vài bông thôi.

– Không sao. Không sao.

– Ba không muốn về xem chợ hoa à ?

– Muốn thì cũng muốn đấy, nhưng ba ngại quá.

– Ba đi voi con. Mốt con lái xe đưa ba đi.

– Thôi ba chịu. Con đi với cô Năm hay chị Ba đi. Mua vho ba một cành đào là được rồi.

– Có lẽ sang năm mình phải sửa sang lại khu vườn nhà mình.

– Chi vậy ?

– Để trồng hoa. Chú để như thế này mãi trông tiêu điều quá.

– Sợ mày làm nó lại chết thêm cây ấy chứ.

– Chợ hoa đẹp lắm, ba. Đất nhà mình thừa để làm một vườn hoa đẹp.

– Lấy ai trông nom.

– Con.

– Bộ con tưởng chuyện đùa hả ? Còn phải tưới bón, dọn cỏ này khác, thì giờ đâu.

– Để vườn tược khô héo trông buồn quá.

– Nếu con muốn thì để qua tết ba sẽ tính lại.

– Mình sẽ đi thăm mộ mẹ sớm mừng một nghe ba.

– Đi. Con nhớ lo hương hoa cho má.

– Con còn muốn làm lấy một ít mút nữa.

– Con muốn làm gì thì làm.

– Mình sẽ gói bánh sáng ba mươi, trưa luộc, giao thừa với ra cúng luôn.

– Định gói bánh làm thế là phải.

Câu chuyện qua đi một lát, cả hai người, đều nhận ra họ đã cố tình bỏ qua một điều, họ đã tảng lờ làm như vừa nghe một câu nói thông thường khác, nhưng thật ra không phải thế, câu chuyện của họ đã mắc lại ở đấy, và tự trong thâm tâm mỗi người sự xúc động đang dần dần làm cho chẳng thể không đã động đến chuyện ấy một lần nữa. Đó là việc Kim Ngân vừa nhắc tới vụ đi thăm mộ mẹ. Nhắc đến điều đó chẳng khác chi nhắc đến sự quên lãng lạnh lùng, dù vô tình

hay cố ý của cả hai cha con đối với người đã khuất. Chẳng phải Kim Ngân đã quên rằng mẹ đã chết và sự nhớ thương đã hết trong lòng cô. Nhưng nỗi nhớ thương quá lâu đã tan lẫn vào ngày tháng, ngày tháng nhợt nhạt trôi qua làm phai mờ hết các dấu vết, vùi lấp hết những gì người ta tưởng rằng có lẽ chẳng bao giờ có thể quên được, bây giờ nghe nhắc đến việc đi lễ tảo mộ, gần như cả hai cha con đều bàng hoàng nhận ra hình như họ chỉ vừa nhớ ra một điều họ đã quên vạy.

Kim Ngân nói:

- Tết năm nay coi bộ lạnh hả ba.
- Lạnh thế này không chừng Hà Nội có tuyết.
- Có sao được.

– Con đọc báo thấy nói ngoài đó lạnh lắm.

– Lạnh thì lạnh chứ làm sao có tuyết được.

– Ngày mai con muốn tới thăm mộ mẹ trước.

– Con muốn đi thì đi.

– Phải coi xem có cỏ không.

– Mình đã xây rồi làm sao cỏ còn mọc được.

– Bao giờ trở về Bắc mình sẽ bốc mộ mẹ về.

Ông Phát không nói gì sau câu nói của con. Về Bắc ? Bao giờ, cái ngày đó? Ông kéo dài một hơi thuốc từ từ thở ra đằng mũi. Ông lắng nghe tiếng gió thổi dưới vườn. Ông muốn nói đùa với con

một câu “không chừng con phải bốc luôn cả mộ ba về nữa” nhưng thấy câu nói có vẻ thảm quá nên ông lại thôi.

Kim Ngân nói :

– Thế mình không giỗ anh Hai hả ba?

Ông Phát giật mình khi nghe con nói vậy. Giỗ anh Hai? Hẳn cũng đã chết rồi chẳng ?

Ông lúng túng một giây rồi mới nói với con:

– Giỗ, nhưng biết nó còn sống hay chết mà giỗ ?

Kim Ngân ngó cha. Cô nhận ra, hình như từ nãy đến giờ, điều gì cô nói với cha cũng đều nhuốm một vẻ buồn bã cả. Người đi xa, người đã mất, người còn lại,

tất cả vừa chỉ còn liên hệ vừa đứt rời khỏi nhau bằng chính sự buồn bã đó.

Kim Ngân nói với cha :

– Bữa nay ba cho con ngồi chơi với ba lâu lâu một chút nghe ba.

Ông Phát bảo :

– Con muốn ngồi bao lâu thì ngồi mà.

Nói xong ông tự nghe ngóng cái dư âm cái tiếng nói của mình khàn đặc trong cổ họng. Quanh mình ông bây giờ dường như lúc nào cũng treo đầy những chiếc chuông nhỏ của sự lãng quên, và thỉnh thoảng những sự va chạm vu vơ đã làm giật mình, giống như một con bò già đeo chuỗi tràng đặc trên cổ, chiều chiều lặn theo một lối mòn trở về chuồng tự nghe tiếng khua động, nhiều khi ông Phát bắt

gặp ông gục gặc cái đầu, tưởng như ông bị kéo trĩu xuống bởi những âm thanh rơi vãi lòng bùng trong tai.

Kim Ngân là một trong những chiếc chuông kỳ quặc đó. Nghe con nói ông mới lại chợt nhớ ra là con gái chẳng hề có bạn bè, và từ ngày mẹ chết, nó chẳng có ai để trò chuyện. Ông quên mất con ông còn bé, dĩ nhiên bây giờ Kim Ngân đã lớn, nhưng trong bao nhiêu năm qua, con ông đã sống ra sao ? Phải xin được ngồi lại với ông một lúc như thế tất nhiên nó cũng đã có biết bao ngày sống trong nỗi lẻ loi cô quạnh, bao nhiêu lần nó định nói với ông cái câu nói đó nhưng đã không nói, và trong những ngày âm thầm lớn lên đó nó đã nghĩ gì, nói gì với ai, nói gì một mình, và chính ông, ông đã bao lần nghĩ đến con, ông đã nghĩ gì về nó, và ông đã nói với con điều gì để an ủi,

hay ít hơn chỉ để trò chuyện, bao nhiêu năm, bao nhiêu năm mà ông chẳng hề nhớ ra một điều gì cả, có thể như vậy chẳng ? Ông muốn kiếm ra một câu gì đó để nói cho con hiểu rằng ông rất ân hận, nhưng câu nói nào sẽ có được cái ý nghĩa như thế ?

Kim Ngân ngồi xuống chiếc ghế nhỏ đối diện với cha, nàng đùa nghịch với chiếc pin cà phê đã được nhắc ra để chồng trên một chiếc ly khác để ông Phát uống ly nước đã pha.

Trông con, người đàn ông già tưởng như nhìn thấy lại người đàn bà đã chết, nàng dường đang sống lại, ông đang nhìn nàng trong một cuộc đời khác, hay ông đang từ một cuộc đời khác nhìn lại quá khứ của mình, cái quá khứ vui tươi, mơn mớn, ông muốn kiếm điểm lại hạnh phúc của mình, ôi, ông nghĩ thầm, giá ta có thể

trẻ lại được, có lẽ ta sẽ chẳng bỏ phí một giây cái cuộc đời giới hạn đó, cuộc đời, dường chỉ vừa ngoảnh đi, ngoảnh lại, ông đã thấy mình đứng trước cái mảnh đất khô cằn sau cùng, ông muốn được trẻ lại một ngày, một khắc, trẻ lại chỉ để thở một hơi, cái hơi thở trẻ trung, mắng sữa của cuộc đời, của cái phần đời của mình, để nhìn ngắm cái cánh tay trắng đầy của nàng, trong cái góc riêng của hai người, dĩ nhiên đó cũng là điều ông đã sống, nhưng cái lúc ông sống đó, ông không thể ngờ người ta chỉ có thể được sống một lần cái phút đó, giá ông có thể hiểu được cái giây phút đó như lúc ông trông lại bằng đôi mắt mờ ảo đầy tưởng tượng này.

Đối với ông Phát. Hiện thời, đời sống của ông chẳng khác một cuộc di chuyển chậm chạp tới cõi chết, chậm chạp như

những bước chân của một con bò già yếu không thể đi mau, chứ chẳng phải thời gian đã giảm bớt tốc độ, một con bò với những chiếc chuông của định mệnh buồn thảm treo trên cổ, và mỗi bước đi là một lần ngân nga lên tiếng giục giã, nhắc nhở, ông nghiệm ra rằng, ông chờ đợi cái chết như chờ đợi một người thân thuộc, có hẹn trước, ông đi về cái phía mệnh mông cô quạnh đó, như trở lại một chốn quen thuộc, mặc dầu mọi vật đối với ông đều xa lạ. Chính cái chuyển đi chẳng thể ngừng lại, cái sức thu hút kỳ bí từ cái vùng trời thăm thẳm đang lôi kéo ông tới đó, đã làm ông nhiều lúc chẳng còn nhớ gì đến đứa con bé nhỏ của ông nữa...

Nguyễn Đình Toàn

đã phát hành số 5

tháng Mười — 1971

CHÍNH VĂN

tờ báo của những suy tư và xúc động trẻ

NGUYỄN MẠNH CÔN chủ trương

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

nhưng ta không thấy gì hết

*Ngón tay tôi cầm lấy
sự thật mà tôi biết,*

AGUSTI BARTRA

Không thấy gì hết, buổi sáng
rồi qua, buổi trưa rồi tối, buổi
chiều rồi đến. Và đêm xuống như mọi
đêm.

Hôm kia mưa một trận mưa lớn, bữa
nay nắng đã ngập đầy trời. Con đường
bụi đỏ ta đã đi, nước đã thấm ướt tận
gót giày, trên những lá úa sũng nhàu tuổi
nhỏ ta đã nhẩn như những mùa nước lũ.

Nhưng ta không thấy gì hết

Mặt biển đỏ lên cao thịnh nộ, trắng những ngọn sóng thần, đục những màu nước táp, nơi ta đã trầm mình, thơ thới những ngày hè kỳ thú.

Gác chân lên rào gỗ, gọi một chai bia lạnh, hớp một ngụm đầy, nhắm mắt dưới mặt kính đen to bản hình như ta nghe được tiếng chân quá khứ đang gõ nhịp nhàn trên đường dây trí nhớ.

Ta biết mẹ đã già, tiếng súng hằng đêm làm rung động những sợi thần kinh khô mồi, da đã nhăn màu củi mục, xếp nếp như chiếc áo chưa kịp là, một chút đời sống còn treo lủng lơ trên bờ vực thẳm.

Ta yêu con mắt đục nâu, chiếc miệng móm, bã trầu đỏ quánh, những sợi tóc bạc, lưng còng.

Ta yêu những ngày sau cùng của một đời người, người đã cho ta sự sống, đã hững hờ yêu ta, lạnh lùng yếu ta như yêu đôi guốc mộc kéo lê dưới chân mình, người đàn bà đã nuôi nấng ta như trồng một cái cây mà không hề bón phân tưới nước.

Mẹ bây giờ là quang cảnh của một thành phố sau trận hỏa hoạn, rui kèo đã nám, ngồn ngang gạch ngói và tro than. Và ta, thân cây lớn đã bị chẻ làm mái dầm bơi trên những dòng sông nhỏ.

*

Thối mạnh chút nghe cơn gió biển buổi chiều, cho bay đi những dùm cát buồn thiu của thời mới lớn ta.

Có phải nơi đây, phía dưới sâu của

chiếc ghế ta đang ngồi, mười lăm năm trước ta đã lăn vùi trong cát, lủi sâu giữa những bụi dương như những con dã tràng nhủi tắm trong hố nước ?

Có phải ngay trên chiếc ghế tựa này, không lâu lắm ta đã duỗi dài chân tay, duỗi dài trí tưởng, đốt điếu thuốc thứ nhất trong ngày, khóc no nê giọt nước mắt lần đầu sau giờ lâm chung của cha già ?

Có phải quanh quần đùi đây, bên cây dừa mới lớn ta tưởng ngó thấy mỗi tình đau đớn của ta đã chảy phụt như ngọn pháo bông và tắt ngúm như một ánh sao sa ?



Thổi mạnh thêm chút nữa đi hồi trận
gió buổi chiều quạnh hiu, chỉ có mình ta
bơ vơ trôi trong cơn hồng thủy.

Ôi những rác rến nào của thời thơ
ấu đã cùng ta tấp dạt vào bờ quên lãng !

Những hạt cát sống lâu nghìn năm
trước ta và sẽ sống lâu nghìn năm sau
ta có nhìn thấy ta đọng đưa từ những
nỗi thống khổ sang những niềm bi thảm
trên sợi chỉ mảnh ?

Những con sóng nào đã ào ạt vỗ đời
đời vào ghềnh đá, đã tan xác thành bọt
trắng xóa, có nghe thấy ta nói bằng giọng
điệu của một kẻ điên rồ ?

Những hào hển bén rêu xanh ở núi
đá ngoài khơi xa kia đã từng cắt xước
đến rướm máu đôi bàn chân ta, vẫn luôn

luôn há mồm táp những triều nước mặn,
có còn chờ đợi ta với dao nhọn, với muối
tiêu và chanh chua, và nổi đắng cay của
một đời buồn bã ?

Ta đã trở về sao thành phố ngày
xưa ?

Bật một que diêm, khum tay che một
đốm lửa, đốt một điệu thuốc, hâm nóng
một kỷ niệm.

Không, ta không thấy gì hết.

Que diêm tắt, đốm lửa lụi tàn, điệu
thuốc lạnh tanh, kỷ niệm đã chết như
rừng dương tuổi nhỏ ta đã bị san bằng
để trở thành những phi đạo.

✱

Thối mạnh hơn nữa đi hồi đám cuồng phong còn ngái ngủ, hãy đẩy những con sóng lớn phủ áp chỗ ta ngồi, cuốn phẳng hết những quán hàng nhà cửa cây cối, trả lại cho ta quang cảnh ngày trước, chỉ có cát vàng, những con đóm xanh sai chút ánh sáng lẻ loi dọc theo mé nước đêm, và ta một mình, hai tay trong túi rộng, đếm từng bước đi.

Ta có một gia đình sao? Mái nhà nào đã cho ta nơi trú ngụ ?

Ôi những tổ ấm tù ngục đã chung thân đời ta !

Hãy lớn như trận bão Hester bóc tung những thành phố và ném trả lại sau nó sự điêu tàn và chết chóc.

✱

Ta tưởng ngón tay ta cầm lấy được
sự thật mà ta biết, nhưng ta không thấy
gì hết.

Chỉ là chút gió nhẹ nhàng thổi rì rào
qua những nhánh lá dương.

Chỉ là tiếng ì ầm muôn năm của sóng
bể tấp vào bờ cát.

Chỉ là hơi nước mặn ướt rịn trên môi
khô ta.

Chỉ là ta.

✱

Không thấy gì hết. Buổi sáng rồi qua,
buổi trưa rồi tới, buổi chiều rồi đến. Đêm
sẽ xuống như mọi đêm. Và sáng mai một
mặt trời sẽ đỏ rực ở sau núi đá kia.

Nguyễn Xuân Hoàng

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

Tổ chim

Dậy đi ! Dậy đi công tử.

Thân lè nhè mở mắt ra cay xé vì đêm qua chàng thức khuya để hành lạc. Ánh sáng từ miếng kiếng gắn trên nóc nhà rơi trắng xóa trên nóc mùng màu cháo lòng. Mùi hôi của cống rãnh từ bên ngoài thỉnh thoảng lại phất vào.

Khánh nằm lấy lưng quần chàng giựt giựt:

– Dậy mau ! Bộ muốn nằm nướng hả ?

Thân giữ lấy lưng quần rồi hất tay
Khánh ra :

– Ê ! Đừng có chộn rộn. Thằng này
đã oải gân oải cốt rồi. Bộ muốn...

Khánh cười hăng hắc :

– Anh này lãng nhách. Ai còn hơi
sức đâu mà ham muốn.

Thân sùng sộ :

– Vậy chớ kêu dậy để làm gì ?

Khánh hứ một tiếng rồi cắn nhả :

– Hồi tối anh dặn em đánh thức anh
dậy để anh đi xe lửa về Mỹ Tho. Bộ anh
quên rồi sao ?

Thân ậm ừ, ậm ừ một lúc rồi lim dim
ngủ lại. Khánh đập tay xuống giường
một cái rầm. Thân đành ngồi dậy, mím

cười, ngáp ồm ồm:

– Em đỡ anh ngồi dậy đi.

Khánh cười hăng hắc cố sức bỏ sau ót Thân, dựng chàng đứng dậy. Thân vươn vai, mặt mũi sần sượng. Chàng ngược nhìn Khánh ngồi lại bên mép giường. Gương mặt Khánh thật mũm mĩm, bầu bĩnh.

Khánh làm thợ may trả hình ở đầu xóm, cách căn nhà chàng ăn cơm tháng ở trọ chừng năm trăm thước. Nàng đối với chàng đặc biệt hơn những khách tìm hoa khác. Đôi khi Khánh tự ý tự nguyện đến căn nhà này để làm cho chàng một món ngon rồi ở lại với chàng suốt đêm — Có một điều là Khánh không thể ngờ là ở nàng, Thân tìm được hình ảnh của người con gái vào thời kỳ chàng mới tập sự yêu đương. Đôi mắt dài màu hạt dẻ,

thỉnh thoảng ánh lên những thoáng tinh quái của Khánh sao mà giống mắt của Lê như vậy? Thuở đó, Thân mới mười bảy tuổi. Mỗi tình đầu của chàng thật say đắm, vậy mà quay nhìn lại con đường đã đi qua, chàng thấy sao mình đã ngớ ngẩn một cách thú vị và nổi đau khổ đầu đời chỉ còn nhẹ nhàng như những đợt sương mềm mỗi sáng trên sông.

Khánh đã chải tóc và cuốn thành hình chữ S trước trán. Nàng búi tóc thả lăn trên vai, rồi xếp quần áo của Thân vào chiếc va-li vàng. Nàng khoác lên mình chiếc áo dài màu ngọc thạch. Cũng như mọi buổi sáng khác, Khánh trang điểm thật sơ sài: Một chút phấn hồng thật lợt trên má và một chút son màu hồng lựu về phát lên cặp môi hình trái tim.

Khánh hỏi :

– Mau đi anh. Không thôi trễ chuyển xe lửa bảy giờ rưỡi.

Thân tỉnh khô :

– Trễ thì đi xe đò. Lo gì em.

Thân xỏ chân vào giày, liếc vào tấm kiếng cản trước tủ áo rồi giả bộ hỏi :

– Em trang điểm coi mê ly quá xá. Em tính đưa anh ra ga hay sửa soạn hẹn hò với thằng mắc dịch nào đó ?

Khánh háy Thân một cái có đuôi :

– Hẹn với Hà Bá. Anh nói vậy mà nghe được hả ?

Thân tủm tỉm cười. Khánh đến ngồi bên cạnh Thân hạ thấp giọng :

– Chùng nào anh trở lên?

– Anh cũng chưa biết nữa.

Khánh có vẻ buồn rầu :

– Chắc anh về luôn ở dưới quê.

Thân cười :

– Mới có tháng giêng mà em nói chi những lời thống thiết như ca bản Nam Ai vậy ?

Khánh nguyệt :

– Cha chả ! Sao em nghi tía anh gọi anh về cưới vợ quá, anh à.

Thân giễu cợt :

– Em coi tuồng mặt anh làm chồng được chưa ?

Khánh cười :

– Anh cứ mê sa đào dĩ hoài. Chắc khó mà làm ông chồng tốt được.

Giọng Khánh đột nhiên trở nên nhộn hoắc :

– Bộ mã anh đẹp trai như vậy, chém chết cũng làm cho mấy cô tiểu thư miệt vườn như con gái ông Hương Cả, con gái ông Hương Chủ hoặc con gái thầy Cai Tổng mê mẩn rụng rời.

Thân giục :

– Đi ăn sáng với anh ghen. Lòng vòng hoài càng thêm mất thời giờ.

Cả hai bước ra khỏi căn gác, khóa cửa lại, rồi xuống cầu thang gỗ ọp ẹp. Ra tới đầu ngõ, Thân kêu chiếc xe kéo chạy ra chợ Bến Thành.

Khánh nói :

– Em không quen ăn sáng sớm.

Thân năn nỉ :

– Thì ăn với anh cho vui. Biết đâu kiếp sau mình mới có dịp ăn chung lại.

Cả hai đi vào tiệm nước khá rộng, huyền náo bởi tiếng xi xô xì xào của người hầu sáng khách trú. Thân kêu hai tô hủ tiếu và hai ly cà phê sữa. Trong lúc Khánh cúi xuống tô hủ tiếu ăn một cách cần mẫn, Thân lấy bức thư của cha chàng mà chàng vừa nhận được hôm qua. Bức thư nhàu nát vì chàng xếp vô moi ra nhiều lượt để xem đi xem lại, cố tìm cho ra cái sự ẩn giấu trong đó.

Mỹ Tho le 12 février 19...

Thân của Cậu Má,

Cậu có nghe ở Saigon, con không lo sớm khuya đèn sách, mà cứ theo lũ bạn hư thân mất nết để chạy theo việc mèò đàn ông chó điếm.

Con ôi, Cậu Má già rồi, không biết sống nay chết mai gì đây? Càng nghĩ đi nghĩ lại mà Cậu Má thêm buồn. Anh Hai của con vô phước theo ông theo bà để lại hai đứa cháu một gái một trai còn nhỏ dại. Cậu Má chỉ biết trông cậy vào con. Con làm sao mà tông môn dòng họ mình thêm rạng rỡ thì con làm, chớ đừng để thiên hạ bôi tro trét trấu vào mặt ông bà, ông vãi mình thì Cậu Má làm sao mà sống nổi? Con vốn thuộc dòng sĩ hoạn nho gia tiếng tăm lừng lẫy khắp xứ Quảng Nam là xứ có cuộc đất theo thể Ngũ Phụng Tề Phi. Ông nội con suốt đời lận đận lao đao với vận mạng nước nhà. Cậu thì một đời không noi theo chí lớn của ông con nên chịu hồ thẹn cúi đầu. Còn con, vì giấc mộng không thành của cậu, con phải ngửa mặt lên để khỏi hồ thẹn với hai vàng nhật nguyệt trên đầu. Trọn một đời, con mài miệt ở xóm yên hoa thì ôi thôi, còn gì là mộng

lớn, còn gì là sự nghiệp mai sau hả con ? Nuôi con cho khôn lớn, để rồi nhìn thấy con thân bại danh liệt như vậy, thử hỏi làm sao Cậu Má không khỏi đau lòng ?

Cậu xin báo tin cho con hay : Cậu đã bị chứng bệnh đái đường từ lâu. Kỳ đi nằm nhà thương Đôn Đất, Cậu tưởng đâu bị cưa chân vì biến chứng của nó. Bây giờ Cậu thấy trong mình đã cạn với sự sống rồi. Nhà ta nhờ tài xem mạch, hốt thuốc của Cậu mà tạo ruộng lập vườn, gia sản mới khá dồi dào. Cậu muốn trước khi cậu nhắm mắt theo ông theo bà, cần gặp con để bàn chuyện phân chia gia tài và vài điều quan trọng khó thể tỏ bày ngọn nguồn trên giấy trắng mực đen được.

Được lá thư này, con mau mau khăn gói về nhà ngay. Lời vắn ý dài, mong con lưu tâm, đừng chê cha già lắm cẩm.

Thư bất tận ngôn.

Tiếng kèn xe inh ỏi từ bến xe vọng lại, báo hiệu giờ xe sắp chuyển bánh. Thân đứng dậy. Khánh ứa nước mắt rồi xách chiếc va-li, Thân giành lấy, dịu dàng :

– Em để đó cho anh.

Thân bước ra tiệm nước trong ánh nắng mai vàng rõ. Khánh leo đèo theo sau. Chàng mua giấy xe, trao chiếc va-li cho gã “lơ xe” rồi lần dò tìm số ghế.

– Thôi em về ghen.

Khánh lắc đầu, mỉm cười gượng gạo :

– Chùng nào xe chạy, em mới về.

Thân chưa vội bước vào hàng ghế của mình. Chàng đứng tựa lưng vào cánh cửa xe, nài nỉ :

– Em về đi, anh sợ cảnh chia tay lắm.

Thân rút một điều thuốc gắn lên môi, Khánh ngược lên nhìn Thân rồi mỉm cười, mí mắt đỏ lên. Thân ném mẫu thuốc lá còn cháy dở :

– Tiếc quá, nếu không trì hoãn vì giấc ngủ nướng, anh đã đi bằng xe lửa.

Khánh không để ý đến câu nói đó. Nàng nhìn Thân buồn rầu. Trọn bốn tháng nay, cả hai đan díu với nhau. Thân có quyền đeo đuổi các người đàn bà khác thì Khánh cũng có quyền rước khách để kiếm sống. Nhưng mỗi tuần, họ lại dành một đêm để gặp nhau, trên căn gác ọp ẹp của Thân. Khánh có thể nấu một món ăn khuya ngon miệng và thường cả hai đưa nhau đi ăn trong Chợ Lớn. Trong đêm gần gũi nhau, họ thật sự tìm được cái không khí gần bó của cặp tình nhân

trong thời kỳ náo nức thơ mộng. Thân băng khuâng :

– Sống lâu ở Sài-gòn, anh cảm thấy tầm mắt mình thêm một chân trời. Bởi vậy anh thích ngồi trong toa xe lửa để nhìn những cánh đồng ở hai bên đường ẩn hiện trong sương mù.

Nước mắt Khánh ứa ròng rọc trong lúc nụ cười mở rộng trên cặp môi màu bông lựu của nàng. Thân bối rối không biết an ủi nàng thế nào, chỉ tiếp tục câu chuyện cho đỡ bối rối :

– À, còn những mái ngói âm dương ẩn hiện trong những đọt vườn ở xa xa nữa, trông thật thơ mộng...

Tiếng máy xe chột nổ tành tạch lẫn áp cả giọng nói của Thân. Chàng bước lên. Ánh nắng màu vàng điệp thấp rục

rõ trên những cột dây thép và những mái lầu cao có bao lớn hình chữ triệu. Khánh vẫy tay :

– Nhớ viết thư cho em nhen.

Thân gật đầu. Chiếc xe chuyển bánh tiến dần ra ngoại ô. Gió làm tóc Thân giật ngược ra phía sau.

Thân chợt nghĩ đến những ngày gần gũi với Khánh lúc chàng chưa dọn về gần Khánh. Chiếc gác của nàng cũng ọp ẹp, lắt lư như chiếc cầu khỉ. Ở đó, mỗi đêm chàng thường thao thức với bày rệp dơi chui rúc ở kẽ giường, sàn ván. Và cứ tờ mờ sáng, tiếng vó ngựa kéo xe thổ mộ gõ lọc cọc ngoài đường cùng tiếng rao bánh bò giò chéo quảy của người Chệt mập và lùn. Nhưng ở đó, dù sao Khánh cũng tạo cho chàng những giây phút lạc thú thoải mái. Nhiều lúc thấy Khánh ngoan ngoãn,

tế nhị, Thân chợt có ý định cưới Khánh về làm vợ, nhưng ý nghĩ đó chợt tắt khi có một khách tìm hoa thập thò dưới cầu thang. Đôi lúc Thân cảm thấy mình thật mâu thuẫn. Tại sao chàng không thể lấy Khánh làm vợ vì câu nói của ông bà mình hả không phải là câu nói phát phơ vô trách nhiệm hay sao ? Lấy dĩ làm vợ chớ không ai lấy vợ về làm dĩ. Khánh đối với chàng lúc nào cũng ôn nhu, chịu đựng. Biết đâu trong cuộc sống chung với nàng chàng sẽ gặp được thiên đường hạnh phúc ? Nhưng sau những cuộc truy hoan với Khánh và nhất là lúc bước ra khỏi nhà Khánh với thân xác mệt mỏi, Thân tự căn dặn mình : Đừng nên tin tưởng một cô gái điếm có thật bụng hoàn lương vì ngựa nào chẳng là ngựa không quen đường cũ ? Vả lại, chàng vui đâu chuốc đó, chưa có ý niệm trách nhiệm về gia đình. Và chắc chắn một điều là

cái gia thế của chàng sẽ không cho phép chàng sống theo ý muốn. Mỗi khi Thân hình dung đến khuôn mặt nghiêm khắc của ông Cả Thanh, cha của chàng thì cái ý nghĩ lấy Khánh về làm vợ tan mau như cái bánh men bỏ vô miệng.

Ông Cả Thanh là nhơn vật tầm tiếng vùng Đạo Ngạn, ở Mỹ Tho. Ông sinh trưởng tại quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Cha ông thì đỗ đạt được bổ ra làm quan Đại thần ở triều đình Huế. Đó là một người mang bầu nhiệt huyết với các nhà cách mạng khởi nghĩa chống Pháp. Ông Cả Thanh giống cha ở tiết tháo và tinh thần cách mạng, và khác cha ở chỗ thích đời sống phóng đãng. Là một nhà nho với tài viết chữ chân phương và tài viết chữ thảo sắc mềm, nên đi tới đâu, ông cũng lưu bút tích của mình trên nền bách điệp xuyên hoa màu hồng điều của

các bức liễn Tết. Ngoài ra, ông còn có biệt tài vắn pháo Tết. Những loại pháo nôi, pháo đại, pháo chuột của ông đều đẹp về hình thức lẫn âm thanh làm cho người nghe phải so sánh đến các loại pháo lừng danh bên Tàu như : Cửu Long Nhập Vân, Phi Thiên Thập Hưởng, Bình Địa Nhất Thanh Lôi...

Ông Thanh vì bất mãn thời thế nên đem người vợ thuộc hàng vương giả vào miền Nam, rồi đổi chiếc ghe bầu thành chiếc ghe chủ lệnh đèn trên khắp nẻo sông hồ, đem chút tài vật ra để ngao du sơn thủy, tạm quên chuyện nước mất nhà tan. Trong thời gian này, ông nghiên cứu các sách mạch lý y dược mà ông đã mang theo hàng chục quyển trên chiếc ghe bầu.

Khi cảm thấy nghề viết liễn lẫn nghề làm pháo đại không đủ sinh nhai nên

năm đó, sau Tết Nguyên Đán, ông mua các loại thuốc cao, đơn, hườn, tán để bán dọc theo sông, kèm theo các môn thuốc gia truyền. Đó là thuốc hườn đen, chuyên trị bệnh no hơi, sinh bụng.

Một hôm, tới làng Đạo Ngạn vào một buổi chiều, ông Thanh cho ghe neo lại dưới nhà thủy tạ của một ngôi nhà cổ. Trong lúc bà vợ lo cơm nước, ông bước lên tính mua hoa quả, bánh trái cúng rằm và mực tàu để chép kinh. Bỗng ông nghe tiếng chộn rộn ở trước sân ngôi nhà cổ nên lân la đến hỏi tự sự. Thì ra cô con gái út của ông Bá hộ Bình, chủ nhân ngôi nhà bị chứng bệnh đau bụng âm ỉ, rồi nóng mê man, sức dần dần kiệt, tánh mạng như ngọn đèn cạn dầu. Ông Thanh bèn xin phép ông bà Bá hộ xem mạch cho cô tiểu thư miệt vườn này. Ông bà Bá hộ Bình hứa nếu ông trị lành

bệnh cho cô ái nữ, sẽ cấp cho ông mười lượng vàng ròng.

Sau khi xem mạch cho cô Út, ông Thanh bước xuống ghe lấy thuốc hườn đen. Trước hết ông cho cô Út uống hai viên với nước trà ngâm quế thanh. Chừng khoảng canh hai, bụng cô Út sôi tựa sấm làm cô lăn lộn kêu gào. Ông Bà hộ quýnh lên, còn bà Bá hộ toan bắt thường nhơn mạng. Ông Thanh điềm nhiên nói :

– Bẩm gia chủ, bệnh tình cô em chẳng lấy gì làm trượng. Chẳng qua cô em dùng quá nhiều sâm, lộc nhung, cao khỉ... gặp lúc có điều bức tức nên nộ khí, uất khí dâng lên, các chất bổ không được tiêu hóa, càng ngày càng tích trữ trong ruột mà sanh bệnh.

Quả nhiên, cô Út được xổ tất cả các chất tích trữ lâu ngày... Đến canh năm,

cô ngủ được, và khi tỉnh dậy, cô than đói bụng, đòi ăn cháo. Ông Bá hộ giữ lời hứa, quyết trọng thưởng ông Thanh, nhưng ông Thanh từ chối chỉ xin được mượn một chỗ đất cất nhà và mở tiệm thuốc. Từ đó, công việc làm ăn càng ngày càng phát đạt nhờ ông hốt thuốc mát tay. Ông tạo nhà lập vườn. Nhiều con bệnh ở các đầu ngọn sông, hoặc ở các vùng lân cận đều tới nhà ông ở trị bệnh hằng tháng. Nơi đây, họ được nằm trên những bộ ván gỗ, trải chiếu bông và được ăn những bữa cơm ngon lành do bàn tay khéo léo của bà Thanh.

Bến nước dưới nhà ông Thanh không ngớt ghe xuống. Ông cất nhà ngói, nền đúc cao tới ngực và sưu tầm nhiều món cổ ngoạn quý giá từ Quảng Đông, Phúc Kiến đem về. Ông còn lập thêm vườn cảnh nho nhỏ trồng nhiều thứ cây kiểng

được uốn tĩa công phu. Cuối vườn là cái ao thả đầy sen Tây Vức, sen Phù Cừ và giữa ao là nhà thủy tạ hình lục giác.

Nhưng đừng tưởng giữa cuộc giàu sang ngỗ nguê đó, ông Thanh chôn vùi giấc mộng tham gia đại cuộc. Ông lén lút liên lạc với nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục cùng các nhà Cách mạng khác, giúp đỡ họ mua khí giới, lương thực...

Ngoài ra, để kiếm thêm huê lợi, bà Thanh cất thêm một gian nhà ba căn hai chái dự trữ trên năm chục lu mắm đồng để bán sỉ hoặc bán lẻ cho các bạn hàng ở các chợ Trung Lương, Tân Hiệp, Bến Chùa, Rạch Miễu...

✱

Vượt qua cái miếu nhỏ sơn trắng, chàng ra khỏi bóng râm mát của khu vườn dâu. Nhà tù đường của chàng kia kìa. Mái ngói đỏ uốn cong và cái cổng sơn son nổi bật lên nền lá xanh mượt. Nơi đây, Thân đã quen thuộc những hiên gác, những hành lang và lối nhỏ trong những cây đại, cây mai, cây ngọc lan, cây nguyệt quế đưa đến khu vườn cảnh.

Thúy, cô em út của chàng đang rút những dây tơ hồng bò chằng chịt trên hàng rào cây trà, reo lên :

– Em biết mà. Thế nào hôm nay anh cũng về.

Thân hỏi :

– Cậu, má đâu rồi ?

Thúy cười, hai lúm đồng tiền nổi rõ :

– Cậu mắc tiếp bác Mộng Đình ở nhà trên. Còn má thì chép kinh.

Hai anh em bước vào sân. Tấm áo ngà của Thủy như sáng hắt lên giữa những cụm hoa sao nháy màu vàng đậm. Thủy nói nhỏ :

– Anh đừng làm rộn cậu nhen. Má ở nhà sau kia kìa...

Thân đưa va-li cho em rồi đi thẳng vào nhà sau. Bà Thanh mặc áo lụa Hà Đông trắng, thật quý phái, giữ mãi phong độ của một bà Quận chúa Huế. Bà đang cầm cùi đưa đẩy ngòi bút lông trên những trang giấy ngà. Bên cạnh bà là chiếc lư hương nhỏ bằng sành, cắm thẻ nhang thơm tuôn khói nghi ngút.

Thân lên tiếng :

– Má chép kinh gì vậy ?

Bà Thanh ngược lên :

– Kinh Pháp Môn và kinh Kim Cương.

Rồi bà giục :

– Thôi, lo thay đồ mát rồi ăn cơm đi con.

Tiếng nói của bà Thanh còn trợ trợ giọng Huế, tuy bà muốn đồng hóa đến mức tối đa cách nói chuyện của người miền Nam. Mái tóc bà có nhiều sợi bạc, tuy nhiên da mặt bà hãy còn hồng hào, trắng trẻo và cái nhìn của bà hãy còn rạng rỡ.

Thân về buồn. Chàng ngạc nhiên vì mọi vật từ lúc chàng vắng nhà vẫn không hề thay đổi, vẫn sạch sẽ, gọn mắt. Trong căn buồng này từ lúc lớn khôn, chàng đã thả biết bao giấc mộng đẹp để xa xôi.

Từ khung cửa sổ hình tròn, chàng có thể nhìn ra ao sen và cây vông cứ vào độ mùa xuân nở hoa tươi thắm như màu son tàu.

Thân mặc bộ đồ mát bằng lụa soan trắng. Bà lão bặc bưng một cái thau đồng, đựng nước trong vắt :

– Mời cậu rửa mặt.

Nước mát làm Thân sáng khoái đôi chút, chớ không xua đuổi được cơn buồn ngủ đang đè nặng mi mắt chàng. Thân ngủ một giấc thật ngon đến lúc Hiền, cô em kế của chàng đánh thức chàng dậy sửa soạn dùng cơm trưa.

Thân lè nhè hỏi Hiền :

– Má đãi ăn món gì đó Hiền ?

Hiền chớp nhẹ cặp mi dài nhiều bóng tối. Nụ cười nàng hiền như cái tên của nàng :

- Khách về nhà không gà thì vịt chớ.
- Anh đâu phải là khách.

Hai anh em cùng cười. Hiền mặc áo lụa màu huyền nổi bông màu hoàng yến, nên nước da nàng thêm trắng mát.

Nàng đẹp nhờ vẻ ôn nhu, đa cảm và đáng đáp quý phái. Thân vỗ vai em :

- Bác Mộng Đình về chưa ?

Hiền lắc đầu :

- Bác ở chơi luôn tới ngày mốt lận mà.

Rồi nàng kể tai Thân thì thảo :

- Em nghe lảng máng là bác định gả chị Nguyệt cho anh.

Thân nhú mày :

– Chị Nguyễn là con nuôi của bác Mộng Đình phải không em ? Anh nghe nói chị ấy học trường Áo Tím.

Hiền gật đầu :

– Chớ bác ấy làm gì có con ruột.

Cách đây hai năm, Thân nhớ hình như có gặp Nguyễn một lần. Nàng đến biếu cặp ngỗng trắng để ăn mừng ngày sinh nhật của bà Thanh. Nàng chỉ đến trong giây lát rồi hấp tấp ra về.

Nguyễn không đẹp. Chiếc áo lụa màu xám hôm đó càng làm cho màu da nàng tối đi. Nhưng nàng có duyên, cái duyên ở nụ cười thâm trầm và giọng nói hơi ấm, nhẹ của nàng. Nguyễn lớn hơn Thân hai tuổi, theo lời bà Thanh nói. Điểm đặc sắc trên khuôn mặt nàng là cặp mắt hơi lộ được viền hàng mi rậm và dài. Thủy từ bếp đi lên, xen vào câu chuyện :

– Cậu Má nói chị Nguyễn và anh hợp tuổi với nhau lắm. Nhứt gái hơn hai, nhì trai hơn một mà.

Thân đưa tay vuốt nhánh tóc rơi xuống vầng trán rộng và bóng của mình :

– Anh chưa muốn lấy vợ. Anh Hai đã có con trai nối dõi cho cậu Má rồi, cần chi tới anh.

Ông bà Thanh sinh được năm con. Người con trưởng nam đã qua đời hồi hai mươi lăm tuổi. Người vợ thủ tiết nuôi con, hiện đang dạy học ở ngoài chợ Mỹ Tho. Người con gái kế lấy chồng ở Tân An. Còn Thân, Hiền và Thủy chưa lập gia đình. Hiền và Thủy học tới bậc trung học ở Mỹ Tho. Hiền ôm ấp giấc mộng sống cuộc đời làm ruộng vườn,

trong khi đó Thủy thích sống cuộc đời hoạt động doanh thương.

Thủy trầm giọng :

– Cậu má sợ anh lên bêu, nay đào mai đi hoài, rủi anh tóm nhầm một con mẹ chơi bời đem về làm dâu thì có nước cậu má thất hòng.

Hiền hưởng ứng câu nói của em bằng nụ cười điểm đạm. Bên cạnh nét buồn buồn của Hiền. Thủy tươi mát với nụ cười thật duyên dáng và khuôn mặt trắng mịn.

Thân hỏi :

– Em bao nhiêu tuổi vậy Hiền ?

Hiền cười buồn :

– Anh vô tình đến thế là cùng. Em nhỏ hơn anh hai tuổi, mà anh cũng quên.

Thân cười nheo một bên mắt :

– Anh còn quên tuổi anh, huống
chỉ là tuổi của em.

Thủy giục :

– Thôi đi ăn cơm, kéo má chờ.

Thân có vẻ ngập ngừng :

– Mình có ăn chung với bác Mộng
Đình hay không ?

Thủy nói :

– Tụi em khỏi ngồi ăn chung với bác
ta. Nhưng anh thì chạy trời không khỏi
nắng. Vả lại, bác Mộng Đình tới đây là
muốn hỏi ý kiến anh về vụ hôn nhân đó
mà.

Thân lắc đầu :

– Ăn cơm chung với khách mất ngon.

Hiền đi lẹ vào bếp phụ với bà lão bộc. Bà Thanh đã chếp kinh xong, ngồi trên bộ ngựa gỗ kê giữa nhà sau, gấp từng củ tỏi, củ kiệu đựng trong mấy chiếc keo pha lê ra đĩa, xây thành những bông hoa đẹp mắt. Chiếc kiếng lão của bà trệ xuống sòng mũi. Bà còn đơm nhiều tô rau sống thành hình cái chậu kiếng xếp từng hàng ngay. Hôm nay, bữa cơm gồm toàn thức ăn chay vì ông Mộng Đình trường trai từ ngày còn để chỏm. Bà Thanh vốn nổi tiếng đảm đang, khéo léo, nên phải chế biến món ăn cho ngon mắt, ngon miệng, để cho mọi người trong nhà không quen tố trai, cũng có thể cùng tham dự bữa cơm này.

Thân đến bên mẹ. Chàng ngấm bàn tay no nướng của bà cần mẫn đơm từng đĩa thức ăn. Bà Thanh chỉ ghé biểu chàng ngồi bên cạnh :

– Lóng này sao con có vẻ mệt mỗi vậy ?

– Dạ, con cũng vẫn bình thường.

– Chắc con học nhiều nên sức khỏe giảm sút chứ gì ? Để tối nay, ba con hốt cho con mấy thang thuốc bổ. Con Thủy sẽ sắc thuốc cho con uống liền.

Thân lắc đầu lia lịa :

– Con sợ thuốc bắc lắm.

Bà Thanh so giọng :

– Cậu con lóng rày này đau mai ốm. Con cũng nhơn chút thời giờ về đây hủ hủ với cậu má, Lúc này bãi trường, con cũng chẳng học hành gì. Hơn nữa, ở Sài-gòn lúc này nóng nực lắm...

Thân hỏi mẹ :

– Cậu kêu con về gấp chi vậy má ?

– Cậu con tính cưới vợ cho con để lỡ cậu con có theo ông theo bà cũng được yên tâm đôi chút.

Thân giả dò hỏi :

– Con phải cưới ai vậy, má ?

– Cậu má đã chọn con gái lớn của anh cư sĩ Mộng Đình.

Thân cười nửa miệng :

– Con không thích lấy vợ lớn tuổi hơn mình. Đàn bà mau già hơn đàn ông. Nếu đẻ một vài lứa, chị Nguyễn có thể lên làm dì của con được.

– Ê ! Đừng nói bậy. Con gái có sanh đẻ, máu huyết nó sẽ thay đổi. Chắc chắn nó sẽ trẻ hơn chồng.

Bà Thanh dọn dẹp bát đĩa, bà dỗ ngọt cậu con trai :

– Có lẽ tuần sau, anh chị Mộng Đình sẽ đãi tiệc, mời con qua Trung Lương chơi với tụi con Nguyễn. Chắc chắn, cậu mà chọn vợ cho con không lầm đâu. Mua heo chọn nái, cưới gái chọn dòng.

Thân cãi :

– Nhưng chị Nguyễn đâu phải là con đẻ bác Mộng Đình.

– Nhưng cha mẹ nó là dân làm cách mạng. Hồ phụ sanh hồ tử, lân mẫu xuất lân nhi mà con.

Thân lắc đầu :

– Ồi, con ghét đàn bà làm cách mạng lắm. Đàn bà chỉ có quyền thao túng từ sân nhà cho tới khuôn bếp mà thôi.

Bà Thanh nói đỡ cho Nguyễn :

– Con Nguyễn giỏi việc bếp núc, vá may. Má muốn nói là con của những kẻ hy sinh cho đại cuộc, luôn luôn chẳng phải là người xấu đâu.

Thân không nói thêm lời nào. Cậu má chàng đã quyết định rồi. Có kỳ kèo cũng vô ích. Thật ra Thân đã chán nản cuộc sống nay ở điểm này, mai nhà thổ nọ. Cuộc đời của chàng chẳng còn sinh thú gì, ngay cả sau phút xoa dịu những tế bào nổi loạn. Thân chưa có ý niệm về việc lập gia đình, nhưng chàng cần phải gặp Nguyễn để dò la ý tứ của nàng,

Bà Thanh buồn rầu :

– Con cũng đã hai mươi ba tuổi rồi. Lấy vợ ở cái tuổi này là đúng lúc. Chẳng còn gì buồn bằng cảnh cha già con muộn.

Thân đứng dậy bước ra nhà sau. Chàng phải tắm cái đã trước khi lên chào cha và khách.

Hiền đang rải lúa cho bồ câu ở sân sau. Thấy anh, nàng vui vẻ :

– Anh nè, anh muốn xem cây phù dung mà anh với em trồng bên rạch hồi năm năm trước không ?

Thân chợt nhớ là dạo đó, chàng thích màu hoa phù dung buổi sáng nên bẻ một nhánh cắm ở bãi cỏ ngoài mé nước. Chàng bỏ liều trong mấy tháng mưa dầm. Sau đó, cây phù dung mọc sản sở. Hiền mừng rỡ sẵn sóc cây chu đáo hơn.

Hai anh em bước ra mé nước. Gió mát rười rượi. Bãi cỏ màu lục sậm. Cây phù dung như căng đầy sinh lực vạm vỡ,

cành lá thô lậu nhưng xum xuê. Hoa phù
dung trắng như lụa, mỏng như sương.
Đột nhiên, Thân có cảm tưởng đời sống
ở đây thú vị và êm ái lạ thường. Đâu đây
ngập tràn kỷ niệm ấu thơ.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

mỗi thứ năm, nhớ đón đọc

tuổi ngọc

tuần báo của tuổi vừa lớn

DUYÊN-ANH chủ trương

“Ai biết người đồng thời của hai bà Trưng dùng ngôn ngữ nào thì vấn đề nguồn gốc của dân tộc Việt Nam sẽ được giải quyết dễ dàng.”

G. CÆDÈS

Cố Viện trưởng

VIỆN VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ

Tác phẩm dưới đây trả lời được câu hỏi hóc búa đó. Mỗi chương sách là một khám phá lớn, đọc rất say mê mà không có khám phá nào không dựa vào chứng tích khoa học. Những khám phá kinh dị về thượng cổ sử 5000 năm của dân ta đều chứa đựng trong 800 trang của quyển

NGUỒN GỐC MÃ LAI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Bác bỏ tất cả những sử thuyết sai lầm
từ cổ chí kim, KÊ CẢ CUỘC NGHIÊN
CỨU NỀN VĂN MINH ĐÔNG SƠN.

Tác phẩm của BÌNH NGUYỄN LỘC

LÁ BỐI tổng phát hành

Paul GALLICO

tình nghệ sĩ

truyện dài

[Kỳ 5. Xem từ VĂN số 186]

– Tại sao bay biết là Carrot Top yêu hay không yêu, con nhãi con.

Mouche tưởng là tên đàn ông tóc đỏ ấy định quẳng chiếc đĩa đựng đồ ăn của gã vào mặt nàng.

Nàng nói :

– Thôi... tôi xin lỗi. Thực tình tôi không biết... Tôi đoán vậy. Lần sau tôi không dám nữa.

Mặt gã chưa hết giận, nhưng gã

không nói với nàng nữa, gã trút cơn giận lên đầu tên Golo, gã quát :

– Mày còn lẩn quẩn ở đây làm gì nữa, con khỉ da đen này ? Nhồi đầy ruột chưa ? Xéo đi, ra xe, coi chừng dám mất hết đồ rồi ã.

Hai người tiếp tục ăn uống trong một bầu không khí nặng nề cho tới khi Mouche thu hết can đảm để nói với gã. Một cách hồn nhiên và dịu dàng, Mouche hỏi.

– Thưa ông bầu, sao ngài ứa giận dữ quá vậy ?

Hắn bỏ dao, bỏ nĩa xuống, ngược đôi mắt lạnh lùng lên nhìn nàng hồi lâu, rồi nói :

– Vì bay là đồ khùng. Tao không có thì giờ để nói với những đứa khùng, nhất

là những con khùng.

Mouche không phật ý, vì nàng đã quen sống ở những nơi mà đàn ông ăn nói tục tằn. Ngoài ra, nàng không dám nghĩ là mình khéo léo hay tài cán gì, sau bao nhiêu điều bất hạnh xảy đến. Một cách thành khẩn nàng nhoài người qua bàn và đặt tay nàng lên tay hắn để làm hòa, nàng nói :

– Thưa ông bầu, sao ngài không đối xử tử tế với em như ngài đối xử với Carrot Top, Bác sĩ Duclos và xử Reynardo ? Em biết là mấy người ấy cũng biết là bữa nay có nhiều lúc em sơ xuất, nhưng mấy người ấy không nói.

Chạm vào mấy ngón tay mềm mại, bầu Coq như bị ong đốt, giựt tay ra.

– Chỉ vì đôi mắt thô lỗ của bay và cái

dáng điệu thơ ngây ú ớ của bay làm tao bực mình.

Sự phản công tàn tệ ấy khiến Mouche ứa nước mắt ra, nàng khẽ gật đầu.

– Đối với tội nó, ông bầu Cop vừa nốc cạn ly rượu vừa nói, tao khỏi cần để ý xem chúng làm gì. Ráng mà hòa mình với tội nó, nếu bay muốn an thân, trong những lúc làm ăn. Còn những khi khác, lo mà tránh tao đi. Bay hiểu chưa ?

Mouche lại gật đầu.

– Em xin ráng.

Mặc dầu ông bầu Coq cộc cằn, sự cộc cằn ấy chỉ làm cho nàng thương hại thôi, những lúc hấn cáu giận thấy hấn có vẻ khô sở lắm. Tuần lễ hội chợ ở Rheims đối với nàng là khoảng thời gian sung sướng mà đời nàng ít khi được hưởng.

Mối thân thiện giữa nàng và bảy con múa rối như nhảy vọt, chẳng bao lâu nàng biết tính tình chúng, biết những ưu khuyết điểm của chúng : Thằng Carrot Top ưa gây sự và đầy tham vọng hay mơ mộng lúc nào cũng như muốn gạt phắt những cản trở thường ngày đi, nhưng thực tình rất có tinh thần trách nhiệm và chăm lo cho việc trình diễn, ông bác sĩ Duclos khệ nệ, chậm rãi, thích hình thức, đúng là mẫu người tự mãn một cách trống rỗng, nhưng rất tốt theo điệu bộ dềnh dang của ông ta. Còn con Gigi nhõng nhẽo, kênh kiệu, khật khùng, nhưng lại dễ chịu nhất trong nhóm.

Ưa nường tựa nàng nhất là gã Alifanfaron, tên khổng lồ, gã không làm ai khiếp đảm cả, lại tốt bụng và chậm hiểu nên ai cũng ăn hiếp gã. Gã sợ hãi ngược nhìn nàng chờ được giúp đỡ và

che chở, nhiều xen lý thú thường diễn ra giữa tên quái vật xấu xí và nhút nhát ấy với người con gái che chở cho gã.

Nàng trở nên thân thiết với mục Muscat vô cùng, vì mục này đã trải đời khá nhiều, mục đã chôn mấy đời chồng, mục hiểu đàn ông quá rồi và nghĩ rằng đàn bà cần phải bám víu lấy nhau, che chở lẫn cho nhau. Mục luôn luôn là đồng minh của Mouche bằng lời khuyên hoặc bằng sự viện dẫn ca dao tục ngữ, hoặc thì thảo vào tai nàng những lời xì xào hữu ích về những chuyện gì đang xảy ra đằng sau sân khấu, hay bên dưới sạp hát trong cái phần đất bí ẩn riêng của lũ múa rối.

Nhưng nếu nàng phải tuyển chọn một bồ ruột trong tội chúng, người ấy hẳn là Reynardo rồi. Gã làm nàng cảm động chân thành mặc dù gã xảo trá, lưu manh, bất lương, gã cũng biết vậy, và

cũng có thiện chí muốn cải thiện, nhưng không hăng hái lắm. Gã cũng cứng chiều nàng. Đôi khi gã đùa nghịch, chọc ghẹo nàng và hùa với mấy đứa khác bày trò phá nàng chơi, nhưng ngay cả những lúc ấy, gã vẫn có vẻ yêu nàng tha thiết nhất, và cảm thấy cần sự âu yếm của nàng vô cùng. Phần nhiều gã chỉ la lối phụ họa thôi, Mouche cảm động đến sung sướng những khi qua cái vỏ trâng tráo đều ánh nàng bắt gặp những nét tâm lý của một đứa trẻ mong được tha thứ và thương yêu.

Mặc dầu ông ta là bạn và là cố vấn của nàng, Mouche vẫn thấy ớn ớn xù Nicholas, người thợ sửa đồ chơi, vì ông là người thẳng thắn cầm cân cân công lý, ân oán đúng mức. Cái nhìn qua cặp kiếng vuông của ông dường như lúc nào cũng như soi qua nàng để rọi vào tận những

ý nghĩ thâm kín nhất nơi đây lòng nàng.

Gã Golo hồn nhiên như trẻ nit, thứ hồn nhiên bắt nguồn từ truyền thống của giống da đen. Anh ta đóng vai hầu hạ lũ mua rồi và vì Mouche đã trở thành một trong những con mua rồi ấy thì hẳn cũng làm đầy tớ cho nàng luôn. Hẳn thành thạo về kỹ thuật trình diễn lắm, đối với hẳn công việc này không đáng bận tâm nữa. Lúc thì hẳn rút về phía sau sạp giúp ông bầu Coq thay đồ cho một con mua rồi, đưa đồ nghề cho ông, hay treo các con mua rồi lại cho có thứ tự lớp lang, dốc đầu chúng xuống để ông bầu Coq xỏ tay vào cho chóng hầu có thể cho chúng xuất hiện ngay hoặc cho rút lệ khỏi sân khấu, và ngay sau đó, hẳn lại ra trước sạp đứng bên Mouche và chiêm ngưỡng những con mua rồi như

thể chúng là những nhân vật thật bằng xương bằng thịt.

Đối với Mouche sự tin tưởng rằng những con người nhỏ bé này có cuộc sống riêng càng cần thiết, với nàng đó là một sự cần thiết giúp nàng chạy trốn khỏi những dông bão của cuộc sống mà nàng không đủ sức chống đỡ.

Dầu vẫn ý thức được rằng chẳng qua cũng là tên Coq múa may đằng sau chúng mà thôi, nhưng nàng cố gạt ý nghĩ ấy đi. Vì làm sao có thể dung hòa được con người như thế với những sáng tác hoàn toàn khác hẳn với hắn ? Hơn nữa nàng ít khi nhìn thấy Coq chui ra, chui vô sập trình diễn, vì hắn có vẻ bí mật, lén lút những khi phải vô ra. Đôi khi hắn ngồi lì trong ấy cả mấy tiếng đồng hồ từ sáng sớm và đến tận đêm khuya, không tỏ dấu hiệu nào là hắn phục sẵn

trong đó, cho mãi đến lúc hoặc một hoặc nhiều cơn mưa rồi đột nhiên xuất hiện trên sân khấu.

Tất cả các chỉ thị, công việc làm ăn đều do Carrot Top đảm trách, bây giờ công việc tập dượt, học ca bản mới, thu xếp vai và trò chuyện với lũ mưa rồi là lễ sống của nàng, nàng không sao tưởng tượng được là một gia đình vui nhộn gồm những nhân vật khác nhau như thế lại là công trình sáng tạo của con người mặt tái mét, cay cú đường ấy.

Khi tuần lễ hội chợ ở Rheims kết thúc, gánh hát kéo nhau đi Sedan trình diễn ba ngày, rồi từ đấy di chuyển qua Montmedy và Metz, vì năm nay ông bầu Coq tính lưu diễn suốt miền Đông Bắc nước Pháp và miền Alsace, cho đến khi nào thời tiết lạnh chịu hết nổi mới sẽ kéo nhau xuống miền Nam.

Một đêm, ông bầu Coq lằm lỳ từ một quán rượu sụp sệ ở vùng ngoại ô, nơi gánh tạm trú, bước ra, ngất ngư say, bụng thềm đàn bà.

Lúc đó đã về khuya. Không còn bóng dáng đàn bà, bọn gái ăn sương đã cập được khách hoặc rút về ở từ lâu rồi. Hẳn chợt nhớ tới cô gái gầy ốm đang ngủ trên gác sắp sát mái nhà mà từ lâu hẳn vẫn coi là món đồ tư hữu của hẳn.

“Tôi lúc rồi”, hẳn nghĩ “vả lại cũng phải cho con nhỏ ngô nghê đó tập sự để trở thành đàn bà. Đi với nó cho đỡ tốn. Từ nay chỉ nên mượn một phòng thôi và – biết đâu con nhỏ này chẳng phải loại dễ tính đấy.”

Nhưng còn có một nguyên do đen tối thâm kín khiến hẳn leo lên cầu thang dẫn tới căn gác sắp là sự dục dăng, thơ

ngây, trong trắng phát xuất từ đáy lòng của nàng chính là sự trêu tức thường xuyên đối với loại người như hắn và nếp sống của hắn. Hắn vẫn tấm tức không nguôi kể từ khi nhìn thấy nàng lần đầu tiên. Bây giờ thì hắn chịu không nổi nữa, thế nào cũng phải kéo nàng xuống ngang hàng với hắn, và làm cho nàng cũng xấu xa như hắn.

Hắn rón rén lại gần cửa, cúi xuống, nghe ngóng một hồi, rồi, nhẹ nhàng xoay trái đấm, lén vào bên trong với một vẻ vụng trộm rất lẹ như một trong những con múa rối của hắn và khép cửa lại.

Sáng hôm sau khi Mouche tỉnh giấc, nắng tràn ngập chiếu ủa qua khung cửa sổ căn phòng như phủ nhận cơn ác mộng vừa xảy ra cho nàng. Nàng có cảm tưởng như đêm qua nàng không ngủ và từ đây chắc cũng hết ngủ nổi. Nhưng rồi cũng

phải quên chuyện ấy, vì trời sáng rồi.

Nàng xuống khỏi giường, lần ra cửa sổ trông ra sân sau quán trọ, nhìn thấy một con chó nằm ngủ, một con heo đầm mình trong bùn, những con gà mổ đất, vịt, ngỗng đầm mình trong những vũng nước dơ.

Cảnh vật khiến nàng nhớ tới thời thơ ấu và những mảnh sân ở quê nhà tại vùng Britanie và nàng tự hỏi sao nàng có thể bình tĩnh đứng ngắm cảnh vật và suy nghĩ về những kỷ niệm mà cảnh vật gợi lại, nàng tự nhủ mình sẽ không bao giờ còn trở lại tuổi thơ ngây nữa.

Mouche không dám chống lại hoặc phản kháng hành động ám muội của ông bầu Coq. Hắn từ bóng đêm xuất hiện, trong bóng đêm hắn dày vò nàng rồi lại

rút vào bóng đêm để nàng đau đớn, ê chề, tủi hổ.

Nàng choàng tỉnh dậy khi hấn đột nhập, nàng nhận ra hấn nhờ mảng ánh trắng chiếu xiên lên bộ mặt nhợt nhạt với chiếc mũi quặp của hấn, ánh trắng biến màu tóc đỏ hung của hấn thành màu tím hồng.

Trong một giây phút, tim nàng đập rộn ràng, vì nàng nghĩ, nếu hấn yêu nàng thật, thì nàng sẽ không từ chối.

Nhưng không một dấu vết yêu thương hiện lên khoé mắt, trong tâm tư hấn ; không một lời thì thảo qua môi. Khi nhận ra sự thể thì đã muộn quá rồi. Kêu la cũng vô ích. Hơn nữa, trốn đi đâu bây giờ, trơ trọi, cô độc, không bạn bè, không đồng xu dính túi nơi một quán trọ xa lạ ? Hấn đứng lù lù ở đó rồi còn cựa quậy sao

nổi, lừ lừ tiến vào phòng nàng ngủ, vào tâm thức nàng, vào giường nàng và rồi... vào cơ thể nàng.

Sự tàn bạo trong cơn thèm khát khiến nàng ghê sợ, sự đau đớn dường như không sao chịu nổi, khắc khoải, xót xa, và có một lần nàng thăm thì kêu tên hấn “Michel” một cách thảm thương Nàng nghĩ rằng thế nào nàng cũng chết.

Sau đó hấn chuẩn mất, mặc cho nàng mắc cỡ gần chết vì hấn đã hành hạ nàng một cách trâng tráo không một chút thương yêu, nàng khóc rầm rức vì tủi nhục và đau đớn vì hấn khinh rẻ nàng một cách trắng trợn, vì cách hấn chiếm đoạt thân xác nàng một cách cuồng bạo, đê tiện, ấu tả. Hấn đâu có thèm ngó mặt nàng, không một cử chỉ ve vuốt,

không một cái hôn ; không nói nửa lời, không có gì gọi là dịu dàng. Hắn không để lại một tia hy vọng trong lúc nàng chìm ngập trong tuyệt vọng, không có gì chứng tỏ là ít ra còn có một trái tim loài người bên trong cái thân xác vũ phu, đầy ham hố đó.

Nàng càng xấu hổ hơn vì bản năng đàn bà bảo nàng rằng mặc dầu có sự hung bạo, tàn nhẫn đấy nhưng nàng đã nhượng bộ rồi, và biết đâu chính nhờ cái hành động ấy, chính nhờ cái giây phút ấy đã làm cho nàng vĩnh viễn thuộc về hắn.

Đó là những hình ảnh đen tối, những ý nghĩ, những lo sợ quay quắt trong đầu óc trong lúc nàng rửa mặt, mặc quần áo vào tắm thân không còn là thành trì phải bảo vệ nữa, và chuẩn bị chịu đựng những

khổ nhục ngày nay có thể còn xảy đến.

(Còn tiếp)

Paul Gallico

HOÀNG ỨNG dịch

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

kẻ sống đã chết

truyện dài

[Kỳ 11, Xem VĂN từ số 180]

Căn phòng lạ, những ý nghĩ quay cuồng đến với Hữu trong giấc ngủ chập chờn. Ra đi, hai tiếng gọn, đau nhói như mũi kim lay động trong lòng Hữu. Sớm mai thức dậy vỗ nước nóng lên mặt, Hữu tỉnh lại. Khoảng nửa buổi ông Trâm trở lại, Hữu mừng rỡ khi nghe ông nói tới chuyện ông Đạm trở lại nhà cùng những người lạ mặt. Trâm tĩnh bên ly trà đặc ông Trâm hỏi:

- Bây giờ anh quyết định ra sao ?
- Mai tôi xuống Phòng.
- Anh có ai ở dưới không ?
- Không có ai, nhưng tôi hy vọng có thể xoay sở được.
- Anh có sợ gặp nguy hiểm không ?

Hữu lặng im không nói, nguy hiểm, điều ấy có thể đến với chàng, chàng hình dung tới mạng lưới của hai bên thù nghịch đang bủa ra mà trong đó chàng như con mồi đang bị rình rập. Giọng ông Trâm thân mật :

- Tôi rất thông cảm tình cảnh của anh hiện nay. Anh là người còn muốn giữ lại một cái gì cho mình, tôi rất hài lòng trước thái độ của anh, những người quốc gia như chúng ta có may mắn sống

sốt không được là bao, anh nên cẩn trọng, vì thế tôi muốn giúp anh, tôi đề nghị anh nên đi thẳng Sài-gòn, phương tiện tôi đã lo cho anh xong rồi, anh thấy thế nào ?

Hữu ngả người ra sau ghế, không khí im lặng lập lờ. Có thực ông Trâm thực tâm giúp mình không ? Câu hỏi đến với Hữu chàng vội vàng xua đuổi ý nghĩ đó. Đi thẳng Sài-gòn ? Nhưng còn Thu ?

– Nhưng còn em gái tôi ?

– Tôi cũng đã lo sẵn.

– Ông thật chu tất, tôi không biết lấy gì để cảm ơn ông.

Ông Trâm mỉm cười hài lòng về thái độ của Hữu :

– Có gì đâu mà ơn với huê, thế nào rồi chúng ta chẳng còn gặp lại nhau ở trong

Nam, để tránh cho anh sự khó khăn tôi cũng đề nghị anh nên dùng giấy tờ của người khác.

– Tôi không hiểu ý ông ?

– Bây giờ anh đâu có giấy tờ của vùng quốc gia, nếu anh vào trong ấy rồi khai báo thì không khỏi làm cho người ta chú ý, ngay cả chuyện anh xuống Hải Phòng đi nữa, giấy tờ di chuyển. Vì thế tôi đã lấy giấy tờ của một người quen cho anh dùng cả giấy khai sinh và bằng cấp. Đây là giấy tờ, sáng mai anh xuống tòa thị chính trước tám giờ, người ta sẽ gọi tên đưa anh lên xe sang Gia Lâm, đây là thành phần những công chức được chính phủ đưa thẳng vào Sài Gòn, như vậy được chưa ?

Hữu cầm lấy những giấy tờ cần thiết, ông Trâm ra về. Hữu nghĩ tới Thu, chàng

ra khỏi nhà xuống chợ mua một ít thứ cần dùng, một bộ quần áo để thay đổi và chiếc va-li nhỏ xách tay. Lúc trời nhá nhem tối Hữu tới nhà Thu.

Những ngọn đèn vàng vọt, lề đường vắng bóng người, Hữu đi ở bên lề đường bên kia, chàng cố gắng tạo vẻ nhàn nhã, chậm chạp, khi tới ngang cửa nhà Hữu chú ý nhìn chung quanh không thấy ai, chàng băng ngang qua đường đứng trước cửa nhà gõ nhẹ lên cánh cổng đóng. Bà Hoan hiện ra trong khe cửa mở nhỏ. Chàng cất tiếng chào, như cũng cảm thấy sự đe dọa, bà Hoan nhẹ nhàng tránh sang bên cho Hữu vào nhà rồi đóng ngay cửa lại. Bầu khí đục trong ánh đèn yếu, cả nhà đang ngồi ăn cơm tối. Thu đứng lên đôi mắt mở lớn như dò hỏi. Ông Hoan ngồi lùi vào phía trong cho rộng chiếc tràng kỷ cho Hữu ngồi,

bỏ bát cơm xuống, cầm đũa trên tay, ông Hoan nói :

– Hai bác lo cho cháu quá, hồi sáng này ông Đạm đến kiểm hác và nói có gặp cháu nhưng chưa kịp nói gì. Ở nhà lúc nào cũng trông chờ, em nó không dám ra khỏi nhà, thế bây giờ cháu tính sao ?

– Thừa bác sớm mai cháu đi Sài-gòn, cháu lại để thừa với hai bác cho Thu đi với cháu.

Sự im lặng bỗng nhiên ập xuống bất ngờ, ông Hoan hơi nhú mày, Thu nhìn Hữu không chớp, bà Hoan hơi cúi xuống.

– Sớm mai cháu đã đi ?

– Dạ.

– Cháu có ai ở trong không, việc di chuyển ra sao ?

– Cháu đã được ông Trâm giúp đỡ, mới đầu cháu tính đi Hải Phòng nhưng may sao có máy bay chuyên chở công chức. Cháu nghĩ vào trong ấy rồi sẽ tính sau, cháu tin cũng không có gì phải lo. Đi có anh có em cháu cũng yên tâm.

– Mai đã đi sao anh ?

– Vì ở lại không được, anh sợ bắt trắc có thể đến, em có muốn đi với anh không ?

Thu nhìn ông bà Hoan, nhìn người em, nhìn Hữu, nàng thấy mình trống không. Đi Nam, câu chuyện với Hữu hôm nào ai ngờ trở thành sự thực. Đi Nam, xa Hà Nội, xa những người thân yêu, Thu thấy xao xuyến bồi hồi. Thu nhận thấy vẻ buồn phảng phất trên gương mặt ông bà Hoan, những người đã có lúc nàng coi là cha mẹ mình. Em có đi với anh

không? Thu ghen ngào không nói được thành tiếng. Đi, điều ấy sẽ làm buồn lòng những người ở lại, nhưng ở lại thì hẳn anh Hữu không thể vui với chuyến đi một mình. Đi Nam, có phải đó là điều mà nàng đã cảm thấy từ những ngày đầu khi mùa thu trở về cùng với những cơn gió lạnh và bầu trời thấp xám ? Những tan hoang chợt đến trong những ngày qua, đã khiến Thu mong ước một thay đổi. Biết mình đi Nam, Bôi Anh có buồn không ? Bê Xanh, chị Khuyên và những bạn hữu hẳn ngạc nhiên khi trở lại Hà Nội không còn thấy Thu nữa.

Như nhìn thấy những lo âu cuống quít nơi Thu, bà Hoan giọng âu yếm với Hữu :

– Bác mừng là thấy anh em cháu lại được sum họp với nhau, hẳn thấy đề cháu cũng vui. Bây giờ hoàn cảnh cháu

phải đi thì bác dù thương yêu Thu thế nào đi nữa cũng muốn cho anh em cháu được sống với nhau. Bác tin chẳng bao lâu bác cháu mình sẽ được gặp nhau.

Không giữ được xúc động, Thu ôm lấy bà Hoan khóc nức nở, bà Hoan giữ lấy vai Thu vỗ về:

– Con đi có nhớ mẹ không ?

Giọng bà Hoan như chùng hẳn xuống. Bữa cơm bị bỏ dở với không khí băng khuâng buồn bã. Giọng Thu đầy nước mắt:

– Con không muốn xa mẹ.

– Nín đi con, đã đi ngay đâu, vào trong đó cố học hành nếu không phải thời buổi loạn lạc...

Hữu giót cho mình một ly nước trà

nóng, ông bà Hoan ăn cho xong bữa cơm, Thu dọn mâm xuống bếp, mắt nàng mọng đỏ nước mắt như vẫn còn chảy xuống mũi. Hữu dặn dò Thu rồi xin phép ra về hẹn sớm mai trở lại. Bà Hoan như còn muốn giữ Hữu lại hàn huyên nhưng vì trời đã tối lâu nên đành đứng lên đưa Hữu ra cửa. Hữu đi trên phố vắng lòng băng khuâng bồi hồi. Đi Nam, những gì đang đợi chàng ở phía trước mặt.

Thu ngồi trong ghế trường kỷ một mình nghe tiếng bà Hoan nói với Hữu ngoài cửa, ông Hoan đang thử lại chiếc điều bát, tiếng kêu mỗi lần một khác, bà Hoan trở vào ngồi bên Thu mở chiếc âu đồng lấy trầu tèm một miếng nhỏ, cắt miếng vỏ khoai đưa lên miệng dáng vẻ quen thuộc sau mỗi bữa cơm. Bà Hoan nói :

– Thực mợ lo cho con vào trong ấy, lạ nước lạ cái liệu rồi đời sống có được dễ chịu không, người ta vẫn nói; miền Nam dễ ở khó về... ở đây dù sao cũng còn có người này người khác. Nhưng mợ cũng tin là anh Trác con sẽ lo được. Thôi con lên thu xếp đi, con lấy chiếc va-li của mợ mà đựng quần áo.

Thu như chiếc máy đứng lên, bà Hoan cũng theo lên, Thu mở tủ áo, những chiếc áo dài mắc óng chuốt, mùi băng phiến thơm nhẹ, nàng lấy ra bốn chiếc áo dài, hai chiếc áo lam nhắc nàng nhờ tới những bạn học :

– Mợ nhỉ, không biết trường con có vào trong Sài-gòn không?

– Nào mợ có biết được, nhưng vào trong ấy chắc xin học lại cũng không khó gì.

Bà Hoan đứng lên chiếc ghế đầu với chiếc va ly lớn từ trên óc tử xuống, bỏ chiếc áo bằng vải ra, chiếc va-li mua từ hồi ông bà mới lấy nhau, qua nhiều ngày tháng chiếc va-li dù đã cũ với những sây sát vẫn còn tốt, nó như một kỷ niệm yêu mến mà bà muốn dành cho người con gái nuôi của mình, hơn hai mươi năm những đổi thay vui buồn chiếc va-li vẫn hiện diện trong gia đình, chính nó như vật bất ly thân, có lúc như chiếc kho tàng duy nhất giúp gia đình bà Hoan mang theo được những gì có thể mang theo trong những ngày chạy giặc. Thu vừa gấp những chiếc áo vừa nghe thấy mình xao xuyến, thực sự một đổi thay bất ngờ đã đến mà chính Thu không thể ngờ được, nàng hình dung tới cuộc hành trình, chuyển xe đưa nàng tới sân bay, chiếc máy bay sẽ đưa nàng tới một nơi ở phía cực nam, một nơi nàng chỉ nghe nói đến

mà không hình dung ra được, nơi cách xa với quê hương, với Hà Nội yêu dấu này...

– Con muốn cậu mợ cũng đi Nam với con.

Bà Hoan vừa xếp những chiếc áo vào trong va ly vừa nhìn Thu :

– Mợ cũng muốn đi nhưng còn anh Linh con, hôm trước cậu mợ cũng bàn với nhau nhưng đi vào trong ấy biết đời sống ra sao, anh Linh con thì chưa về. Cậu mợ nghĩ ai cũng muốn ở lại quê hương, chỉ những ai không được mới phải ra đi, nên ai đi cũng trông ngày về cả, cậu đang viết thư cho mấy người bạn ở Sài-gòn, vào trong ấy có gì cần thì họ sẽ giúp các con.

– Mợ ơi, con không muốn xa mợ đâu.

Thu ngồi ngay nhìn bà Hoan, hai mắt lại rưng rưng lệ, nước. mắt lại chảy xuống hai bên sống mũi, bà Hoan nhìn Thu ái ngại :

– Mợ cũng không muốn xa con, nhưng biết làm sao được. Thôi đừng khóc nữa, thu xếp cho xong rồi đi ngủ, sáng mai mợ dậy sớm nấu cơm nếp cho ăn rồi còn phải đi chứ.

Thu ngồi gần lại bên bà Hoan, tay nghịch ngợm những sợi tóc trên bờ vai, những sợi tóc đen óng xen lẫn đôi sợi bạc không đều, mái tóc của một tuổi tác đổi thay. Thu áp người vào lưng bà Hoan, hơi ấm quen thuộc. Thu như sống lại suốt những kỷ niệm của một thời thơ ấu. Nàng thấy tủi thân, mẹ nàng ra sao nàng không được biết, người nàng vẫn coi là mẹ nay nàng sắp phải xa, chắc chẳng bao

giờ nàng còn được sống lại như những ngày đã qua.

– Mẹ ơi, con không đi đâu, con ở lại với mẹ.

– Không được, con hay chưa, con không đi chắc anh Trác con sẽ nghĩ là cậu mẹ tìm cách giữ con lại, con nên đi với anh con.

Bà Hoan như cố gắng an ủi Thu, dù chính bà cũng không muốn Thu xa bà. Ông Hoan từ dưới nhà đi lên, ông đưa cho Thu hai phong thư có biên địa chỉ, giọng ông ôn tồn :

– Con bỏ hai thư này vào va-li, khi vào trong ấy rồi con hãy liên lạc với hai người bạn của cậu, họ sẽ giúp đỡ cho con.

– Dạ vâng...

Thu cầm hai phong thư bỏ vào trong va-li. Ông Hoan ngồi xuống nơi bàn học của Thu :

– Vào trong ấy con hãy cố gắng học hành cho đỗ đạt, phải học hành rồi làm gì mới làm được. Anh con là người khá, chắc Trác sẽ không để con phải cực đâu, cậu biết, có điều anh con đã không có may mắn, nếu không ở lại chắc là...

Thu chợt đứng lên mở tủ lấy ra tập sách dán ảnh gia đình, Thu nhìn bà Hoan :

– Mẹ cho con lấy mấy tấm hình mang theo.

Bà Hoan mỉm cười bằng lòng. Thu lật ra lấy một chiếc ảnh lớn của ông bà Hoan chụp hồi còn trẻ, nàng cũng lấy ra những hình có nàng ở trong. Chiếc ảnh

chụp gia đình làm nàng cảm động. đôi môi mím lại, đôi mắt ngượng ngùng của Thu trong tấm ảnh ngày mới trở lại Hà Nội làm nàng cảm động. Thu xếp xong hành lý, những quần áo, một ít sách vở, bà Hoan không quên đeo cho Thu đôi vòng vàng của bà, một ít tiền gói trong chiếc khăn mặt. Thu thấy yếu lòng với chuyến ra đi. Rất khuya cả nhà mới tắt đèn đi ngủ, Thu không chịu nằm một mình, nàng nằm với bà Hoan như cố gắng sống lại những gì mình đã được sống trong suốt những thời gian đã qua. Thu thấy mình tỉnh táo, đôi mắt mở nhìn lên trần màn, ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ khiến cho lần vải như tấm màn ảnh chưa được chiếu lên trong những giây phút đầu của một xuất chớp bóng. Những gì đang đợi nàng trong chuyến đi và những ngày sau đó ?

Những ý nghĩ quay cuồng vừa lo âu, vừa hồi hộp trước những đổi thay, Thu hình dung thấy bước lên phi cơ, chiếc phi cơ vút lên trời cao.

✱

Bà Hoan đánh thức Thu dậy, nàng nhìn ra ngoài trời, trời mới rạng sáng, ông Hoan đã ngồi uống nước nơi trường kỷ, bà Hoan giót nước sôi ra chiếc thau đồng, hơi nước đục mù, bà giục Thu đi rửa mặt; thay quần áo. Đứa em đã mang va-li của Thu xuống nhà, ngồi vào bàn Thu thấy đã có sẵn đĩa xôi lạc lớn còn hơi nóng nghi ngút. Điểm tâm gần xong thì thấy Hữu đến, Thu cuống cuống đứng lên đi đi lại lại mà không biết làm gì. Lúc sau Hữu đứng lên nói :

– Chúng con xin phép hai bác đi kéo muộn.

Vừa nói Hữu vừa xách lấy chiếc va-li của Thu, không khí bỗng rưng rưng nước mắt. Thu đứng lên, ông Hoan cầm chiếc xách tay nhỏ cho Hữu, cả nhà đưa Hữu và Thu ra cửa. Thu thấy hai chân mình như run lên với những bước đi nhẹ hẫng muốn ngã. Thu khóc, bà Hoan khóc, ông Hoan bắt tay Hữu :

– Các cháu đi may mắn, vào trong ấy rồi viết ngay thư ra cho hai bác yên lòng.

– Thừa cậu mợ con đi.

Thu quay vội đi, phố buổi sớm mai vắng tanh.

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

CHÚ Ý : Vì lý do kỹ thuật một phần, và một phần phải dành sổ trang cho nhiều tiết mục mới sắp mở, tòa soạn quyết định chấm dứt mục giải đáp thắc mắc, kể từ số báo tới. Thành thực cáo lỗi cùng các bạn đã gửi “thắc mắc” về tòa soạn mà chưa nhận được trả lời.

* Trần Văn Thống, Kbc 3319, hỏi:

1) Xin cho biết tiểu sử và văn nghiệp của ông Nguyễn Xuân Hoàng ?

2) Xin cho biết hai bài thơ “Hoa trắng thôi cài trên áo tím” có xuất bản không ?

3) Xin cho biết “Công báo” xuất bản ở đâu và có miễn phí không ?

(thư ngày 5 tháng 9 năm 1971)

Trả lời :

1) Nguyễn Xuân Hoàng sinh ngày 7 tháng 7 năm 1937 tại Khánh hòa, Trung phần. Hiện là giáo sư dạy Triết.

Tác phẩm đã in :

1) Mù sương, tập truyện, Thời Mới, 1966.

2) Sinh nhật, tập truyện, Văn Uyển, 1968,

3) Khu rừng hực lửa, truyện dài, Đêm Trắng, 1970.

Hiện nay NXH đang chuẩn bị cho nhà Nguyễn đình Vương ấn hành tập tùy bút “Ý nghĩ trên cỏ”.

Ngoài ra, ông còn dịch (chung với T. P. G.) cuốn Sự đã rồi (dịch “Les jeux sont faits”) của Jean-Paul Sartre (Giao-điểm

1966); và soạn sách giáo khoa Triết học Luận lý học, Đạo đức học, lớp 12, (Sống Mới, 1971).

2) Cả hai bài đều đã in trong thi tập Hoa trắng thôi cài trên áo tím, của Kiên Giang Hà Huy Hà, Phù Sa xuất bản, Sài-gòn 1962. Bài 1 nơi trang 9, bài 2 nơi trang 25.

3) Công báo là ấn phẩm công, nhưng không miễn phí. Muốn mua, bạn có thể hỏi nơi : Công báo Việt-nam, số 63 đường Tự Do, Sài-gòn.

*** Nhắn tin :**

– Tuấn Anh, Đà-nẵng :

Chúng tôi tiếc không thể đăng thư (không đề ngày tháng 1) của ông, vì không thể kiểm chứng được xuất xứ tài liệu ông nhắc “đại khái” trong thư dẫn

thượng. Nói mà không có sách, e là ông bạn LVH lại không tin. Xin được chân thành cảm ơn sự chiếu cố của ông.

* Lâm Tեն Cuôi, Láng-tròn :

Chúng tôi không có tài liệu của miền Bắc nên không thể có ý kiến. Cũng có thể là CLV đã thay tên đổi họ, như tác giả Kim Nhật cho biết.

– Phạm M-T Hảo, Phan-thiết.

1) Bà NTH viết loạt bài đó sau khi đi du lịch về. 2) Rất tiếc, chúng tôi không biết. 3) “Roméo và Juliette” (1594) là bi kịch của William Shakespeare (1564-1616). Kịch có nhân vật chính là một cặp trai gái, yêu thương nhau thắm thiết, nhưng lại là nạn nhân của một mối thù truyền kiếp giữa hai dòng họ (Capulet và Montaigu). Berlioz (1838) và Gounod (1867) đã soạn thành nhạc kịch.

– Nhân, Kbc 4311 :

Bạn thử biên thư hỏi mấy vị dịch văn Kh Krishnamurti nhờ chỉ dẫn giùm. (Thư nhờ nhà xuất bản chuyên).

– Trần Văn Vân, Quảng Ngãi:

Tất cả các tài liệu chúng tôi hiện có đều ghi : Nguyễn Công Trứ sinh tại xã Uy-viển, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Chắc hai soạn giả Thẩm Thệ Hà và Xuân Tước đã lầm (?).

Thư Trung

tin văn văn

Cuộc triển lãm Hội họa của Sinh viên Cao đẳng Mỹ thuật Huế.

Cuộc triển lãm này được đặt dưới sự bảo trợ của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa. Mở cửa từ ngày 30- 10 đến hết ngày 6-11-1971.

Đây là cuộc triển lãm hàng năm của trường, song năm nay anh em sinh viên đã có dịp đi xa hơn mọi năm, đem trưng bày tại Sài Gòn với mục đích học hỏi thêm kinh nghiệm và trình bày công việc của mình với giới thưởng ngoạn thủ đô.

Với số lượng gần 60 họa phẩm, vừa tranh dầu tranh lụa, sơn mài cũng khá

đầy đủ để nói lên những hình ảnh về Huế, về tài năng nghệ thuật của các anh chị em sinh viên mỹ thuật.

Nhìn chung thì trường Mỹ thuật Huế đã tự tạo được một sắc thái tươi trẻ, tự do phóng khoáng ở sự lựa chọn đề tài, cũng như bút pháp và đường lối sáng tác. Tuy nhiên nhìn riêng từng cá nhân người ta cũng đã nhận thấy được những xu hướng khác nhau và đôi khi cá tính của họa sĩ cũng đã thấp thoáng hiện hiện trên một vài tác phẩm. Điều đó chắc hẳn là trong phương cách giáo dục nghệ thuật, ông thầy đã không để cho sở thích riêng tư của mình chi phối đến tài năng của người theo học.

Ưu điểm đáng nói đến nhất, có lẽ là sự làm việc thận trọng và đứng đắn trông thấy trên các bức họa. Đó là những công trình được chăm sóc từng mảng màu,

từng nét bút để được hoàn tất một cách chu đáo. Ở một khía cạnh khác, có điều đáng nói là phần lớn, nếu không nói là hầu hết các bức họa chất sơn chưa tới mức (đó là điều khó tránh trong bước đầu) chất sơn còn sượng sùng, chưa tạo nên được một nước “men” trong trẻo và vững chắc, một thiếu sót nữa, là sự bố cục về ánh sáng chưa được để ý đến. Nên nhiều bức tranh đã thiếu không khí, ví như một bức hình chụp giữa nắng buổi trưa, lúc vừa đúng ngọ. Con đường còn dài, song với những hiểu biết và một số kinh nghiệm sẵn có. Chắc chắn năm tới, người yêu tranh ở Thủ Đô lại có dịp được thưởng ngoạn, những tác phẩm mới và phong phú hơn của các anh em sinh viên mỹ thuật Huế.

Thái Tuấn

Nha Trang nghĩa thực.

Trong hơi mát của những ngày mưa bão khắp miền Trung, những người thiện chí hiếm hoi của một xã hội lạm phát-tham-những sáng chủ nhật 24-10-1971 đã gặp nhau dưới mái đền Khổng ở đường Lữ Gia, Nha Trang. Sau các Nghĩa thực Quảng Ngãi và Bình Định, Nha Trang Nghĩa thực đã chính thức ra mắt với lễ khai giảng Trường Nha Trang Nghĩa thực niên khóa 1971-1972.

Đứng trước khoảng 110 em nam nữ học sinh lớp sáu, là con em của những gia đình quân công và lao động nghèo, trong bài diễn văn ứng khẩu lưu loát, nhà văn luật sư Dương Kiền nhấn mạnh rằng Nghĩa thực không mang những hoài bão to lớn, không nhằm những mục đích chính trị nào. Theo chân Quảng Ngãi Nghĩa thực, Nha Trang Nghĩa thực

nhằm bù đắp phần nào cái lỗ hổng giáo dục khổng lồ, nâng vớt một số trẻ thơ vì nạn thiếu trường và vì gia đình nghèo đói đã bị bỏ quên, hướng dẫn các em về đầy đủ ba phương diện trí, đức và thể dục trong mục tiêu đào tạo những thanh thiếu niên có thiện chí để nối tiếp tinh thần bất vụ lợi của Nghĩa thực.

Sau lễ khai giảng là buổi họp của tất cả ban giám đốc, các giáo sư và anh em thân hữu. Đại hội thảo luận về bản nội qui cho Nghĩa thực, bầu cử lại ban giám đốc và các trưởng khối, trưởng ban và dự trù những kế hoạch sẽ thực hiện. Trong không khí rất thân mật và cởi mở chúng tôi nhận thấy có những khuôn mặt trí thức, nhân sĩ rất quen biết ở thị xã. Xét về thành phần 'xã hội, có thể kể đa số là giáo sư, giáo học, ngoài ra là bác sĩ, luật sư, nhà văn, ký giả và quân nhân. Về

tuổi tác có thể nói là từ 19 đến 40. Đặc biệt chỉ có một phụ nữ trong tổng số hơn một trăm người thiện chí hiện diện hôm ấy là cây bút trẻ Tần Vy, 19 tuổi, đã nổi danh một thời với những bài thơ “búp bê”.

Đại hội thảo luận rất sôi nổi và các chức vụ đã được bầu cử rất xứng đáng. Ban giám đốc Nghĩa thực gồm B.s. Trần Lâm Cao (giám đốc), anh Huy Hoàng (thư ký), nhà văn Dương Kiên (Trưởng khối Sinh hoạt), Gs. Mai Đình Chung (Trưởng khối Quản trị)...

Nhà văn Duy Năng, Trưởng ban Kinh tài, đưa ra kế hoạch sẽ tổ chức một đêm đại nhạc hội để gây quỹ và phát hành một giai phẩm dịp Tết nhằm quảng bá tinh thần Nghĩa thực sâu rộng trong quần chúng. Cầu chúc Nghĩa thực được sự hưởng ứng nồng nhiệt của đồng bào

xứ thù dương cát trắng trong bước đầu phát triển cơ sở...

Được biết ở Phan Rang cũng đang thành hình Phan Trung Nghĩa thực. Nhưng theo dư luận dân Ninh Thuận thì nhà văn Lam Giang đang trở thành một “người hùng cô đơn” giữa những người đồng hành nhưng chẳng đồng tâm (!) Nếu tin đồn đúng, chúng tôi tha thiết xin chính quyền tiếp tay cho những người dân thiện chí được làm việc công ích, đừng để bọn cò mồi nhào vào ăn có, tội nghiệp cho tinh thần Nghĩa thực đang từ lòng dân thể hiện mạnh mẽ ở những tỉnh nghèo miền Trung khô cằn sỏi đá, bão lụt quanh năm này.

NPT ghi

Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Toàn Quốc

Ngày 11 tháng 10 vừa qua, Phủ QVK-ĐTVH đã cho phổ biến rộng rãi một thông cáo về việc tổ chức Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Toàn Quốc 1971 do Tổng thống VNCH sáng lập.

Đại để, việc tổ chức, các bộ môn, về dự thi v.v..., cũng giống như những năm trước, duy chỉ có sự thay đổi về giải thưởng là đáng lưu ý, như sau :

Về mỗi loại, không có giải thưởng theo hệ cấp Giải nhất nhì, ba như các năm' trước mà chỉ có một Giải duy nhất. Trong trường hợp không có tác phẩm trúng giải, Hội đồng Chấm Giải tùy nghi trao tặng tối đa mỗi thể loại 2 giải khuyến khích.

Về Hội họa và Điêu khắc, mỗi giải gồm một khoản hiện kim 600.000đ00.

Về Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch, Âm nhạc loại A, mỗi giải gồm một khoản hiện kim 400.000đ.00.

Về Âm nhạc loại B mỗi giải gồm một ngân khoản hiện kim 100.000đ00.

Về Nhiếp ảnh, giải thưởng cho mỗi loại ảnh đen trắng và ảnh màu gồm có huy chương vàng y hạng nhất trị giá 100.000đ.00 hạng nhì trị giá 60.000đ.00, hạng ba và hạng đặc biệt trị giá 40.000đ.00 (dành cho bộ ảnh xuất sắc nhất).

Về điện ảnh, giải thưởng gồm có 7 Tượng Vàng, 3 Tượng Bạc và 1 Tượng Đồng.

Mỗi giải khuyến khích gồm khoản hiện kim ấn định là 1/4 khoản hiện kim

của giải thưởng, ngoại trừ giải khuyến khích các bộ môn nhiếp ảnh và Điện ảnh chỉ có Văn bằng Danh dự.

Về việc tham dự Giải VHNTTQ-1971, văn nghệ sĩ được hoàn toàn tự do lựa chọn đề tài cho tác phẩm dự giải. Muốn dự giải xin gửi tác phẩm kèm theo Phiếu dự giải đến Ban Tổ chức Giải Thưởng ;

1) trước ngày 26-12-1971 đối với tác phẩm thuộc các bộ môn Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch.

2) trước ngày 15-01-1972 đối với tác phẩm thuộc các bộ môn : Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh.

Kết quả giải thưởng sẽ được công bố trước Tết Nguyên đán Nhâm Tý.

Muốn rõ thêm chi tiết xin liên lạc với Ban Tổ chức Giải Thưởng đặt tại Phủ

Quốc-vụ-khanh Đặc trách Văn hóa, số 8
đường Nguyễn Trung Trực, Sài Gòn, điện
thoại số 92.709.

VĂN số 191

Nhà văn Nhật:

NAOYA SHIGA

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

– TUYỂN TẬP THI CA, SỐ 1 mùa thu tháng 10-1971. Gồm 6 tác giả : Tuệ Mai, Lê Nghị, Trần Xuân Kiêm, Huy Tưởng, Trữ Vũ, Nguyễn Hữu Nhật, do ANH EM xuất bản, 16 trang, giá 50đ.

– NÓI VỚI TUỔI TRẺ, của Mai Tâm, Tiến sĩ tâm lý giáo dục, do viện Khoa Học giáo dục Sài Gòn xuất bản, 268 trang, giá 280đ.

GIÁO DỤC NGUYỆT SAN, số 51, tháng 9, 10-1971. Tạp chí của giáo chức

và phụ huynh, 96 trang, giá 50%.

GUIDELINES FOR TEXT-BOOK EVALUATION FOR VIET. NAMESE HIGH SCHOOL ENGLISH PROGRAMS by Dam Xuan Can, do Đại Nam Văn Hiến xuất bản, in rô-nê-ô, không ghi giá bán.

BẢN TIN SỐ 12, ra ngày 15- 10- 1971, Tổng kết một năm hoạt động của Thanh Thương Hội Việt Nam, Chi Hội Huế,

THẾ GIỚI NGÀY NAY VÀ TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI, của Bertrand Russell, Nguyễn Hiến Lê dịch, Ca dao xuất bản, 152 trang giá 160đ.

TIM HỒNG DÃ THÚ, thơ Trang Nguyên Thủy, Thân Hữu xuất bản, in rô-nê-ô, không ghi giá bán.

NGÂM NGƯỜI RIÊNG TA, thơ Nguyễn Quang Bằng, Vượt Sóng xuất bản, bản đặc biệt, không ghi giá bán.

THỂ HIỆN, số 2, tập sau văn nghệ, in rô-nê-ô, 74 trang không ghi giá bán.

ZARATHUSTRA ĐÃ NÓI NHƯ THẾ, của F. Nietzsche, Trà Xuân Kiêm dịch, giới thiệu và chú thích, An Tiêm xuất bản, dày 70 trang, giá 700đ.

TÌM HIỂU, SỐ 11, tuần báo thời sự sinh hoạt, 32 trang offse giá 50đ.

ĐIỀU BUỒN GIAO CHỈ, thơ Nguyễn văn Độ, Nguồn xuất bản, 80 trang, giá 100đ.

BÊN KIA MỘT DÒNG SÔNG truyện dài của Dương Trữ La, Chim Việt xuất bản, 100 trang giá 140đ.

KHI LOÀI NGƯỜI SẮP CHẾT, thơ
Linh Uyên, Đối Tượng xuất bản, in rô-
nê-ô, 26 trang không đề giá bán.



BÀI LAI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Tòa soạn VĂN đã nhận được bài của
các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang
đọc Các bài được chọn đăng, sẽ có báo
tin trên những số báo sau.

Tòa soạn không giữ lại cũng như
không phát hoàn bản thảo những bài
lai cảo không được chọn đăng. bạn nào
không muốn thấy tên ghi trong mục này
xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản
thảo.

THƠ

Hồ Thy Cơ . Huỳnh Văn Lê . Lê thị
 Vinh Tính . Lê Đình Trình . Thái Trương
 Trương . Phạm Hữu Trang . Bảo Hoài
 . Dương Thanh Tùng . Trần Ngọc Kim
 . Nguyễn Cao Cử . Trần Hoàng Hôn.
 Trịnh Hữu Hương . Võ Văn Tráng Thiết
 . Lã Huyền Hoa . Lam Minh Phương .
 Trương Thảo Nguyễn . Nguyễn Phước .
 Thiếu Lang . Nguyễn Ngọc Nghĩa . Hoài
 Diễm Tử . Thái Phi Tùng . Nguyên Bích
 . Hằng Vũ . Hoàng Nguyễn . Đèo Văn
 Trấn . Phạm Nhựt . Trầm Hương . Phạm
 Nhân Nghĩa . Nguyễn Kỳ Phong. Thái
 Dũng . Nguyễn Dạ Linh . Công lương
 . Nguyễn Nhật Ánh . Nguyễn Ân Thư .
 Hàn Điệp Vân . RR Vương Miện . Phạm
 Nhân Nghĩa . Nguyễn Minh Sơn . Trần
 Đình Bảo Ngọc . Phạm Phú Ba . Trần Huệ
 Linh . Lưu Vân . Lương Thị Tuyết Vọng

. Nguyễn Đức Bạt Ngàn . Trần thị Từ Ly
. Trương Văn Ngọc . Phi Văn . Nguyễn
Phan Thịnh . Hồ Qui Tà Thái . Nguyễn
Ngọc Nghĩa . Nguyễn Ngọc Ấn . Hàn
Nhân . Trần Kim Chung . Lê Văn Trung .
Fan Cung Hạ . Tạ Thái . X-PH . Đặng Phủ
Phong . Vũ Thành Lâm . Hội Vân . Lan
Minh Phương . Nguyễn Văn Ngọc . Phan
Cung Nghiệp . Luân Sơn . Nguyễn Lê
Tuyền . Thiên Di . Phan Duy Trầm Mặc
. Nguyễn Hà Phương . Mạc Vân Linh .
Nguyễn Lữ Hành . Trần Kim Chung . Võ
Chân Cửu . Phạm Cao Hoàng . Lê Thị .
Phạm Đình Chương . Lê Niệm Châu .
Trần Quang Thiếu . Yên Ngàn . Nguyễn
Thy Phượng . Nguyễn Khoa Miên . Vi
Khoa . Dạ Miêu .

VĂN

Vũ Thụy . Mang Viên Long . Nguyễn
Thanh Long . Hà Đức Thông . Đặng Hàng

Thành . Võ Văn Phú . Hoài Anh . Trần
Dạ Thảo . Phan Trường Linh . Ưu Thức
Kim Dung . Phan Vũ. Trương Bảo Đông
Phan Cung Nghiệp . Đặng Phú Phong
. Lương Thái Sỹ . Phạm Quang Phước.
Trương Hữu Mây . Hoàng Ngọc Hiền .
Phạm Ngọc Lữ .

